

SỞ TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ
TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0106798702

Đăng ký lần đầu: ngày 24 tháng 03 năm 2015

Đăng ký thay đổi lần thứ: 11, ngày 23 tháng 07 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM ECO PLASTIC TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ECOPLASTIC VN

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Trung Dương, Xã Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0963391326

Thư điện tử:

3. Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 20.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: NGUYỄN ĐÌNH TUẤN

Ngày, tháng, năm sinh: 23/08/1990

Số định danh cá nhân : 001090039907

Chức danh: Tổng giám đốc

Địa chỉ liên lạc: *Căn hộ 710, Tòa N03-T5, Khu Đoàn Ngoại Giao, Phường Xuân Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Số Fax:
Website:
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: **31-10-2025**
Số chứng thực: **47138** - - - - - **01** - - -
Quyển số: SCT/BS.



CÔNG CHỨNG VIÊN

Vũ Thị Phương

**KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Hữu Lương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----000-----

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 31 tháng 10 năm 2025



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Nguyễn Văn Bình

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM



HÀ NỘI

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	4
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	4
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	5
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	5
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	8
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP.....	8
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đồng sáng lập.....	8
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	9
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	9
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	9
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và Kiểm soát.....	9
VI. CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG.....	9
Điều 11. Quyền của cổ đồng.....	9
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đồng.....	11
Điều 13. Đại hội đồng cổ đồng.....	12
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đồng.....	13
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đồng.....	14
Điều 16. Thay đổi các quyền.....	15
Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đồng.....	16
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đồng.....	17
Điều 19. Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đồng.....	17
Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết định của Đại hội đồng cổ đồng được thông qua.....	19
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đồng bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đồng.....	20
Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đồng.....	21
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đồng.....	22
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	22
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	22
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	23

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

Điều 26.	Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	24
Điều 27.	Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	25
Điều 28.	Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	26
Điều 29.	Cuộc họp của Hội đồng quản trị	26
Điều 30.	Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	28
Điều 31.	Người phụ trách quản trị công ty	28
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC		29
Điều 32.	Tổ chức bộ máy quản lý.....	29
Điều 33.	Người điều hành Công ty	29
Điều 34.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	29
IX. BAN KIỂM SOÁT.....		30
Điều 35.	Ứng cử, đề cử thành viên Kiểm soát viên.....	30
Điều 36.	Thành phần Ban Kiểm soát	30
Điều 37.	Trưởng Ban Kiểm soát	31
Điều 38.	Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát.....	31
Điều 39.	Cuộc họp của Ban Kiểm soát.....	32
Điều 40.	Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên BKS	32
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....		32
Điều 41.	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	33
Điều 42.	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	34
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY		34
Điều 43.	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	34
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN		35
Điều 44.	Công nhân viên và công đoàn.....	35
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....		35
Điều 45.	Phân phối lợi nhuận	35
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN		36
Điều 46.	Tài khoản ngân hàng.....	36
Điều 47.	Năm tài chính	36
Điều 48.	Chế độ kế toán.....	36
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....		36
Điều 49.	Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	36
Điều 50.	Báo cáo thường niên	37
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY		37
Điều 51.	Kiểm toán.....	37

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....	37
Điều 52. Dấu của doanh nghiệp.....	37
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY.....	37
Điều 53. Giải thể công ty.....	38
Điều 54. Gia hạn hoạt động.....	38
Điều 55. Thanh lý.....	38
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	38
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	39
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	39
Điều 57. Điều lệ công ty.....	39
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	39
Điều 58. Ngày hiệu lực.....	39

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

PHẦN MỞ ĐẦU

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ mẫu (Ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính)

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông năm 2022 ngày 21/11/2022, Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 23/12/2022, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 ngày 10/10/2024 của Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

ĐIỀU 1. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

- Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - "*Vốn điều lệ*" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - "*Luật Doanh nghiệp*" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
 - "*Luật Chứng khoán*" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - "*Ngày thành lập*" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) đăng ký lần đầu;
 - "*Người điều hành doanh nghiệp*" là Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn, cụ thể bao gồm: Trưởng bộ phận phòng ban, chi nhánh, đơn vị trực thuộc hoặc các chức danh quản lý tương đương;
 - "*Người có liên quan*" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;
 - "*Thời hạn hoạt động*" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;
 - "*Việt Nam*" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
- Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 2. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Tên Công ty:
 - Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

- Tên tiếng Anh: VIET NAM ECO PLASTIC TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

- Tên viết tắt: ECOPLASTIC VN

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Trung Dương, Xã Kiều Ky, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Điện thoại: 0221 3791 003

- Mail: info@ecoplastic.com.vn

- Website: www.ecoplastic.com.vn

4. Công ty có thể lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

ĐIỀU 3. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty;

b) Trung thành với lợi ích của công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp và doanh nghiệp mà người có liên quan của mình làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần, phần vốn góp chi phối;

d) Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 4. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I. Ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty là:

STT	Ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ <i>Chi tiết: - Vận tải hàng hóa</i>	4933
2	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

STT	Ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	<i>Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm nhựa; Sản xuất plastic nguyên sinh; Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh</i>	(Chính)
3	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết:</i> - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Bán buôn hạt nhựa); - Loại trừ Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: Thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải.	4669
4	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Chi tiết:</i> - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Loại trừ Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: Thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải.	4663
5	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Chi tiết: Loại trừ Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: Thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải</i>	4659
6	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình <i>Chi tiết: Loại trừ Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài,</i>	4649

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

STT	Ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	<i>tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: Thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải.</i>	
7	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>(Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng).</i>	6810
8	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất <i>(Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ: quảng cáo bất động sản, môi giới bất động sản, tư vấn bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản.</i>	6820
9	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
10	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
11	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
12	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
13	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
14	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Loại trừ Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: Thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải)</i>	8299
15	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa <i>(Chi tiết: Đại lý hàng hóa (Loại trừ Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: Thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải)</i>	4610

(Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Không ngừng tổ chức và phát triển hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực nhằm thu lợi nhuận tối đa, tạo việc làm ổn định và nâng cao đời sống thu nhập

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

cho người lao động, làm tròn nghĩa vụ thuế đối với Ngân sách nhà nước và phát triển Công ty vững mạnh.

ĐIỀU 5. PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật, chuyên ngành liên quan.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

ĐIỀU 6. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

1. Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 20.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

ĐIỀU 7. CHỨNG NHẬN CỔ PHIẾU

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

ĐIỀU 8. CHỨNG CHỈ CHỨNG KHOÁN KHÁC

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

ĐIỀU 9. CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

ĐIỀU 10. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- 1. Đại hội đồng cổ đông;
- 2. Hội đồng Quản trị;
- 3. Ban Kiểm soát;
- 4. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 11. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cá

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

ĐIỀU 12. NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 13. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp: yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Kiểm

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu Đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục đề tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

ĐIỀU 14. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

l. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận: quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát;
- u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 15. ỦY QUYỀN THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

ĐIỀU 14. THAY ĐỔI CÁC QUYỀN

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, 19 và Điều 20 Điều lệ này.

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

ĐIỀU 17. TRIỆU TẬP HỌP, CHƯƠNG TRÌNH HỌP VÀ THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- d. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- e. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

ĐIỀU 18. CÁC ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

ĐIỀU 19. THẺ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

b) Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác.
- b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/ND-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

ĐIỀU 20. ĐIỀU KIỆN ĐỂ NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

2. Các Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4, và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết do vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

ĐIỀU 21. THẨM QUYỀN VÀ THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỂ THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

d. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

l. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số cổ phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 22. NGHỊ QUYẾT, BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên Chủ tọa và thư ký;

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

- d. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - e. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên và chữ ký của Chủ tọa và thư ký. Trường hợp Chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

ĐIỀU 23. YÊU CẦU HỦY BỎ NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- 1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.
- 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐIỀU 24. ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - đ. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên liên quan của Công ty;
 - e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.
 - g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có)
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty. Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

ĐIỀU 25. THÀNH PHẦN VÀ NHIỆM KỲ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

ĐIỀU 26. QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng trị (nếu có), Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐCP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

ĐIỀU 27. THÙ LAO, THƯỞNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

ĐIỀU 28. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 29. CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, và các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư ($3/4$) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa ($1/2$) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 30. CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

ĐIỀU 31. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

đ. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT-NAM

- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- í. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

ĐIỀU 32. TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 33. NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

ĐIỀU 34. BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

- a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - e. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
 - g. Tuyển dụng lao động;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

ĐIỀU 35. ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 36. THÀNH PHẦN BAN KIỂM SOÁT

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 37. TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

1. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;

c) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 38. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác;

4. Đàm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban Kiểm soát phải

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

ĐIỀU 39. CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

ĐIỀU 40. TIỀN LƯƠNG, THỦ LAO, THUỞNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN BKS

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.

2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

ĐIỀU 41. TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH CÁC XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với những giao dịch có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ hai mươi phần trăm (20%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

ĐIỀU 42. TRÁCH NHIỆM VỀ THIẾT HẠI VÀ BỒI THƯỜNG

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

ĐIỀU 43. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

ĐIỀU 44. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

ĐIỀU 45. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

ĐIỀU 46. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

ĐIỀU 47. NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

ĐIỀU 48. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

ĐIỀU 49. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM, BÁN NIÊN VÀ QUÝ

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

ĐIỀU 50. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

ĐIỀU 51. KIỂM TOÁN

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

ĐIỀU 52. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

ĐIỀU 53. GIẢI THỂ CÔNG TY

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

ĐIỀU 54. GIA HẠN HOẠT ĐỘNG

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

ĐIỀU 55. THANH LÝ

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

ĐIỀU 56. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

ĐIỀU 57. ĐIỀU LỆ CÔNG TY

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định của pháp luật đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

ĐIỀU 58. NGÀY HIỆU LỰC

1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương 58 điều được Đại hội đồng cổ đông ngày 21/11/2022, Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 23/12/2022, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 ngày 10/10/2024 của Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam nhất trí thông qua sửa đổi và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

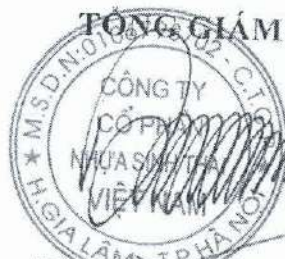
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HỮU DƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA
SINH THÁI VIỆT NAM

Số: 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ/ECO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Hưng Yên, ngày 25 tháng 04 năm 2025

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 21 tháng 10 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhựa Sinh Thái Việt Nam;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Thường niên năm 2025 số 01/2025/BBH-ĐHĐCĐ/ECO của Công ty Cổ phần Nhựa Sinh Thái Việt Nam ngày 25/04/2025;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/BBH-ĐHĐCĐ/ECO của Công ty Cổ phần Nhựa Sinh Thái Việt Nam ngày 25/04/2025;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị

Điều 2: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát

Điều 3: Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và phương hướng kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

Điều 4: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024

Điều 5: Thông qua phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế lũy kế chưa phân phối tính đến ngày 31/12/2024

Điều 6: Thông qua phương án chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2024 và kế hoạch trả thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025

Điều 7: Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2025

Điều 8: Thông qua các giao dịch với các bên liên quan trong năm 2025 và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện

Điều 9: Thông qua việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty và sửa đổi Điều lệ (theo Tờ trình tổng hợp số 03/2025/TTr-HĐQT/ECO)

Điều 10: Thông qua việc điều chỉnh kế hoạch tăng vốn điều lệ và phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng (theo Tờ trình số 04/2025/TTr-HĐQT/ECO)

Điều 11: Thông qua việc tăng vốn điều lệ, chỉnh sửa mức vốn điều lệ, số cổ phiếu lưu hành cùng các nội dung liên quan khác trong Điều lệ theo số vốn thực tế tăng thêm và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện việc tăng vốn điều lệ sau khi kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng

Điều 12: Thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2023 -2028 kể từ ngày 25/04/2025

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng Quản trị đối với Ông Nguyễn Thành An và bầu bổ sung Ông Nguyễn Tôn Việt là thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028 kể từ ngày 25/04/2025.

Điều 13: Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Sinh Thái Việt Nam, Ban Tổng Giám đốc và các phòng/ban/đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này, đảm bảo lợi ích của cổ đông, Công ty và tuân thủ theo các quy định của pháp luật.

-----o0o-----

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Thường niên năm 2025 (ECO)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đình Tuấn

Nơi nhận:

- Như Điều 13;
- Các cơ quan, tổ chức liên quan
- Cổ đông Công ty (thông qua website);
- Lưu VT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH ĐỢT - CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



NGUYỄN VĂN BÌNH



-----o0o-----

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Thường niên năm 2025 (ECO)

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 31 tháng 10 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA
SINH THÁI VIỆT NAM

-----o0o-----

Số: 01/2025/BBH-ĐHĐCD/ECO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2025

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đình Lưu

Tên doanh nghiệp : Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam
Địa chỉ trụ sở chính : Thôn Trung Dương, xã Kiều Ky, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
Giấy CNĐKDN số : 0106798702 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/03/2015, thay đổi lần thứ 10 ngày 18/10/2024
Thời gian họp : Bắt đầu lúc 09 giờ 00 ngày 25/04/2025
Kết thúc lúc 11 giờ 30 ngày 25/04/2025
Địa điểm họp : Phòng họp - Chi nhánh Nhà máy sản xuất Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam.
Địa chỉ: Khu công nghiệp Tân Quang, Xã Tân Quang, Huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Chương trình và nội dung Đại hội : Theo Chương trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua
Số đại biểu tham dự : Tổng số cổ đông và đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự là 266 cổ đông, đại diện cho 20.000.000 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty
Chủ tọa : Ông Nguyễn Văn Bình – Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Thư ký Đại hội : Bà Nguyễn Thị Nghi

DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI

I. THỦ TỤC KHAI MẠC ĐẠI HỘI:

- Ban tổ chức tiến hành đăng ký đại biểu tham dự Đại hội.**
- Báo cáo thẩm tra tính hợp lệ của Đại hội:**

Bà Nguyễn Thị Nghi – Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông đọc Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông ngay trước thời điểm khai mạc. Kết quả như sau:

- Tổng số cổ đông được mời tham dự Đại hội là 266 cổ đông, tương ứng 20.000.000 cổ phiếu lưu hành, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Tại thời điểm khai mạc Đại hội, tổng số lượng cổ đông và người được ủy quyền dự họp có mặt tại Đại hội là 25 cổ đông, sở hữu và đại diện cho 15.231.700 cổ phiếu lưu hành, chiếm tỷ lệ 76,16% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Như vậy theo quy định của Luật doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam đã đủ điều kiện tiến hành.

3. Ban tổ chức đề xuất và lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua thành phần Đoàn Chủ tọa, Ban Thư ký và Ban Kiểm phiếu, như sau:

3.1 Đoàn Chủ tọa gồm:

- Chủ tọa: Ông Nguyễn Văn Bình - Chủ tịch Hội đồng Quản trị (HDQT)
- Thành viên Đoàn Chủ tọa gồm:
 - Ông Nguyễn Hữu Dương - Thành viên HDQT kiêm Tổng Giám đốc (TGD)
 - Ông Đào Quốc Hùng – Thành viên HDQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

3.2. Ban Thư ký gồm:

- Trưởng ban: Bà Nguyễn Thị Nghi
- Thành viên: Bà Trần Ngọc Phương

3.3. Ban Kiểm phiếu gồm:

- Trưởng ban: Bà Đỗ Thị Duyên – Thành viên Ban Kiểm soát (BKS)
- Thành viên:
 - Bà Trần Ngọc Phương – Thành viên BKS
 - Ông Đồng Văn Hưng – Đại diện cổ đông

Các cổ đông dự họp đã biểu quyết thông qua việc bầu nhân sự Đoàn Chủ tọa, Ban Thư ký và Ban Kiểm phiếu bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết với số phiếu tán thành đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

4. Thông qua Chương trình và Quy chế làm việc của Đại hội

Đại diện Ban tổ chức trình bày Chương trình, Quy chế làm việc, Quy chế biểu quyết và Quy chế đề cử, bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2023-2028 của Đại hội. Các cổ đông dự họp đã biểu quyết thông qua bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết với số phiếu tán thành đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

II. CÁC TỜ TRÌNH TRÌNH BÀY TẠI ĐẠI HỘI

Ông Nguyễn Hữu Dương – Thành viên HDQT kiêm TGD trình bày các tờ trình xin ý kiến Đại hội như sau:

1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị;
2. Tờ trình tổng hợp số 03/2025/TTr-HDQT/ECO;
3. Tờ trình số 04/2025/TTr-HDQT/ECO về việc điều chỉnh kế hoạch tăng vốn điều lệ và phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng;
4. Tờ trình về việc thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị

Bà Trần Ngọc Phương – Thành viên BKS trình bày tờ trình xin ý kiến Đại hội như sau:

1. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát

(Tài liệu đính kèm)

III. THẢO LUẬN CỦA CỔ ĐÔNG TẠI ĐẠI HỘI

Các cổ đông không có ý kiến.

IV. BIỂU QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ THUỘC THẨM QUYỀN CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Tại thời điểm biểu quyết, số lượng cổ đông và người được ủy quyền tham dự họp là 25 người, đại diện cho 15.231.700 cổ phần, tương ứng với 15.231.700 số phiếu biểu quyết chiếm tỷ lệ 76,16% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tại Công ty.

Phương thức biểu quyết tất cả các vấn đề tại cuộc họp: Cổ đông biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín.

Bà Đỗ Thị Duyên – Trưởng Ban Kiểm phiếu lên công bố kết quả kiểm phiếu tại Đại hội.

- Tổng số phiếu biểu quyết phát ra: 15.231.700 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Tổng số phiếu biểu quyết thu về: 15.231.700 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;

Trong đó:

- Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ là 15.231.700 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ là 0 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Tổng số phiếu biểu quyết không tham gia biểu quyết là 0 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết quả kiểm phiếu như sau:

Vấn đề 1: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị

Nội dung	Tổng số phiếu biểu quyết dự họp và biểu quyết	Hợp lệ			Không hợp lệ
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến	
Số lượng phiếu biểu quyết	15.231.700	15.231.700	0	0	0
Tỷ lệ %/tổng số phiếu biểu quyết có quyền biểu quyết dự họp và biểu quyết		100%	0%	0%	0%

Vấn đề 2: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát

Nội dung	Tổng số phiếu biểu quyết dự họp và biểu quyết	Hợp lệ			Không hợp lệ
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến	
Số lượng phiếu biểu quyết	15.231.700	15.231.700	0	0	0
Tỷ lệ %/tổng số phiếu biểu quyết có quyền biểu quyết dự họp và biểu quyết		100%	0%	0%	0%

Vấn đề 3: Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và phương hướng kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

Nội dung	Tổng số phiếu biểu quyết dự họp và biểu quyết	Hợp lệ			Không hợp lệ
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến	
Số lượng phiếu biểu quyết	15.231.700	15.231.700	0	0	0
Tỷ lệ %/tổng số phiếu biểu quyết có quyền biểu quyết dự họp và biểu quyết		100%	0%	0%	0%

Vấn đề 4: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024

Nội dung	Tổng số phiếu biểu quyết dự họp và biểu quyết	Hợp lệ			Không hợp lệ
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến	
Số lượng phiếu biểu quyết	15.231.700	15.231.700	0	0	0
Tỷ lệ %/tổng số phiếu biểu quyết có quyền biểu quyết dự họp và biểu quyết		100%	0%	0%	0%

Vấn đề 5: Thông qua phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế lũy kế chưa phân phối tính đến ngày 31/12/2024

Nội dung	Tổng số phiếu biểu quyết dự họp và biểu quyết	Hợp lệ			Không hợp lệ
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến	
Số lượng phiếu biểu quyết	15.231.700	14.576.700	655.000	0	0
Tỷ lệ %/tổng số phiếu biểu quyết có quyền biểu quyết dự họp và biểu quyết		95,7%	4,3%	0%	0%

Vấn đề 6: Thông qua phương án chi trả thù lao cho thành viên HĐQT, BKS năm 2024 và kế hoạch trả thù lao năm 2025

Nội dung	Tổng số phiếu biểu quyết dự họp và biểu quyết	Hợp lệ			Không hợp lệ
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến	
Số lượng phiếu biểu quyết	15.231.700	15.231.700	0	0	0
Tỷ lệ %/tổng số phiếu biểu quyết có quyền biểu quyết dự họp và biểu quyết		100%	0%	0%	0%

Vấn đề 7: Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán 2025

Nội dung	Tổng số phiếu biểu quyết dự họp và biểu quyết	Hợp lệ			Không hợp lệ
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến	
Số lượng phiếu biểu quyết	15.231.700	14.919.000	0	312.700	0
Tỷ lệ %/tổng số phiếu biểu quyết có quyền biểu quyết dự họp và biểu quyết		97,95%	0%	2,05%	0%

Vấn đề 8: Thông qua các giao dịch với các bên liên quan trong năm 2025 và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện

Nội dung	Tổng số phiếu biểu quyết dự họp và biểu quyết	Hợp lệ			Không hợp lệ
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến	
Số lượng phiếu biểu quyết	15.231.700	15.231.700	0	0	0
Tỷ lệ %/tổng số phiếu biểu quyết có quyền biểu quyết dự họp và biểu quyết		100%	0%	0%	0%

Vấn đề 9: Thông qua việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty và sửa đổi Điều lệ (theo Tờ trình tổng hợp số 03/2025/TTr-HĐQT/ECO)

Nội dung	Tổng số phiếu biểu quyết dự họp và biểu quyết	Hợp lệ			Không hợp lệ
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến	
Số lượng phiếu biểu quyết	15.231.700	15.231.700	0	0	0
Tỷ lệ %/tổng số phiếu biểu quyết có quyền biểu quyết dự họp và biểu quyết		100%	0%	0%	0%

Vấn đề 10: Thông qua việc điều chỉnh kế hoạch tăng vốn điều lệ và phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng (theo Tờ trình số 04/2025/TTr-HĐQT/ECO)

Nội dung	Tổng số phiếu biểu quyết dự họp và biểu quyết	Hợp lệ			Không hợp lệ
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến	
Số lượng phiếu biểu quyết	15.231.700	15.231.700	0	0	0

Tỷ lệ %/tổng số phiếu biểu quyết có quyền biểu quyết dự họp và biểu quyết		100%	0%	0%	0%
---	--	------	----	----	----

Vấn đề 11: Thông qua việc tăng vốn điều lệ, chỉnh sửa mức vốn điều lệ, số cổ phiếu lưu hành cùng các nội dung liên quan khác trong Điều lệ theo số vốn thực tế tăng thêm và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện việc tăng vốn điều lệ sau khi kết thúc đợt chào bán

Nội dung	Tổng số phiếu biểu quyết dự họp và biểu quyết	Hợp lệ			Không hợp lệ
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến	
Số lượng phiếu biểu quyết	15.231.700	15.231.700	0	0	0
Tỷ lệ %/tổng số phiếu biểu quyết có quyền biểu quyết dự họp và biểu quyết		100%	0%	0%	0%

Vấn đề 12: Thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028 kể từ ngày 25/04/2025

Miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với Ông Nguyễn Thành An kể từ ngày 25/04/2025

Nội dung	Tổng số phiếu biểu quyết dự họp và biểu quyết	Hợp lệ			Không hợp lệ
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến	
Số lượng phiếu biểu quyết	15.231.700	15.231.700	0	0	0
Tỷ lệ %/tổng số phiếu biểu quyết có quyền biểu quyết dự họp và biểu quyết		100%	0%	0%	0%

Bầu bổ sung Ông Nguyễn Tôn Việt giữ chức vụ thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 -2028 kể từ ngày 25/04/2025:

Tán thành	15.231.700 phiếu biểu quyết	Tỷ lệ 100% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
-----------	-----------------------------	---

V. CÁC VẤN ĐỀ ĐÃ ĐƯỢC THÔNG QUA THEO HÌNH THỨC BỎ PHIẾU KÍN TẠI ĐẠI HỘI VÀ TỶ LỆ PHIẾU BIỂU QUYẾT THÔNG QUA TƯƠNG ƯNG

Căn cứ vào Quy chế tổ chức Đại hội, Điều lệ Công ty, quy định pháp luật liên quan và kết quả kiểm phiếu do Ban Kiểm phiếu thực hiện, Ông Nguyễn Văn Bình – Chủ tọa Đại hội tuyên bố các vấn đề đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua gồm:

STT	Các vấn đề đã được thông qua	Tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng
1	Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị	100%
2	Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát	100%
3	Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và phương hướng kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025	100%
4	Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024	100%
5	Thông qua phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế lũy kế chưa phân phối tính đến ngày 31/12/2024	95,7%
6	Thông qua phương án chi trả thù lao cho thành viên HĐQT, BKS năm 2024 và kế hoạch trả thù lao năm 2025	100%
7	Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán 2025	97,95%
8	Thông qua các giao dịch với các bên liên quan trong năm 2025 và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện	100%
9	Thông qua việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty và sửa đổi Điều lệ (theo Tờ trình tổng hợp số 03/2025/TTr-HĐQT/ECO)	100%
10	Thông qua việc điều chỉnh kế hoạch tăng vốn điều lệ và phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng (theo Tờ trình số 04/2025/TTr-HĐQT/ECO)	100%
11	Thông qua việc tăng vốn điều lệ, chỉnh sửa mức vốn điều lệ, số cổ phiếu lưu hành cùng các nội dung liên quan khác trong Điều lệ theo số vốn thực tế tăng thêm và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện việc tăng vốn điều lệ sau khi kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng	100%
12	Thông qua việc miễn nhiệm Ông Nguyễn Thành An và bầu bổ sung Ông Nguyễn Tôn Việt là thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2028 kể từ ngày 25/04/2025	100%

(Đính kèm các tài liệu đã được thông qua)

VI. THỦ TỤC BẾ MẠC ĐẠI HỘI

Bà Nguyễn Thị Nghị - Trưởng Ban Thư ký đọc dự thảo Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Các cổ đông dự họp đã biểu quyết thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 bằng cách giơ thẻ biểu quyết với tỷ lệ đồng ý 100%, tỷ lệ không đồng ý 0%, tỷ lệ không có ý kiến 0% tổng số cổ phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Ông Nguyễn Văn Bình – Chủ tọa Đại hội tuyên bố bế mạc Đại hội. Biên bản này được lập lúc 11h30 ngày 25/04/2025 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam.

TM.BAN THƯ KÝ
TRƯỞNG BAN

NGUYỄN THỊ NGHI

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



NGUYỄN VĂN BÌNH



SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 31 tháng 10 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN
NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

-----000-----

Số: 04/2025/TTr-HDQT/ECO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

-----000-----

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc điều chỉnh kế hoạch tăng vốn điều lệ
và phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đình Tuấn

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ của CTCP Nhựa sinh thái Việt Nam;
- Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh và nhu cầu thực tế của Công ty về việc huy động vốn để phục vụ kế hoạch phát triển của Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam;

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam xem xét thông qua việc điều chỉnh kế hoạch tăng vốn điều lệ và phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng. Nội dung cụ thể như sau:

Ngày 10/10/2024, theo ghi nhận tại Điều 3, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ/ECO của Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam ("ECO" hoặc "Công ty"), các nội dung liên quan đến kế hoạch tăng vốn điều lệ và phương án phát hành thêm quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu tại Tờ trình số 05/2024/TTr-HDQT/ECO của Hội đồng Quản trị đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 của Công ty.

Tuy nhiên, do có sự thay đổi trong nhu cầu thực tế của Công ty, kế hoạch tăng vốn và phát hành thêm cổ phần nêu trên chưa được triển khai trong năm 2024. Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt Kế hoạch tăng vốn điều lệ mới thay thế cho phương án tăng vốn đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ/ECO của Công ty như sau:

Công ty sẽ thực hiện chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ từ 200 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng, tương ứng việc chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng với tổng mệnh giá 100 tỷ đồng, tương đương 10.000.000 cổ phiếu.

Chi tiết về Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng được trình bày dưới đây:

**PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM**

1. THÔNG TIN ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa Sinh thái Việt Nam
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
3. Mã chứng khoán: ECO
4. Mệnh giá: 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu
5. Tổng số lượng cổ phiếu trước khi chào bán:
 - a) Số lượng cổ phiếu lưu hành trước khi chào bán: 20.000.000 cổ phiếu
 - b) Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
6. Vốn điều lệ trước đợt chào bán: 200.000.000.000 (Hai trăm tỷ) đồng.
7. Tỷ lệ chào bán: 50% số lượng cổ phiếu lưu hành tại thời điểm thực hiện
8. Số lượng cổ phiếu chào bán tối đa: 10.000.000 (Mười triệu) cổ phiếu
9. Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 100.000.000.000 (Một trăm tỷ) đồng
10. Số lượng cổ phiếu lưu hành dự kiến sau đợt chào bán: 30.000.000 (Ba mươi triệu) cổ phiếu
11. Vốn điều lệ dự kiến sau đợt chào bán: 300.000.000.000 (Ba trăm tỷ) đồng
12. Hình thức chào bán: Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo phương thức thực hiện quyền mua đối với cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam
13. Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu của Công ty có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng được phân bổ quyền mua cổ phiếu phát hành thêm do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp.
14. Tỷ lệ thực hiện quyền: 2:1 (tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, cứ 02 quyền được mua thêm 01 cổ phiếu mới, và quyền mua được chuyển nhượng 01 lần)
15. Nguyên tắc xác định giá chào bán: Căn cứ vào tính chất ưu tiên của đối tượng phân phối, tình hình thị trường chứng khoán, nhu cầu sử dụng vốn, giá trị sổ sách của cổ phiếu, cũng như trên cơ sở phân tích mức độ pha loãng giá, dựa trên cơ sở so sánh với giá trị sổ sách tại Báo cáo tài chính gần nhất và để đảm bảo thành công của đợt chào bán, Công ty xác định giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu:
16. Giá chào bán: 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu.
17. Số tiền dự kiến thu được: 100.000.000.000 (Một trăm tỷ) đồng
18. Thời gian chào bán dự kiến: Sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định thời điểm chào bán cụ thể (dự kiến trong năm 2025)
19. Nguyên tắc làm tròn: Số lượng cổ phiếu phát hành thêm sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị để đảm bảo tổng số lượng cổ phiếu phân phối không vượt quá tổng số lượng phát hành. Cổ phiếu lẻ phát sinh sẽ được hủy bỏ.
20. Chuyển nhượng quyền mua: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông có thể chuyển nhượng quyền mua của mình cho nhà đầu tư trong nước trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 (một) lần duy nhất (bên nhận chuyển nhượng quyền mua sẽ không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba).
21. Hạn chế chuyển nhượng:
 - Số cổ phiếu phát hành thêm do cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua không bị hạn chế chuyển nhượng.

- Sổ cổ phiếu chưa phân phối hết do các cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua, được Hội đồng quản trị phân phối cho các nhà đầu tư khác có nhu cầu sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020

22. Phương án xử lý sổ cổ phiếu chưa phân phối hết (nếu có):

- Trong trường hợp có phát sinh, ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT thực hiện phân phối cho các đối tượng khác với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện phát hành cho cổ đông hiện hữu (trong đó bao gồm mức giá chào bán không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu) và bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan, bao gồm nhưng không giới hạn quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty.

- Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian gia hạn (nếu có)), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì sổ cổ phiếu chưa phân phối này được hủy bỏ và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán.

II. MỤC ĐÍCH VÀ PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG TIỀN TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán:

- a) Thanh toán các khoản nợ vay của Công ty
- b) Bổ sung vốn lưu động

2. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán:

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán (theo mệnh giá): 100.000.000.000 (Một trăm tỷ) đồng, dự kiến được phân bổ sử dụng theo thứ tự ưu tiên sau:

STT	Hạng mục sử dụng vốn	Số tiền dự kiến sử dụng (VND)
1	Thanh toán các khoản nợ vay của Công ty	70.000.000.000
2	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (thanh toán cho nhà cung cấp, v.v)	30.000.000.000
Tổng		100.000.000.000

Tổng số tiền dự kiến thu được sẽ được phân bổ và luân chuyển linh động cho các hoạt động của Công ty theo các mục đích nêu trên để đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn của Công ty trong từng thời kỳ. Trong trường hợp không huy động đủ nguồn vốn từ đợt chào bán cho các mục đích nêu trên, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị toàn quyền quyết định và tìm kiếm các phương án hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp theo các phương án như: huy động vốn đầu tư từ các cổ đông chiến lược, các đối tác khác để đảm bảo cho các mục đích kinh doanh đã được hoạch định.

Trong trường hợp chờ giải ngân theo tiến độ như phương án sử dụng vốn nêu trên, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị sử dụng nguồn vốn thu được từ đợt chào bán tạm thời nhân rồi để bổ sung vào vốn lưu động của Công ty (bao gồm gửi tiền ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi, hoặc các hình thức tiền gửi bảo đảm khác) với kỳ hạn phù hợp với thời điểm giải ngân theo kế hoạch sử dụng chi tiết do Hội đồng Quản trị thông qua, đảm bảo an toàn vốn và quyền lợi của Công ty và cổ đông.

Tùy vào số vốn thu được thực tế sau đợt chào bán, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị căn cứ vào tình hình cụ thể của Công ty để xây dựng phương án sử dụng vốn, quyết định việc phân bổ số tiền thu được từ chào bán cổ phiếu và/hoặc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, với kế hoạch phát triển chung của Công ty và đảm bảo lợi ích tối đa cho cổ đông. Trong trường hợp phương án có điều chỉnh, HĐQT sẽ thực hiện việc báo cáo tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất sau khi thực hiện việc điều chỉnh đó.

III. THÔNG QUA BIỆN PHÁP ĐẢM BẢO TUÂN THỦ QUY ĐỊNH VỀ TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI

Căn cứ Công văn số 8275/UBCK-PTTT ngày 06/12/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về báo cáo tỷ lệ sở hữu nước ngoài (SHNN), tỷ lệ SHNN tối đa của Công ty Cổ phần Nhựa Sinh thái Việt Nam là 50%.

Hội đồng Quản trị cam kết thực hiện các biện pháp đảm bảo việc chào bán đáp ứng quy định về tỷ lệ SHNN chi tiết như sau:

- Cổ phiếu chào bán thêm chỉ được phân phối cho cổ đông hiện hữu theo đúng tỷ lệ phân bổ quyền họ được mua;
- Cổ đông hiện hữu chỉ được chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho các nhà đầu tư trong nước;
- Đối với số cổ phiếu không phân phối hết: Công ty không thực hiện phân phối cho Nhà đầu tư nước ngoài. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát thực hiện để đảm bảo đáp ứng các quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty.

IV. ĐĂNG KÝ LƯU KÝ VÀ GIAO DỊCH BỔ SUNG

Toàn bộ số lượng cổ phiếu chào bán thêm sẽ được đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung ngay sau khi kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định của pháp luật.

V. THÔNG QUA VIỆC TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ, CHỈNH SỬA MỨC VỐN ĐIỀU LỆ, SỐ CỔ PHIẾU LƯU HÀNH CÙNG CÁC NỘI DUNG LIÊN QUAN KHÁC TRONG ĐIỀU LỆ THEO SỐ VỐN THỰC TẾ TĂNG THÊM VÀ ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THỰC HIỆN VIỆC TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ SAU KHI KẾT THÚC ĐỢT CHÀO BÁN

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ, chỉnh sửa mức vốn điều lệ, số cổ phiếu lưu hành cùng các nội dung liên quan khác trong Điều lệ theo kết quả vốn điều lệ thực tế tăng thêm sau khi kết thúc đợt chào bán.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định, thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (bao gồm cả thực hiện thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ sau khi kết thúc đợt chào bán) và ký các hồ sơ cần thiết có liên quan đến việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền: chỉnh sửa mức vốn điều lệ, số cổ phiếu lưu hành cùng các nội dung liên quan khác trong Điều lệ của Công ty theo kết quả vốn điều lệ thực tế mới sau đợt chào bán và các thủ tục/công việc khác có liên quan đến việc tăng vốn điều lệ nêu trên với các cơ quan Nhà

12-C
Y
N
THÁI
AM
I.P.HA

876

3 T
HẮT
NHT
NAI

- I.P

nước có thẩm quyền và đơn vị liên quan.

VI. THÔNG QUA VIỆC ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THỰC HIỆN

Ngoài các nội dung công việc được giao/ủy quyền cho Hội đồng Quản trị chi tiết theo phương án chào bán nêu trên và các nội dung công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị theo quy định của Điều lệ, quy định của pháp luật có liên quan, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện tất cả các công việc cần thiết liên quan đến việc chào bán, đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu của Công ty, cụ thể:

- Quyết định các vấn đề, phương án chi tiết liên quan đến phương án chào bán chi tiết, bao gồm nhưng không giới hạn việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh chi tiết phương án chào bán khi cần thiết theo tình hình thực tế của Công ty và/hoặc theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đảm bảo đợt Chào bán cổ phiếu thêm ra công chúng được thực hiện tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Công ty.
- Quyết định cụ thể thời điểm thực hiện việc chào bán cổ phiếu sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến việc thay đổi vốn điều lệ của Công ty sau khi kết thúc đợt chào bán, bao gồm: sửa đổi khoản mục về vốn điều lệ trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các giấy tờ pháp lý khác theo quy định của pháp luật.
- Triển khai các thủ tục cần thiết để đăng ký lưu ký và đăng ký giao dịch toàn bộ số lượng cổ phiếu chào bán theo đúng quy định của pháp luật.
- Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện các công việc cần thiết, có liên quan khác đến đợt chào bán cổ phiếu, tăng vốn điều lệ và các công việc khác đã được ĐHDCĐ giao/ủy quyền tại Phương án Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.
- Trường hợp xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị sẽ giao/phân công/ủy quyền lại đối với một phần hoặc toàn bộ các nội dung công việc thuộc quyền hạn, trách nhiệm của Hội đồng quản trị nêu trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam chấp thuận thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc;
- Cổ đông;
- Lưu VT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN
NHỰA SINH THÁI
VIỆT NAM
H. GIA LÂM - T. PHẠM NÚT
NGUYỄN VĂN BÌNH

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 4 tháng 10 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN
NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

-----000-----

Số: 07/2025/NQ-HDQT/ECO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----000-----

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2025

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

(V/v Thông qua việc triển khai thực hiện phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCD/ECO ngày 25/04/2025 của Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 07/2025/BB-HDQT/ECO ngày 20/08/2025 về việc thông qua việc triển khai thực hiện phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đình Tuấn

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua việc triển khai thực hiện phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng

Căn cứ theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCD) số 01/2025/NQ-ĐHĐCD/ECO ngày 25/04/2025, Hội đồng Quản trị (HDQT) thông qua việc triển khai thực hiện phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng với các nội dung chi tiết như sau:

- Tên tổ chức chào bán: Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam
- Tên cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Mã chứng khoán: ECO
- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 20.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 20.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: Tối đa là 10.000.000 (Mười triệu) cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán theo mệnh giá: Tối đa 100.000.000.000 (Một trăm tỷ)

đồng.

- *Vốn điều lệ dự kiến sau khi hoàn thành đợt chào bán:* 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng)
- *Hình thức chào bán:* Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo phương thức thực hiện quyền mua đối với cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam
- *Tỷ lệ chào bán:* 2:1 (tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, cứ 02 quyền được mua thêm 01 cổ phiếu mới, và quyền mua được chuyển nhượng 01 lần).
- *Đối tượng chào bán:* Cổ đông hiện hữu của Công ty có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng được phân bổ quyền mua cổ phiếu phát hành thêm do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp.
- *Giá cổ phiếu chào bán:* 10.000 đồng/cổ phiếu
- *Nguyên tắc xác định giá chào bán:*
 - + Căn cứ theo Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán, giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu của Công ty là: 11.219 đồng/cổ phần.
 - + Căn cứ vào tính chất ưu tiên của đối tượng phân phối, tình hình thị trường chứng khoán, nhu cầu sử dụng vốn, giá trị sổ sách của cổ phiếu, cũng như trên cơ sở phân tích mức độ pha loãng giá, mức giá chào bán dự kiến là 10.000 đồng/cổ phần.
- *Tổng giá trị thu được từ đợt chào bán cổ phiếu:* Tối đa 100.000.000.000 (Một trăm tỷ) đồng
- *Chuyển nhượng quyền mua:* Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông có thể chuyển nhượng quyền mua của mình cho nhà đầu tư trong nước trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 (một) lần duy nhất (bên nhận chuyển nhượng quyền mua sẽ không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba).
- *Xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu không được chào bán hết do cổ đông không thực hiện quyền mua:*
 - + Nguyên tắc làm tròn cổ phiếu: Số lượng cổ phiếu phát hành thêm sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị để đảm bảo tổng số lượng cổ phiếu phân phối không vượt quá tổng số lượng phát hành. Cổ phiếu lẻ phát sinh sẽ được hủy bỏ
 - + Phương án xử lý số cổ phiếu chưa phân phối hết (nếu có):
 - Trong trường hợp có phát sinh, HĐQT giao và ủy quyền cho HĐQT thực hiện phân phối cho các đối tượng khác với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện phát hành cho cổ đông hiện hữu (trong đó bao gồm mức giá chào bán không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu) và bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan, bao gồm nhưng không giới hạn quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty.
 - Số cổ phiếu chưa phân phối hết do các cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua, được HĐQT phân phối cho các nhà đầu tư khác có nhu cầu sẽ bị hạn chế

chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

- Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian gia hạn (nếu có)), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa phân phối này được hủy bỏ và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán.

- *Phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài:*

+ Công văn số 8275/UBCK-PTTT ngày 06/12/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về báo cáo tỷ lệ sở hữu nước ngoài (SHNN), tỷ lệ SHNN tối đa của Công ty Cổ phần Nhựa Sinh thái Việt Nam là 50%.

+ Hội đồng Quản trị cam kết thực hiện các biện pháp đảm bảo việc chào bán đáp ứng quy định về tỷ lệ SHNN chi tiết như sau:

- Cổ phiếu chào bán thêm chỉ được phân phối cho cổ đông hiện hữu theo đúng tỷ lệ phân bổ quyền họ được mua;
- Cổ đông hiện hữu chỉ được chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho các nhà đầu tư trong nước;
- Đối với số cổ phiếu không phân phối hết: Công ty không thực hiện phân phối cho Nhà đầu tư nước ngoài. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát thực hiện để đảm bảo đáp ứng các quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty.

- *Hạn chế chuyển nhượng:*

+ Số cổ phiếu phát hành thêm do cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua không bị hạn chế chuyển nhượng.

+ Số cổ phiếu chưa phân phối hết do các cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua, được Hội đồng quản trị phân phối cho các nhà đầu tư khác có nhu cầu sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

- *Thời gian thực hiện dự kiến:*

+ Trong năm 2025 và sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

+ Việc chào bán cổ phiếu được thực hiện trong thời hạn 90 ngày và thời gian gia hạn chào bán (nếu cần) kể từ ngày được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu.

+ Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời gian triển khai thực hiện phương án chào bán cổ phiếu sao cho phù hợp với tình hình thị trường chứng khoán và nhu cầu vốn của Công ty.

- *Cam kết giao dịch trên thị trường chứng khoán:* Công ty cam kết đưa cổ phiếu chào bán thêm vào giao dịch trên thị trường chứng khoán trong thời hạn theo quy định của pháp luật kể từ khi kết thúc đợt chào bán.

- *Rủi ro pha loãng:*

Đối với đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ của ECO, Công ty lưu ý với các Nhà đầu tư về rủi ro pha loãng giá cổ phiếu như sau:

➤ *Pha loãng giá cổ phiếu*

Tại thời điểm chốt danh sách thực hiện việc chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty, giá thị trường của cổ phiếu ECO sẽ được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) điều chỉnh theo công thức sau:

$$\text{Giá tham chiếu ngày XR} = \frac{(\text{Khối lượng cổ phiếu phát hành} \times \text{Giá chào bán}) + (\text{Khối lượng cổ phiếu lưu hành} \times \text{Giá đóng cửa trước ngày XR})}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành} + \text{Số lượng cổ phiếu chào bán}}$$

Trong đó:

- + XR: ngày giao dịch không hưởng quyền
- + Giá sử cổ phiếu của Công ty phiên trước ngày giao dịch không hưởng quyền của đợt chào bán là: 14.000 đồng/cổ phiếu
- + Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu
- + Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 20.000.000 cổ phiếu
- + Giá sử đợt chào bán thành công với tỷ lệ cổ phiếu được phân phối hết là 100% số cổ phiếu chào bán, tương đương 10.000.000 cổ phiếu

Theo cơ chế giao dịch đang được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội áp dụng, giá điều chỉnh tại ngày chốt danh sách cổ đông để chào bán sẽ được tính bằng:

$$\begin{aligned} \text{Giá tham chiếu ngày XR} &= \frac{(10.000.000 \times 10.000) + (20.000.000 \times 14.000)}{20.000.000 + 10.000.000} \\ &= 12.667 \text{ đồng/cổ phiếu} \end{aligned}$$

Như vậy, giá cổ phiếu trong ngày giao dịch không hưởng quyền sau khi pha loãng và được làm tròn xuống theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là: 12.600 đồng/cổ phiếu.

➤ *Pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu*

Công thức tính pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu dự kiến như sau:

$$\text{EPS pha loãng} = E/Q_{bq}$$

Trong đó:

- + EPS pha loãng: Thu nhập trên mỗi cổ phiếu pha loãng sau đợt chào bán thành công
- + E: Tổng lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông
- + Q_{bq}: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ (sau chào bán)

Giá sử ngày hoàn tất đợt chào bán này là ngày 30/11/2025 và Công ty chào bán được toàn bộ số cổ phần đã đăng ký. Khi đó:

+ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ là: $20.000.000 \times 12/12 + 10.000.000 \times 1/12 = 20.833.333$ cổ phiếu

+ Lợi nhuận sau thuế dự kiến của Công ty trong năm 2025 là: 15.000.000.000 đồng (căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp nhất được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025).

+ EPS dự kiến của năm 2025 trong trường hợp không chào bán thêm cổ phiếu là: $15.000.000.000/20.000.000 = 750$ đồng/cổ phiếu

+ EPS dự kiến của năm 2025 trong trường hợp chào bán thành công toàn bộ cổ phiếu là: $15.000.000.000/20.833.333 = 720$ đồng/cổ phiếu

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần sau khi Công ty chào bán thành công có thể giảm 30 đồng (tương ứng giảm 4%) so với khi Công ty không chào bán thêm cổ phiếu. Tuy nhiên, việc EPS dự kiến năm 2025 điều chỉnh giảm chỉ là nhất thời, với nguồn vốn thu được từ đợt chào bán thì hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian tới dự kiến sẽ đạt được những hiệu quả nhất định và có thể tạo được sự tăng trưởng EPS cho những năm tiếp theo.

➤ Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu

Công thức tính giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BV) dự kiến như sau:

$$BV = VCSH / (Q - CPQ)$$

Trong đó:

- + VCSH: Vốn chủ sở hữu
- + Q: Tổng số cổ phiếu đã chào bán
- + CPQ: Tổng số cổ phiếu quỹ

Giá trị sổ sách của cổ phiếu dự kiến sau khi chào bán tại thời điểm 31/12/2025

Chi tiêu	Dự kiến	
	BCTC Riêng	BCTC Hợp nhất
Nguồn vốn chủ sở hữu 31/12/2025 (đồng)	339.446.890.657	339.397.799.741
Tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (cổ phiếu)	30.000.000	30.000.000
Giá trị sổ sách (đồng/cổ phiếu)	11.315	11.313

Tại thời điểm kết thúc đợt chào bán, nếu tốc độ tăng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt chào bán thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu sẽ giảm. Rủi ro từ việc cổ phiếu bị pha loãng sẽ được hạn chế nếu như Công ty sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động được, duy trì tốt hoạt động kinh doanh và tăng cường, phát huy thế mạnh của mình để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục tăng trưởng tốt sau đợt chào bán.

➤ Pha loãng về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Đối với việc phát hành cổ phiếu thêm ra công chúng theo phương thức thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần của tổ chức phát hành kèm theo việc đăng ký giao dịch cổ phiếu mới, nếu cổ đông hiện hữu không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ quyền

mua của mình, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu sẽ bị pha loãng tương ứng.

Điều 2: Thông qua việc thực hiện lưu ký, đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu chào bán

Hội đồng quản trị cam kết hoàn tất việc đăng ký lưu ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu chào bán theo phương án trên tại Tổng Công ty Lưu ký và Bảo trữ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu mới chào bán thêm của Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam (mã chứng khoán: ECO) trên Hệ thống giao dịch UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội không chậm hơn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

Điều 3: Thông qua việc giao/ủy quyền cho Ông Nguyễn Đình Tuấn - Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật Công ty chủ trì thực hiện các công việc, ký các hồ sơ cần thiết nhằm thực hiện phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng nêu trên

Hội đồng quản trị thông qua việc ủy quyền cho Ông Nguyễn Đình Tuấn - Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật Công ty có trách nhiệm điều hành và các phòng ban liên quan triển khai xây dựng, hoàn thiện hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu; thực hiện phân phối cổ phiếu sau khi có Giấy phép chào bán do UBCKNN cấp, báo cáo kết quả chào bán và thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật để hoàn thành việc chào bán theo quy định của pháp luật; Sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán đúng mục đích, tăng hiệu quả sử dụng vốn, hiệu quả kinh doanh của Công ty; Hoàn thiện thủ tục cần thiết để thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và ký ban hành Điều lệ Công ty sửa đổi theo số vốn điều lệ mới sau khi hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn.

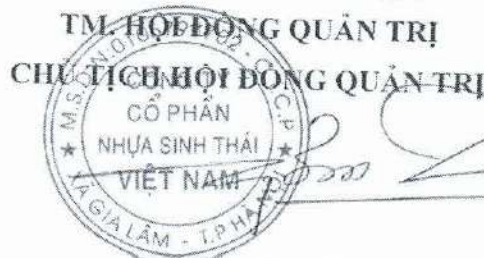
Điều 4: Điều khoản thi hành

Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành và thực tế triển khai, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam thông qua việc hủy bỏ Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 04/2025/NQ-HĐQT/ECO ngày 16/06/2025 về việc thông qua các nội dung liên quan đến phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các bộ phận chức năng liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết ngày.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Thành viên HĐQT, BTGD, BKS;
- Lưu VT.



NGUYỄN VĂN BÌNH

SAO Y BAN CHÍNH
Ngày 31 tháng 10 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----000-----

-----***-----

Số: 08/2025/NQ-HĐQT/ECO

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

(V/v: Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ/ECO ngày 25/04/2025 của ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán

Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu:

- Tên tài khoản: Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam
- Số tài khoản: 000003628747
- Ngân hàng nơi mở tài khoản: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín – CN/PGD Mỹ Đình

Điều 2: Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng

Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam thống nhất thông qua Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) xin phép chào bán, cụ thể như sau:

1. Giấy đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng;
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106798702 do Sở Tài chính Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 23/07/2025;
3. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ/ECO ngày 25/04/2025 kèm theo Tờ trình về việc điều chỉnh kế hoạch tăng vốn điều lệ và phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng;
4. Bản cáo bạch;
5. Điều lệ công ty;
6. Các Báo cáo tài chính của Công ty:
 - Báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO (ASCO);

- Báo cáo tài chính năm 2024 Riêng và Hợp nhất được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC (AISC);
 - Báo cáo tài chính bán niên năm 2025 Riêng và Hợp nhất được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC (AISC);
 - 7. Hợp đồng tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 02/2025/HDDVTV/PHS-ECO ngày 04/06/2025 giữa Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam và Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng;
 - 8. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị:
 - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/2025/NQ-HĐQT/ECO ngày 19/08/2025 về việc triển khai thực hiện phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng;
 - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 09/2025/NQ-HĐQT/ECO ngày 19/08/2025 về việc thông qua chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng;
 - 9. Văn bản số 01/2025/CKHĐQT/ECO ngày 16/06/2025 của Hội đồng Quản trị Công ty cam kết về việc triển khai đăng ký giao dịch cổ phiếu
 - 10. Văn bản số 09072025 ngày 09/07/2025 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín xác nhận phong tỏa tài khoản thu được từ đợt phát hành cổ phiếu chào bán ra công chúng của Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam;
 - 11. Văn bản số 01/2025/CKUBCKNN/ECO ngày 16/06/2025 của Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam cam kết đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 của Luật Chứng khoán;
 - 12. Các tài liệu khác liên quan đến mục đích sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán.
- Điều 3:** Hội đồng quản trị giao cho Tổng Giám đốc và các phòng, ban công ty thực hiện các công việc cần thiết theo quy định của pháp luật để sửa đổi, bổ sung tài liệu nhằm hiệu chỉnh bộ hồ sơ chào bán và các công việc khác có liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (nếu có) trong quá trình thẩm định, xét duyệt hồ sơ chào bán cổ phiếu của Công ty.
- Điều 4:** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban có liên quan của Công ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BKS; CBTT;
- Lưu HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN VĂN BÌNH

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 31 tháng 10 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN
NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09/2025/NQ-HĐQT/ECO

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM**

(V/v: Thông qua việc bổ sung chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ/ECO ngày 25/04/2025 của Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 09/2025/BB-HĐQT/ECO ngày 20/08/2025 về việc thông qua chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua việc bổ sung chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng

Căn cứ theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam thông qua chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng đã được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ/ECO ngày 25/04/2025, cụ thể như sau:

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng), dự kiến được phân bổ sử dụng theo thứ tự ưu tiên như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền dự kiến sử dụng (VNĐ)	Thời gian thanh toán dự kiến
I	Thanh toán các khoản nợ vay của Công ty	70.000.000.000	Quý IV/2025 – Quý I/2026
1	Thanh toán khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 328-04/2024/HĐCVHM/NHCT131-NST tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Hà Nội ngày 04/11/2024	19.229.000.000	Quý IV/2025 – Quý I/2026
2	Khoản vay cá nhân ông Lê Văn Hoan theo Hợp đồng vay tiền cá nhân số 04/2025/HĐVT/ECO-LVH ngày 02/06/2025	26.001.000.000	Quý IV/2025 – Quý I/2026
3	Khoản vay cá nhân ông Nguyễn Tuấn Dũng theo Hợp đồng vay tiền cá nhân số 02.2025/ECO-NTD ngày 09/06/2025	24.770.000.000	Quý IV/2025 – Quý I/2026

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền dự kiến sử dụng (VNĐ)	Thời gian thanh toán dự kiến
II	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (thanh toán cho nhà cung cấp, v.v)	30.000.000.000	Quý IV/2025 – Quý I/2026
4	Thanh toán tiền mua nguyên vật liệu sản xuất cho Công ty Chevron Phillips Chemicals Asia PTE.LTD theo Hợp đồng nguyên tắc số 21099999 ngày 01/07/2025	20.000.000.000	Quý IV/2025 – Quý I/2026
5	Thanh toán tiền mua nguyên vật liệu sản xuất cho Công ty Everlight Commodity PTE.LTD theo Hợp đồng nguyên tắc số S25HY208TA ngày 01/08/2025	10.000.000.000	Quý IV/2025 – Quý I/2026
Tổng		100.000.000.000	

Trong trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích nêu trên thì Công ty sẽ ưu tiên sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán cho các mục đích nêu trên lần lượt theo thứ tự từ (1) đến (5).

Căn cứ vào tình hình thực tế, Hội đồng Quản trị có thể linh hoạt điều chỉnh việc phân bổ, sử dụng nguồn vốn huy động từ đợt chào bán; bổ sung, sửa đổi và xây dựng phương án sử dụng vốn chi tiết nếu thấy cần thiết. Hội đồng Quản trị sẽ báo cáo về việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn tới các cổ đông tại kỳ Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

(Các nội dung khác về phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng không nêu trong Nghị quyết này được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-DHĐCĐ/ECO ngày 25/04/2025).

Điều 2: Thông qua việc ủy quyền cho ông Nguyễn Đình Tuấn – Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện các công việc liên quan đã được thông qua tại Nghị quyết này để hoàn tất đợt chào bán.

Điều 3: Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các bộ phận chức năng liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết ngày.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN VĂN BÌNH

BẢN SAO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(đã được kiểm toán)

Tháng 03 năm 2024

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 37
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0106798702 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 03 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 26 tháng 12 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: Thôn Trung Dương, Xã Kiều Kỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 06/01/2023)
Ông: Nguyễn Đình Tuấn	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 06/01/2023)
Ông: Nguyễn Hữu Dương	Thành viên	
Ông: Nguyễn Thành An	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 06/01/2023)
Ông: Đào Quốc Hùng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 06/01/2023)
Ông: Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 06/01/2023)
Bà: Cao Thị Vinh	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 06/01/2023)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Nguyễn Hữu Dương	Tổng Giám đốc	
Bà: Trần Thị Việt Hoa	Kế toán trưởng	(Bổ nhiệm ngày 01/02/2023)
Bà: Cao Thị Vinh	Kế toán trưởng	(Miễn nhiệm ngày 31/01/2023)

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Nguyễn Thu Hằng	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 06/01/2023)
Bà: Đỗ Thị Duyên	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 06/01/2023)
Bà: Trần Ngọc Phương	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 06/01/2023)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam

Thôn Trung Dương, Xã Kiều Ky, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý Bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hữu Dương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2024

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 30-10-2025

Số chứng thực 46885 - Quyền số 01 - SCT/BS.



CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Thị Huyền



CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ASCO

☎ Số 2, ngõ 308 Lê Trọng Tấn, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
☎ 06 2509 2007 ☎ 0102374170 ☎ asco@asco.vn ☎ www.asco.vn



Số: 04NV2/2024/ASCO/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam được lập ngày 15 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ASCO



Phạm Ngọc Quân

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4493-2024-149-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2024

A handwritten signature in black ink, consisting of a stylized 'P' followed by a series of loops and a long horizontal stroke extending to the right.

Phan Đình Dũng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4887-2024-149-1



TOÁN VÀ Đ
CO
2374170
HÀ NỘI
1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		207.100.563.034	193.561.069.883
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	10.938.360.569	55.665.274.987
111	1. Tiền		10.938.360.569	5.665.274.987
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	50.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	69.305.875.613	3.000.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		37.864.875.613	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		31.441.000.000	3.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		84.073.995.672	120.085.231.662
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	17.298.944.192	8.478.303.497
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	47.861.800.255	68.939.939.609
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	07	18.000.000.000	34.500.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	08	913.251.225	8.166.988.556
140	IV. Hàng tồn kho	09	40.786.291.198	11.469.970.343
141	1. Hàng tồn kho		40.786.291.198	11.469.970.343
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.996.039.982	3.340.592.891
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	289.750.230	989.727.949
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.706.289.752	2.350.864.942
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		56.970.825.150	52.233.360.527
220	I. Tài sản cố định		24.901.469.123	20.159.645.243
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	12.836.069.123	20.159.645.243
222	- Nguyên giá		79.093.101.811	79.093.101.811
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(66.257.032.688)	(58.933.456.568)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	12.065.400.000	-
228	- Nguyên giá		12.065.400.000	-
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
250	II. Đầu tư tài chính dài hạn	04	32.000.000.000	32.000.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		32.000.000.000	32.000.000.000
260	III. Tài sản dài hạn khác		69.356.027	73.715.284
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	69.356.027	73.715.284
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		264.071.388.184	245.794.430.410

Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam
Thôn Trung Dương, Xã Kiều Kỳ, Huyện Gia Lâm,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

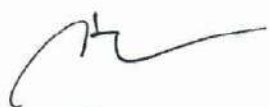
Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		53.780.612.523	47.984.627.573
310	I. Nợ ngắn hạn		53.780.612.523	47.984.627.573
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	7.379.176.269	10.943.367.665
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	790.906.114	1.930.607.460
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	2.681.233.948	62.755.933
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	58.212.167	36.370.362
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	17	289.564.875	87.301.800
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	42.581.519.150	34.924.224.353
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		210.290.775.661	197.809.802.837
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	210.290.775.661	197.809.802.837
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		10.290.775.661	(2.190.197.163)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(2.190.197.163)	(3.266.449.622)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		12.480.972.824	1.076.252.459
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		264.071.388.184	245.794.430.410

Người lập biểu


Trần Thị Việt Hoa

Kế toán trưởng


Trần Thị Việt Hoa

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Dương

Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam
Thôn Trung Dương, Xã Kiều Ky, Huyện Gia Lâm,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	276.547.496.898	141.527.071.736
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	-	51.575.000
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		276.547.496.898	141.475.496.736
11	4. Giá vốn hàng bán	23	252.696.866.093	133.867.653.612
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		23.850.630.805	7.607.843.124
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	3.844.761.053	1.309.759.993
22	7. Chi phí tài chính	25	3.685.624.614	3.269.391.320
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.212.840.147	1.736.096.350
25	8. Chi phí bán hàng	26	4.792.114.238	2.692.676.711
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	3.885.746.131	1.816.526.693
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		15.331.906.875	1.139.008.393
31	11. Thu nhập khác	28	730.180.317	-
32	12. Chi phí khác	29	344.996.968	1
40	13. Lợi nhuận khác		385.183.349	(1)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		15.717.090.224	1.139.008.392
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	3.236.117.400	62.755.933
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>12.480.972.824</u>	<u>1.076.252.459</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	624	163
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	32	624	163

Người lập biểu



Trần Thị Việt Hoa

Kế toán trưởng



Trần Thị Việt Hoa

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Dương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		15.717.090.224	1.139.008.392
	2. Điều chỉnh cho các khoản		8.285.115.539	10.877.145.807
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		7.323.576.120	9.387.273.739
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		62.163.857	(44.846.792)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.313.464.585)	(201.377.490)
06	- Chi phí lãi vay		2.212.840.147	1.736.096.350
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		24.002.205.763	12.016.154.199
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		20.288.655.085	(69.191.508.870)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(29.316.320.855)	15.529.751.529
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(4.522.043.502)	8.224.903.521
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		704.336.976	(49.600.886)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(37.864.875.613)	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.208.628.554)	(1.700.725.988)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(619.259.385)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(29.535.930.085)	(35.171.026.495)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(12.065.400.000)	(675.000.000)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(111.651.000.000)	(34.500.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		99.710.000.000	-
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(32.000.000.000)
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.156.100.201	149.013.106
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(22.850.299.799)	(67.025.986.894)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	170.000.000.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		135.784.129.113	92.804.396.421
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(128.126.834.316)	(109.719.579.853)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		7.657.294.797	153.084.816.568

Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam
Thôn Trung Dương, Xã Kiều Ky, Huyện Gia Lâm,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(44.728.935.087)	50.887.803.179
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		55.665.274.987	4.847.999.253
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.020.669	(70.527.445)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>10.938.360.569</u>	<u>55.665.274.987</u>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc



Trần Thị Việt Hoa



Trần Thị Việt Hoa



Nguyễn Hữu Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0106798702 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 03 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 26 tháng 12 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Thôn Trung Dương, Xã Kiều Ky, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là: 200.000.000.000 đồng, tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất các sản phẩm nhựa;
- Sản xuất plastic nguyên sinh;
- Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Kinh doanh hạt nhựa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty được thực hiện trong thời gian 12 tháng.

Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 44 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 33 nhân viên).

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2023, Công ty gồm trụ sở chính, địa điểm kinh doanh, văn phòng đại diện và công ty liên kết với thông tin như sau:

Công ty liên kết	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Quang	Thôn Chí Trung, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
Địa điểm kinh doanh - Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam	Thôn Chí Trung, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Văn phòng đại diện	Đường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Trường hợp hợp đồng không quy định cụ thể tỷ giá thanh toán:
 - + Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
 - + Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính;

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng : Áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày lập báo cáo tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính khi doanh nghiệp đi vào hoạt động. Số phân bổ khoản lỗ tỷ giá tối thiểu trong từng kỳ không nhỏ hơn mức lợi nhuận trước thuế trước khi phân bổ khoản lỗ tỷ giá (sau khi phân bổ lỗ tỷ giá, lợi nhuận trước thuế của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng không).

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7. Tài sản cố định

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 08 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 08 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 08 năm |

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

2.12. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

2.13. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả khác như: Tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh mà Công ty đã thu và các khoản phạt vi phạm hợp đồng chắc chắn thu được (ngoại trừ khoản phạt về bản chất là giảm giá hàng mua, giảm thanh toán).

2.16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

2.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18. Chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

2.20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

2.21. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.22. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam
Thôn Trung Dương, Xã Kiêu Kỳ, Huyện Gia Lâm,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.486.093.068	657.361.802
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.452.267.501	5.007.913.185
Các khoản tương đương tiền	-	50.000.000.000
Cộng	<u>10.938.360.569</u>	<u>55.665.274.987</u>

Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam

Thôn Trung Dương, Xã Kiều Kỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền gửi có kỳ hạn	31.441.000.000	-	3.000.000.000	-
Cộng	31.441.000.000	-	3.000.000.000	-

Tại ngày 31/12/2023, các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội với số tiền 23.000.000.000 VND với lãi suất 5%/năm và 350.000 USD với lãi suất 0%/năm.

b) Chứng khoán kinh doanh

Mã chứng khoán	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	5.507.658.113	5.505.000.000	-	-
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long	8.157.217.500	8.475.000.000	-	-
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội	18.800.000.000	18.900.000.000	-	-
Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	5.400.000.000	5.400.000.000	-	-
Cộng	37.864.875.613	38.280.000.000	-	-

Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa của các chứng khoán này trên sàn HNX và HOSE tại ngày 29/12/2023.



Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam

Thôn Trung Dương, Xã Kiều Kỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

c) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư tại ngày 31/12/2023 như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Quang	Thôn Chí Trung, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	45,71%	45,71%	Sản xuất, kinh doanh hạt nhựa

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Quang	32.000.000.000	-	-	Dự phòng VND
Cộng	32.000.000.000	-	32.000.000.000	-

Theo Nghị quyết số 27.07/2022/NQ-HDQT/NST ngày 27/07/2022 của Hội đồng quản trị, Công ty quyết định góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhựa Tân Quang với số tiền là 32 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 45,71% (vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Quang là 70 tỷ đồng). Công ty Cổ phần Nhựa Tân Quang đang hoạt động bình thường và kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 có lãi.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày 31/12/2023 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Sphere Distribution	2.819.929.326	-	1.583.038.425	-
Ecopak International Ltd	2.726.669.282	-	-	-
Symbolic Start, Unipessoal, Lda	2.756.990.101	-	1.977.319.399	-
Công ty Cổ phần Leepak	1.610.178.701	-	-	-
Công ty TNHH Phúc Khang Art	1.126.250.000	-	-	-
Coop Eesti Keskühistu/ Coop Estonia	580.790.389	-	2.292.682.672	-
S.Tijane Investmentos Comercio E Servicos (su), Lda	-	-	1.043.553.426	-
Các đối tượng khác	5.678.136.393	-	1.581.709.575	-
Cộng	17.298.944.192	-	8.478.303.497	-

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Thương mại Nam Cường	20.183.603.416	-	50.004.150.000	-
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Quang	9.473.807.500	-	10.180.000.000	-
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu 5T	6.624.698.550	-	7.910.809.500	-
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Dịch vụ Minh Thành Triết	3.200.000.000	-	-	-
Chi nhánh Công ty TNHH Công nghệ nhựa Và Môi trường NK - Nhà máy Nhựa Công nghệ cao	3.000.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	5.379.690.789	-	844.980.109	-
Cộng	47.861.800.255	-	68.939.939.609	-
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	9.473.807.500	-	10.180.000.000	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)

Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam
Thôn Trung Dương, Xã Kiêu Kỳ, Huyện Gia Lâm,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ông Trần Quý Dương	-	-	16.500.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Bình	-	-	18.000.000.000	-
Ông Nguyễn Tuấn Tú (*)	18.000.000.000	-	-	-
Cộng	18.000.000.000	-	34.500.000.000	-
Phải thu về cho vay các bên liên quan	-	-	18.000.000.000	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)

Thông tin chi tiết về các khoản cho vay như sau:

(*) Theo hợp đồng cho vay tiền số 01.2023/HĐ/NST-NTT ngày 14/12/2023, Công ty cho cá nhân Nguyễn Tuấn Tú vay số tiền là 18 tỷ đồng với lãi suất 7,2%/năm, kỳ hạn cho vay là 6 tháng, tài sản đảm bảo khoản cho vay là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DC000982 cấp ngày 08/06/2021, sổ vào sổ cấp GCN: CS36638 mang tên ông Nguyễn Tuấn Tú và bà Đào Hải Vân.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	398.327.248	-	-	-
Tiền lãi dự thu	305.983.565	-	148.619.181	-
Tiền thuế GTGT đề nghị hoàn	-	-	8.000.000.000	-
Phải thu khác	208.940.412	-	18.369.375	-
Cộng	913.251.225	-	8.166.988.556	-

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	26.128.622.511	-	11.260.083.104	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	209.887.239	-
Thành phẩm	5.446.811.899	-	-	-
Hàng hóa	9.210.856.788	-	-	-
Cộng	40.786.291.198	-	11.469.970.343	-

Toàn bộ giá trị hàng tồn kho tại ngày 31/12/2023 được dùng để thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	-	-
Mua trong năm	12.065.400.000	12.065.400.000
Số dư cuối năm	12.065.400.000	12.065.400.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	-	-
Số dư cuối năm	-	-
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	12.065.400.000	12.065.400.000

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất: thửa đất số 60, tờ bản đồ số 7 tại phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, có diện tích là 64,9 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CK 544124 được Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 21/07/2017, thuộc sở hữu của Công ty từ ngày 29/06/2023. Mục đích sử dụng là đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài. Tài sản cố định vô hình này không thực hiện trích khấu hao và đang được sử dụng làm văn phòng đại diện của Công ty.

Giá trị Tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại ngày 31/12/2023 có nguyên giá là 12.065.400.000 VND.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
a) Ngắn hạn		
Thuê nhà xưởng	172.769.280	900.826.482
Chi phí khác	116.980.950	88.901.467
Cộng	289.750.230	989.727.949
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ	47.985.466	40.369.397
Chi phí khác	21.370.561	33.345.887
Cộng	69.356.027	73.715.284

Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam
Thôn Trung Dương, Xã Kiều Ky, Huyện Gia Lâm,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Sunrise Colours Việt Nam	1.238.222.998	1.238.222.998	587.299.158	587.299.158
Công ty Cổ phần PMJ	936.525.000	936.525.000	937.578.054	937.578.054
Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Phú Lâm	721.587.000	721.587.000	-	-
Công ty Cổ phần An Tiến	527.040.000	527.040.000	89.951.760	89.951.760
Công ty Cổ phần Công nghệ Nhựa	-	-	3.344.000.000	3.344.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Nhựa Cát Tường	-	-	2.270.199.751	2.270.199.751
Công ty Cổ phần Hanotech Việt Nam	-	-	977.685.000	977.685.000
Các đối tượng khác	3.955.801.271	3.955.801.271	2.736.653.942	2.736.653.942
Cộng	7.379.176.269	7.379.176.269	10.943.367.665	10.943.367.665

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Haplast	368.963.010	324.876.931
Lts Trading Services Limited	265.183.429	-
Reddipak Limited	80.114.332	56.263.851
Kojima Shojikido Honpo	-	267.901.387
Gedeon Services Limited	-	452.062.755
Ecopak International Ltd	-	366.620.497
Các đối tượng khác	76.645.343	462.882.039
Cộng	790.906.114	1.930.607.460

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	62.755.933	3.236.117.400	619.259.385	-	2.679.613.948
Các loại thuế khác	-	-	34.250.000	34.250.000	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	75.060.000	73.440.000	-	1.620.000
Cộng	-	62.755.933	3.345.427.400	726.949.385	-	2.681.233.948

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	39.581.955	35.370.362
Các khoản phải trả khác	18.630.212	1.000.000
Cộng	58.212.167	36.370.362

17. PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	87.301.800
Thủ lao HĐQT và Ban kiểm soát	288.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.564.875	-
Cộng	289.564.875	87.301.800

Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam

Thôn Trung Dương, Xã Kiều Kỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (1)	34.924.224.353	34.924.224.353	92.130.805.452	92.851.133.486	34.203.896.319	34.203.896.319
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (2)	-	-	41.826.477.482	35.648.854.651	6.177.622.831	6.177.622.831
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (3)	-	-	2.200.000.000	-	2.200.000.000	2.200.000.000
Cộng	34.924.224.353	34.924.224.353	136.157.282.934	128.499.988.137	42.581.519.150	42.581.519.150

(1) Hợp đồng cho vay hạn mức số 242-04/2023-HĐCVHM/NHCT131-NST ngày 03/11/2023 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội với hạn mức là 35 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức là 1 năm, thời hạn vay của từng khoản giải ngân là 06 tháng với mức lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ cụ thể (dao động từ 5,8% đến 7%). Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh.

Khoản vay được thế chấp bằng các tài sản cố định là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và hàng hóa của Công ty theo các hợp đồng thế chấp:

- Hợp đồng thế chấp động sản số 213-04/2022/HĐBĐ/NHCT131-NST ngày 12/09/2022;
- Hợp đồng thế chấp động sản số 214-04/2022/HĐBĐ/NHCT131-NST ngày 12/09/2022;
- Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 215/04/2022/HĐBĐ/NHCT131-NST ngày 14/09/2022;
- Hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất của Công ty theo số công chứng 1566/2023/HĐTC, quyển số 02/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 07/07/2023 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội.

Ngoài ra, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cầm cố là tiền gửi có kỳ hạn kênh Ipay của ông Nguyễn Đình Tuấn do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đồng Hà Nội phát hành ngày 26/08/2022, có giá trị là 5 tỷ đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 4,3%/năm.

Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam

Thôn Trung Dương, Xã Kiều Kỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

- (2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/17910577/HĐTD ngày 31/03/2023 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với hạn mức vay là 25 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng, thời hạn vay của từng khoản giải ngân là từ 05 tháng, lãi suất vay được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, bảo lãnh, mở L/C.
- Khoản vay được thế chấp bằng các tài sản cố định và hàng hóa của Công ty theo các hợp đồng thế chấp:
- Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2023.17910577/HĐBĐ ngày 31/03/2023;
 - Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ/các khoản phải thu số 02/2023/17910577/HĐBĐ ngày 31/03/2023.
- Ngoài ra, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cầm cố là toàn bộ quyền sử dụng đất sử dụng riêng và quyền sở hữu nhà ở của ông Nguyễn Văn Bình và bà Nguyễn Thị Lương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV479941 cấp ngày 08/09/2020 với giá trị là 10.881.000.000 VND.
- (3) Là khoản giao dịch ký quỹ chứng khoán với Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI, có lãi suất là 13,5%/năm.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	-	(23.266.449.622)	26.733.550.378
Tăng vốn trong năm trước (1)	150.000.000.000	20.000.000.000	-	170.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	1.076.252.459	1.076.252.459
Tăng/giảm khác (2)	-	(20.000.000.000)	20.000.000.000	-
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	-	(2.190.197.163)	197.809.802.837
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	-	(2.190.197.163)	197.809.802.837
Lãi trong năm nay	-	-	12.480.972.824	12.480.972.824
Số dư cuối năm nay	200.000.000.000	-	10.290.775.661	210.290.775.661

(1) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 24.09/2022/NQ-HĐQT/NST ngày 24/09/2022 thông qua kết quả đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu, sửa đổi Điều lệ và thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công ty và Nghị quyết số 12.09/2022/NQ-ĐHĐCĐ/NST ngày 12/09/2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty, quyết định phát hành thêm 500.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với mệnh giá 100.000 đồng/cổ phiếu, giá phát hành là 140.000 đồng/cổ phiếu.

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 23.12/2022/NQ-HĐQT/NST ngày 23/12/2022 thông qua kết quả đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu, sửa đổi Điều lệ và thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công ty và Nghị quyết số 21.11/2022/NQ-ĐHĐCĐ/NST ngày 21/11/2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty, quyết định phát hành thêm 1.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với mệnh giá 100.000 đồng/cổ phiếu, giá phát hành là 100.000 đồng/cổ phiếu; đồng thời, Công ty quyết định thay đổi mệnh giá cổ phần từ 100.000 đồng/cổ phần xuống 10.000 đồng/cổ phần.

Giao dịch góp vốn đã hoàn thành.

(2) Theo Nghị quyết số 01/12/2022/BB-ĐHĐCĐ/NST ngày 01/12/2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty, quyết định thông qua phương án sử dụng thặng dư vốn cổ phần để bù đắp lỗ lũy kế tại thời điểm 31/12/2021 là 20 tỷ đồng.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND	Tỷ lệ %
Ông Lê Văn Hoan	-	-	89.000.000.000	44,50
Ông Nguyễn Đình Tuấn	20.000.000.000	10,00	51.000.000.000	25,50
Công ty TNHH Nông sản Ngọc Lặc Xanh	-	-	40.000.000.000	20,00
Ông Nguyễn Hữu Dương	22.500.000.000	11,25	10.000.000.000	5,00
Ông Phạm Thanh Lâm	7.500.000.000	3,75	10.000.000.000	5,00
Ông Nguyễn Văn Bình	40.000.000.000	20,00	-	-
Bà Nguyễn Thị Lương	9.800.000.000	4,90	-	-
Cổ đông khác	100.200.000.000	50,10	-	-
Cộng	200.000.000.000	100,00	200.000.000.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	50.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	150.000.000.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê nhà xưởng với tổng diện tích là 3621 m2 theo hợp đồng thuê nhà xưởng số 01/2018/HAN-ST ngày 22/06/2018 và hợp đồng thuê nhà xưởng số 01/2017/AC-ST ngày 06/06/2017, cụ thể:

- Diện tích thuê nhà xưởng là 1.221 m2 với Công ty Cổ phần Nguyên Hà Á Châu theo Hợp đồng thuê đất số 01/2018/HAN-ST, có thời hạn thuê là 10 năm tính từ ngày 01/11/2018, đơn giá thuê là 2,2 USD/m2/tháng áp dụng cho 3 năm đầu tiên, năm thứ 4 trở đi căn cứ vào giá thị trường sẽ có sự điều chỉnh giá thuê, Công ty thanh toán trước 2 năm đầu với giá trị là 64.468 USD, từ năm thứ 3 trở đi, việc thanh toán tiền thuê xưởng được chia làm 2 lần/năm (6 tháng/lần).
- Diện tích thuê nhà xưởng là 2.400 m2 với Công ty TNHH Thương mại và Phát triển Nhân lực Á Châu theo Hợp đồng thuê đất số 01/2017/AC-ST, có thời hạn thuê là 10 năm tính từ ngày 05/06/2017, đơn giá thuê là 1,9 USD/m2/tháng áp dụng cho 3 năm đầu tiên, năm thứ 4 trở đi căn cứ vào giá thị trường sẽ có sự điều chỉnh giá thuê, Công ty thanh toán tiền thuê xưởng 6 tháng/lần.

b) Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	31/12/2023	01/01/2023
- Đô la Mỹ	USD	25.767,15	212.835,69
- Euro	EUR	278,01	242,73

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng hóa	140.570.098.107	40.579.087.661
Doanh thu bán thành phẩm	134.772.398.791	100.671.661.834
Doanh thu bán phế liệu	1.205.000.000	276.322.241
Cộng	276.547.496.898	141.527.071.736

Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam
Thôn Trung Dương, Xã Kiêu Kỳ, Huyện Gia Lâm,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giảm giá hàng bán	-	51.575.000
Cộng	-	51.575.000

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	137.825.279.738	39.585.486.207
Giá vốn của thành phẩm đã bán	113.698.821.945	93.887.421.405
Giá vốn của phế liệu đã bán	1.172.764.410	394.746.000
Cộng	252.696.866.093	133.867.653.612

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.313.464.585	201.377.490
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.531.296.468	1.063.535.711
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	44.846.792
Cộng	3.844.761.053	1.309.759.993

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền vay	2.212.840.147	1.736.096.350
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.410.620.610	1.533.294.970
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	62.163.857	-
Cộng	3.685.624.614	3.269.391.320

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân công	648.958.553	537.720.165
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.080.265	55.373.820
Thuế, phí, và lệ phí	5.640.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.108.435.420	2.099.582.726
Cộng	4.792.114.238	2.692.676.711

Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam
Thôn Trung Dương, Xã Kiêu Kỵ, Huyện Gia Lâm,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân công	2.169.108.459	790.900.649
Chi phí khấu hao tài sản cố định	134.843.004	134.843.004
Thuế, phí, và lệ phí	5.719.938	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.150.890.578	630.061.917
Chi phí khác bằng tiền	425.184.152	256.721.123
Cộng	3.885.746.131	1.816.526.693

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền trực in, hàng mẫu	302.900.424	-
Thu nhập khác	427.279.893	-
Cộng	730.180.317	-

29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Các khoản bị phạt về thuế và các khoản bảo hiểm	34.898.407	-
Chi phí khác	310.098.561	1
Cộng	344.996.968	1

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	15.717.090.224	1.139.008.392
Các khoản điều chỉnh tăng	463.496.778	-
- Chi phí không được trừ	344.996.968	-
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm	22.499.810	-
- Thù lao của thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành	96.000.000	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	16.180.587.002	1.139.008.392
Lỗi tính thuế năm trước chuyển sang	-	(825.228.730)
Thu nhập tính thuế	16.180.587.002	313.779.662
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.236.117.400	62.755.933

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	12.480.972.824	1.076.252.459
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	12.480.972.824	1.076.252.459
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	20.000.000	6.599.714
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	624	163

32. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Hiện tại, Công ty chưa có kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu nên lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	98.976.657.340	73.588.113.053
Chi phí nhân công	7.264.542.813	4.907.634.530
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.323.576.120	9.387.273.739
Thuế, phí, và lệ phí	11.359.938	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.627.530.223	8.497.560.627
Chi phí khác bằng tiền	1.710.029.067	2.406.788.860
Cộng	128.913.695.501	98.791.370.809

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.938.360.569	-	55.665.274.987	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	18.212.195.417	-	16.645.292.053	-
Các khoản đầu tư	49.441.000.000	-	37.500.000.000	-
Cộng	116.456.431.599	-	109.810.567.040	-

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Vay và nợ	42.581.519.150	34.924.224.353
Phải trả người bán, phải trả khác	7.668.741.144	11.030.669.465
Chi phí phải trả	58.212.167	36.370.362
Cộng	50.308.472.461	45.991.264.180

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.938.360.569	-	-	10.938.360.569
Phải thu khách hàng, phải thu khác	18.212.195.417	-	-	18.212.195.417
Các khoản đầu tư	49.441.000.000	-	-	49.441.000.000
Cộng	78.591.555.986	-	-	78.591.555.986
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.665.274.987	-	-	55.665.274.987
Phải thu khách hàng, phải thu khác	16.645.292.053	-	-	16.645.292.053
Các khoản đầu tư	37.500.000.000	-	-	37.500.000.000
Cộng	109.810.567.040	-	-	109.810.567.040

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2023				
Vay và nợ	42.581.519.150	-	-	42.581.519.150
Phải trả người bán, phải trả khác	7.668.741.144	-	-	7.668.741.144
Chi phí phải trả	58.212.167	-	-	58.212.167
Cộng	50.308.472.461	-	-	50.308.472.461
Tại ngày 01/01/2023				
Vay và nợ	34.924.224.353	-	-	34.924.224.353
Phải trả người bán, phải trả khác	11.030.669.465	-	-	11.030.669.465
Chi phí phải trả	36.370.362	-	-	36.370.362
Cộng	45.991.264.180	-	-	45.991.264.180

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

36. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	157.389.403.401	119.158.093.497	276.547.496.898
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
Chi phí không phân bổ	149.014.218.825	103.682.647.268	252.696.866.093
Chi phí bộ phận	7.036.337.509	5.327.147.474	12.363.484.983
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.526.987.098	11.804.919.777	15.331.906.875

Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam
Thôn Trung Dương, Xã Kiều Ky, Huyện Gia Lâm,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Cộng toàn doanh nghiệp VND
Tổng chi phí mua tài sản cố định	-	-	-
Tài sản bộ phận	150.288.969.192	113.782.418.992	264.071.388.184
Tài sản không phân bổ	-	-	-
Tổng tài sản	150.288.969.192	113.782.418.992	264.071.388.184
Nợ phải trả của các bộ phận	30.607.756.767	23.172.855.756	53.780.612.523
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-
Tổng nợ phải trả	30.607.756.767	23.172.855.756	53.780.612.523

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Quang	Công ty liên kết
Ông Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Thành An	Thành viên HĐQT
Ông Đào Quốc Hùng	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Hữu Dương	Tổng Giám đốc

Giao dịch với các bên liên quan:

		Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Mua hàng		15.517.327.250	1.637.270.700
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Quang	Công ty liên kết	15.517.327.250	1.637.270.700
Ứng trước tiền hàng		9.473.807.500	10.180.000.000
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Quang	Công ty liên kết	9.473.807.500	10.180.000.000
Thanh toán tiền hàng		6.889.059.975	1.800.997.770
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Quang	Công ty liên kết	6.889.059.975	1.800.997.770
Góp vốn đầu tư		-	32.000.000.000
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Quang	Công ty liên kết	-	32.000.000.000
Nhận góp vốn		-	72.050.000.000
Ông Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên HĐQT	-	65.050.000.000
Ông Nguyễn Hữu Dương	Tổng Giám đốc	-	7.000.000.000
Cho vay		-	18.000.000.000
Ông Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch HĐQT	-	18.000.000.000
Thu tiền cho vay		18.000.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch HĐQT	18.000.000.000	-
Thu tiền lãi cho vay		329.861.000	-
Ông Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch HĐQT	329.861.000	-

Giao dịch khác với các bên liên quan: chi tiết xem tại Thuyết minh số 18 "Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn".

Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam
Thôn Trung Dương, Xã Kiều Kỳ, Huyện Gia Lâm,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Số dư với các bên liên quan:

		31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Trả trước cho người bán		9.473.807.500	10.180.000.000
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Quang	Công ty liên kết	9.473.807.500	10.180.000.000
Phải thu về cho vay		-	18.000.000.000
Ông Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch HĐQT	-	18.000.000.000

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm:

		Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	-
Ông Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên HĐQT	36.000.000	-
Ông Nguyễn Thành An	Thành viên HĐQT	191.100.480	113.152.777
Ông Đào Quốc Hùng	Thành viên HĐQT	241.710.073	132.879.593
Ông Khúc Mạnh Việt	Tổng Giám đốc đã miễn nhiệm	-	166.968.072
Ông Nguyễn Hữu Dương	Tổng Giám đốc	222.422.627	28.407.450
Bà Nguyễn Thu Hằng	Trưởng ban kiểm soát	225.689.200	37.294.108
Bà Đỗ Thị Duyên	Thành viên BKS	155.313.998	-
Bà Trần Ngọc Phương	Thành viên BKS	167.482.905	111.368.055
Cộng		1.299.719.282	629.070.055

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh CALICO - Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2024



Trần Thị Việt Hoa



Trần Thị Việt Hoa

Tổng Giám đốc

CÔNG TY
CỔ PHẦN
NHỰA SINH THÁI
VIỆT NAM
NGUYỄN HỮU DƯƠNG



MOORE AISC

BẢN SAO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

MOORE AISC Auditing and Informatics Services Company Limited
An independent member firm of Moore Global Network Limited

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	06 - 07
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	08
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	09 - 10
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	11 - 44

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trân trọng đề trình Báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam (gọi tắt là Công ty) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106798702, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 03 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 18 tháng 10 năm 2024.

Hình thức sở hữu vốn

Công ty là Công ty Cổ phần.

Hoạt động kinh doanh của Công ty

Sản xuất plastic nguyên sinh và kinh doanh hạt nhựa.

Tên tiếng anh: Vietnam Eco Plastic Technology Joint Stock Company

Tên viết tắt: ECOPLASTIC VN

Mã chứng khoán: ECO (UpCom)

Trụ sở chính: Thôn Trung Dương, Xã Kiêu Kỵ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông	Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Hữu Dương	Thành viên
Ông	Nguyễn Thành An	Thành viên
Ông	Đào Quốc Hùng	Thành viên
Ông	Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà	Nguyễn Thu Hằng	Trưởng ban
Bà	Đỗ Thị Duyên	Thành viên
Bà	Trần Ngọc Phương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Nguyễn Hữu Dương	Tổng Giám đốc	
Ông	Đào Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 17/09/2024)
Bà	Lê Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 17/09/2024)
Bà	Trần Thị Việt Hoa	Kế toán trưởng	

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hữu Dương Tổng Giám đốc

4. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học MOORE AISC ("MOORE AISC") đã được bổ nhiệm là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình soạn thảo các Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các Báo cáo tài chính riêng phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính riêng bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hữu Dương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2025

CHỨNG THỰC BẢN BÁO CÁO ĐƯỢC VIẾT VÀ CHỮ

Ngày: 30-10-2025

Số chứng thực 4...6...8...8...Quyển số...0...1...SCT/BS.



CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Thị Huyền



MOORE AISC

MOORE AISC Auditing and Informatics
Services Company Limited
389A Dien Bien Phu Street, Ward 4
District 3, Ho Chi Minh City
Viet Nam

T (8428) 3832 9129
F (8428) 3834 2957
E info@aisc.com.vn

www.aisc.com.vn

Số: A1224245/MOOREAISHN-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi

**QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam được lập ngày 21 tháng 3 năm 2025, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



MOORE AISC

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần với Báo cáo tài chính này theo báo cáo kiểm toán số 04NV2/2024/ASCO/BCKT ngày 15/03/2024.

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2025

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Giám đốc

Số Giấy CNĐKHNKT: 4981-2024-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Phan Công Văn

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHNKT: 5298-2021-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		214.544.354.371	207.100.563.034
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	11.000.885.108	10.938.360.569
1. Tiền	111		10.350.885.108	10.938.360.569
2. Các khoản tương đương tiền	112		650.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	45.362.296.404	69.305.875.613
1. Chứng khoán kinh doanh	121		28.263.410.429	37.864.875.613
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(901.114.025)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		18.000.000.000	31.441.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		87.493.988.139	84.073.995.672
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	29.598.893.841	17.298.944.192
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	52.922.406.782	47.861.800.255
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	-	18.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	4.972.687.516	913.251.225
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	68.879.476.480	40.786.291.198
1. Hàng tồn kho	141		68.879.476.480	40.786.291.198
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.807.708.240	1.996.039.982
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	332.740.840	289.750.230
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.474.967.400	1.706.289.752
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		100.704.381.910	56.970.825.150
I. Tài sản cố định	220		17.122.503.291	24.901.469.123
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	17.122.503.291	12.836.069.123
- Nguyên giá	222		89.770.500.631	79.093.101.811
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(72.647.997.340)	(66.257.032.688)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	-	12.065.400.000
- Nguyên giá	228		-	12.065.400.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	82.000.000.000	32.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		50.000.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		32.000.000.000	32.000.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.581.878.619	69.356.027
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	1.581.878.619	69.356.027
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		315.248.736.281	264.071.388.184

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

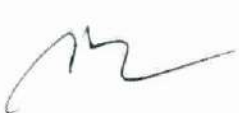
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		90.801.845.624	53.780.612.523
I. Nợ ngắn hạn	310		85.979.842.923	53.780.612.523
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	19.085.870.273	7.379.176.269
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	5.873.750.723	790.906.114
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	3.353.343.409	2.681.233.948
4. Phải trả người lao động	314		951.000.000	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	123.266.855	58.212.167
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	448.417.907	289.564.875
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	56.144.193.756	42.581.519.150
II. Nợ dài hạn	330		4.822.002.701	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	4.822.002.701	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		224.446.890.657	210.290.775.661
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	224.446.890.657	210.290.775.661
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
<i>Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>200.000.000.000</i>	<i>200.000.000.000</i>
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		24.446.890.657	10.290.775.661
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	<i>421a</i>		<i>10.290.775.661</i>	<i>(2.190.197.163)</i>
<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	<i>421b</i>		<i>14.156.114.996</i>	<i>12.480.972.824</i>
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		315.248.736.281	264.071.388.184


Trần Thị Việt Hoa
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2025


Trần Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng




Nguyễn Hữu Dương
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	454.284.628.652	276.547.496.898
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	232.173.136	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		454.052.455.516	276.547.496.898
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	424.163.576.406	252.696.866.093
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29.888.879.110	23.850.630.805
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	8.607.558.497	3.844.761.053
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	7.572.232.924	3.685.624.614
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.437.879.316	2.212.840.147
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	7.723.504.457	4.792.114.238
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		6.156.101.048	3.885.746.131
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.044.599.178	15.331.906.875
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.155.592.582	730.180.317
12. Chi phí khác	32	VI.8	377.334.852	344.996.968
13. Lợi nhuận khác	40		778.257.730	385.183.349
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.822.856.908	15.717.090.224
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	3.666.741.912	3.236.117.400
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.156.114.996	12.480.972.824



Trần Thị Việt Hoa
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2025



Trần Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Dương
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		17.822.856.908	15.717.090.224
2. Điều chỉnh cho các khoản			8.133.600.098	8.285.115.539
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		6.390.964.652	7.323.576.120
- Các khoản dự phòng	03		901.114.025	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		231.901.439	62.163.857
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.828.259.334)	(1.313.464.585)
- Chi phí lãi vay	06		2.437.879.316	2.212.840.147
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		25.956.457.006	24.002.205.763
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(20.999.152.307)	20.288.655.085
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(28.093.185.282)	(29.316.320.855)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		17.782.755.752	(4.522.043.502)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.555.513.202)	704.336.976
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		9.601.465.184	(37.864.875.613)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.422.604.257)	(2.208.628.554)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.021.812.451)	(619.259.385)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.751.589.557)	(29.535.930.085)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(10.677.398.820)	(12.065.400.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		12.454.545.455	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(46.630.000.000)	(111.651.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		78.071.000.000	99.710.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(50.000.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.242.346.756	1.156.100.201
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(15.539.506.609)	(22.850.299.799)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Mẫu số B 03 - DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		179.686.355.483	135.784.129.113
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(161.301.678.176)	(128.126.834.316)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>18.384.677.307</i>	<i>7.657.294.797</i>
 Lưu chuyển tiền thuần trong năm	 50		 93.581.141	 (44.728.935.087)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		10.938.360.569	55.665.274.987
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(31.056.602)	2.020.669
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.01	<u>11.000.885.108</u>	<u>10.938.360.569</u>



Trần Thị Việt Hoa
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2025



Trần Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Dương
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Thành lập

Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam (gọi tắt là Công ty) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106798702, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 03 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 18 tháng 10 năm 2024.

Ngày 12/07/2024, Công ty được chấp thuận là công ty đại chúng theo Công văn số 4330/UBCK-GSĐC của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 1022/QĐ-SGDHN ngày 26/09/2024.

Hình thức sở hữu vốn

Công ty là Công ty Cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty là: 200.000.000.000 đồng; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tên tiếng anh: Vietnam Eco Plastic Technology Joint Stock Company

Tên viết tắt: ECOPLASTIC VN

Mã chứng khoán: ECO (UpCom)

Trụ sở chính: Thôn Trung Dương, Xã Kiêu Kỵ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh.

3. Ngành nghề kinh doanh chính

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất các sản phẩm nhựa;
- Sản xuất plastic nguyên sinh;
- Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Kinh doanh hạt nhựa.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5. Tổng số nhân viên đến 31/12/2024: 71 nhân viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Cấu trúc doanh nghiệp

6.1. Danh sách các công ty con

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có một (01) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa sinh thái Việt Nam	tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Sản xuất bao bì nhựa, kinh doanh hạt nhựa	98%	98%	98%

6.2. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có một (01) công ty liên kết như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần nhựa Tân Quang	tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Kinh doanh hạt nhựa	45,71%	45,71%	45,71%

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 02 - Các khoản đầu tư tài chính.

6.3. Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
Địa điểm kinh doanh - Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam	Thôn Chí Trung, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Chi nhánh Nhà máy sản xuất - Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam	Khu công nghiệp Tân Quang, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính riêng đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc kế toán đối với chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời).

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập đối với phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm/kỳ và ghi giảm giá trị đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận khi Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty này. Khi Công ty không còn quyền đồng kiểm soát thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty liên doanh.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo chi phí nguyên vật liệu chính.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	08 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 08 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm chi phí lãi tiền vay; chi phí phải trả về tiền lương tháng 13 và các chi phí khác đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; Lãi chuyển nhượng vốn)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

15. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

16. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

17. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty có quy mô trên toàn quốc nên trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh, còn báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

18. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: Áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: Áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: Áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán riêng và phân bổ dần vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính khi doanh nghiệp đi vào hoạt động. Số phân bổ khoản lỗ tỷ giá tối thiểu trong từng kỳ không nhỏ hơn mức lợi nhuận trước thuế trước khi phân bổ khoản lỗ tỷ giá (sau khi phân bổ lỗ tỷ giá, lợi nhuận trước thuế của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng không).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
Tiền		
Tiền mặt	438.459.640	1.486.093.068
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.912.425.468	9.452.267.501
Các khoản tương đương tiền	650.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn 2 tháng (*)	650.000.000	-
	11.000.885.108	10.938.360.569

(*) Khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, kỳ hạn 2 tháng với lãi suất 1,6%/năm.

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn	18.000.000.000	-	31.441.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	18.000.000.000	-	31.441.000.000	-
	18.000.000.000	-	31.441.000.000	-

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi vào các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ sáu (06) tháng đến bảy (07) tháng với lãi suất dao động từ 3,7%/năm đến 5,4%/năm. Trong đó, khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam trị giá 8.650.000.000 VND đang được dùng làm tài sản đảm bảo cầm cố cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng này; khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam trị giá 3 tỷ đồng đang được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các khoản đầu tư tài chính

b) Chứng khoán kinh doanh

Mã chứng khoán	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu Tổng công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn	8.367.934.575	8.021.250.000	346.684.575	-	-	-
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long	8.157.217.500	8.895.000.000	-	8.157.217.500	8.475.000.000	-
Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	-	-	-	5.507.658.113	5.505.000.000	-
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội	-	-	-	18.800.000.000	18.900.000.000	-
Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	-	-	-	5.400.000.000	5.400.000.000	-
Cổ phiếu của các công ty khác	11.738.258.354	11.806.190.000	554.429.450	-	-	-
	28.263.410.429	28.722.440.000	901.114.025	37.864.875.613	38.280.000.000	-

Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa của các chứng khoán này trên sàn Upcom, HNX và HOSE tại ngày 29/12/2023 và 31/12/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc
Đầu tư vào Công ty con				
- Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa sinh thái Việt Nam (1)	50.000.000.000	-	-	-
	50.000.000.000			-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết				
- Công ty Cổ phần nhựa Tân Quang (2)	32.000.000.000	-	-	32.000.000.000
	32.000.000.000			32.000.000.000
	82.000.000.000		-	32.000.000.000

(1) Theo Nghị quyết số 08/2024/NQ-HDQT/ECO ngày 14/10/2024 của Hội đồng quản trị Công ty, quyết định thành lập công ty con để thực hiện dự án Nhà máy sản xuất số 2 của Công ty. Vốn điều lệ thành lập ban đầu của công ty con là 100 tỷ đồng, trong đó, Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam góp 98 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ sở hữu 98%.

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam đã góp đủ số vốn cam kết.

(2) Theo Nghị quyết số 27.07/2022/NQ-HDQT/NST ngày 27/07/2022 của Hội đồng quản trị, Công ty quyết định góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần nhựa Tân Quang với số tiền là 32 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 45,71% (vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Quang là 70 tỷ đồng).

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
- SST LDA - Portugal	4.940.006.251	-	2.756.990.101	-
- Công ty Cổ phần Thuận Đức	4.357.800.000	-	-	-
- SD LTD - Belgium	2.347.940.942	-	2.819.929.326	-
- EVP Sas	2.375.872.733	-	-	-
- CEK - Estonia	2.105.127.646	-	580.790.389	-
- Công ty TNHH Nhựa Sáng Nghĩa	1.512.000.000	-	783.000.000	-
- Công ty Cổ phần Leepak	1.405.000.000	-	1.610.178.701	-
- Công ty TNHH Phúc Khang Art	-	-	1.126.250.000	-
- Các đối tượng khác	10.555.146.269	-	7.621.805.675	-
	29.598.893.841	-	17.298.944.192	-

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
- Công ty Cổ phần Kinh doanh và Thương mại Nam Cường	37.496.788.516	-	20.183.603.416	-
- Công ty Cổ phần Nhựa Tân Quang	5.954.831.500	-	9.473.807.500	-
- Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu 5T	5.158.267.550	-	6.624.698.550	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Dịch vụ Mình Thành Triết	-	-	3.200.000.000	-
- Chi nhánh Công ty TNHH Công nghệ nhựa và Môi trường NK - Nhà máy Nhựa Công nghệ cao	-	-	3.000.000.000	-
- Các khoản trả trước người bán khác	4.312.519.216	-	5.379.690.789	-
	52.922.406.782	-	47.861.800.255	-
b) Trả trước cho người liên quan	5.954.831.500	-	9.473.807.500	-

(Chi tiết xem tại thuyết minh số VIII.2 - Giao dịch với bên liên quan)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Phải thu về cho vay

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
- Ông Nguyễn Tuấn Tú	-	-	18.000.000.000	-
	-	-	18.000.000.000	-

6. Phải thu khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
- Phải thu về thuế GTGT đề nghị hoàn	4.200.000.000	-	-	-
- Tạm ứng	467.350.393	-	398.327.248	-
- Phải thu lãi tiền gửi	196.767.123	-	305.983.565	-
- Phải thu khác	108.570.000	-	208.940.412	-
	4.972.687.516	-	913.251.225	-

7. Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	6.439.917.566	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	50.021.499.799	-	26.128.622.511	-
- Thành phẩm	10.117.586.166	-	5.446.811.899	-
- Hàng hóa	2.300.472.949	-	9.210.856.788	-
	68.879.476.480	-	40.786.291.198	-

Toàn bộ giá trị hàng tồn kho tại ngày 31/12/2024 được dùng để thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại được Công ty xác định là không suy giảm giá trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8 . Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	5.391.685.473	71.876.718.884	1.824.697.454	79.093.101.811
- Mua trong năm	-	9.124.231.008	1.553.167.812	10.677.398.820
Số dư cuối năm	5.391.685.473	81.000.949.892	3.377.865.266	89.770.500.631
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	4.287.575.382	60.667.329.291	1.302.128.015	66.257.032.688
- Khấu hao trong năm	320.067.612	5.893.487.823	177.409.217	6.390.964.652
Số dư cuối năm	4.607.642.994	66.560.817.114	1.479.537.232	72.647.997.340
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	1.104.110.091	11.209.389.593	522.569.439	12.836.069.123
Tại ngày cuối năm	784.042.479	14.440.132.778	1.898.328.034	17.122.503.291

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

14.835.118.092
33.058.570.407

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	12.065.400.000	12.065.400.000
- Thanh lý, nhượng bán	(12.065.400.000)	(12.065.400.000)
Số dư cuối năm	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	-	-
Số dư cuối năm	-	-
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	12.065.400.000	12.065.400.000
Tại ngày cuối năm	-	-

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 1410/2024/NQ-HĐQT ngày 14/10/2024, thông qua việc chuyển nhượng tài sản là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 60, tờ bản đồ số: 7, có địa chỉ tại: Phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 544124, số vào sổ cấp giấy GCN: CS-NTL: 07432 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 21/07/2017. Ngày 29/06/2023, văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội xác nhận: Chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam theo hồ sơ số 000683.CN.005. Nghị quyết thông qua giá trị chuyển nhượng tài sản là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là tổng đơn giá chuyển nhượng không thấp hơn 206.000.000 đồng/m².

Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 3493 ngày 14/10/2024, Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam và bà Nguyễn Thị Huyền thống nhất giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên là 12,5 tỷ đồng.

10. Chi phí trả trước

	31/12/2024	01/01/2024
a) Ngắn hạn		
- Thuê nhà xưởng	-	172.769.280
- Bảo hiểm cháy nổ	27.751.283	-
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	297.947.890	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	7.041.667	116.980.950
	332.740.840	289.750.230
b) Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.573.763.370	-
- Chi phí mua bảo hiểm	-	47.985.466
- Chi phí trả trước dài hạn khác	8.115.249	21.370.561
	1.581.878.619	69.356.027

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN	54.734.671.428	54.734.671.428	172.750.069.290	160.596.917.012	42.581.519.150	42.581.519.150
Đông Hà Nội (1)	34.517.847.990	34.517.847.990	97.440.121.482	97.126.169.811	34.203.896.319	34.203.896.319
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thăng Long (2)	18.879.178.419	18.879.178.419	57.229.051.939	44.527.496.351	6.177.622.831	6.177.622.831
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Thăng Long (3)	300.202.116	300.202.116	300.202.116	-	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (4)	1.037.442.903	1.037.442.903	17.744.638.197	16.707.193.294	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	-	-	36.055.556	2.236.055.556	2.200.000.000	2.200.000.000
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thăng Long (5)	1.409.522.328	1.409.522.328	1.409.522.328	-	-	-
	1.409.522.328	1.409.522.328	1.409.522.328	-	-	-
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thăng Long (5)	4.822.002.701	4.822.002.701	6.936.286.193	2.114.283.492	-	-
	4.822.002.701	4.822.002.701	6.936.286.193	2.114.283.492	-	-
	4.822.002.701	4.822.002.701	6.936.286.193	2.114.283.492	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Hợp đồng cho vay hạn mức số 328-04/2024-HECVHM/NHCT131-NST ký ngày 04/11/2024 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội với hạn mức là 40 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức là 1 năm, thời hạn vay của từng khoản giải ngân là 06 tháng với mức lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ cụ thể (lãi suất cho vay từ 5,5% đến 7%). Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh.

Khoản vay được thế chấp bằng các số dư tiền gửi của Công ty; tài sản cố định là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải; và hàng hóa, công cụ, dụng cụ đang sử dụng.

- Hợp đồng thế chấp động sản số 213-04/2022/HĐBĐ/NHCT131-NST ngày 12/09/2022;
- Hợp đồng thế chấp động sản số 214-04/2022/HĐBĐ/NHCT131-NST ngày 12/09/2022;
- Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 215-04/2022/HĐBĐ/NHCT131-NST ngày 14/09/2022.
- Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 304-04/2024/HĐBĐD/NHCT131-NST ký ngày 07/10/2024 với tài sản cầm cố là Sổ dư tiền gửi có kỳ hạn kênh Efast của Công ty với số tiền là 650 triệu đồng có thời hạn 3 tháng, lãi suất 1,6%/ năm.
- Hợp đồng cầm cố hợp đồng tiền gửi số 319-04/2024/HĐBĐ/NHCT131-NST ký ngày 23/10/2024 với tài sản cầm cố là Sổ dư tiền gửi theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng số tiền 8 tỷ đồng với lãi suất 4,6%/năm.
- Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 283-04/2024/HĐBĐ/NHCT131-NST ký ngày 18/09/2024 với sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DM 478149; Số vào sổ cấp GCN: VP 00077 do Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội cấp ngày 05/05/2023, mang tên: Nguyễn Đình Tuấn và bà Nguyễn Thị Thuỳ Dương.

(2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/17910577/HĐTD ngày 26/04/2024 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thăng Long với hạn mức vay là 25 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng, thời hạn vay của từng khoản giải ngân là từ 05 tháng, lãi suất vay được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động.

Khoản vay được thế chấp bằng các tài sản cố định và hàng hóa của Công ty theo đồng đồng thế chấp:
- Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2022 17010577/2022

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2023.17910577/HĐBĐ ngày 31/03/2023;
- Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ/các khoản phải thu số 02/2023/17910577/HĐBĐ ngày 31/03/2023;
- Hợp đồng thế chấp tài sản là xe ô tô ký ngày 07/12/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Ngoài ra, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cầm cố là toàn bộ quyền sử dụng đất sử dụng riêng và quyền sở hữu nhà ở của ông Nguyễn Văn Bình và bà Nguyễn Thị Lương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV479941 cấp ngày 08/09/2020 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản ngày 11/04/2023. Giá trị tài sản được định giá theo báo cáo thẩm định giá trị tài sản ngày 30/03/2023 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam là 10.881.000.000 VND.

(3) Hợp đồng cấp tín dụng số 219033.24.058.3901046.TD ngày 24/09/2024 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long với hạn mức 50 tỷ đồng, thời hạn vay đến ngày 24/05/2025, lãi suất vay được xác định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Mục đích vay là phục vụ sản xuất kinh doanh.

(4) Là khoản giao dịch ký quỹ chứng khoán với Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam), có lãi suất là 13%/năm.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(5) Hợp đồng tín dụng số 02/2024/17910577/HDTD ngày 12/07/2024 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thăng Long với hạn mức là 276.866,39 USD với thời hạn 60 tháng, lãi vay năm thứ nhất cố định 6,3%/năm, các năm tiếp theo bằng lãi suất cơ sở + biên độ 3,0%/năm, mục đích vay thanh toán tiền mua máy móc thiết bị.

Khoản vay được thế chấp bằng các tài sản cố định và tiền gửi tiết kiệm của Công ty theo các hợp đồng thế chấp:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2023.17910577/HDBD ngày 31/03/2023;
- Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2024/17910577/HDBDTL ngày 15/07/2024;
- Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2024/17910577/HDBD ngày 05/11/2024.

Số dư khoản vay dài hạn tại thời điểm 31/12/2024 là 6.231.525.029 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Phải trả người bán

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
- Công ty Cổ phần Haplast Chi nhánh Công ty TNHH Công nghệ nhựa và Môi trường NK - Nhà máy nhựa công nghệ cao	3.123.701.000	3.123.701.000	-	-
- Công ty Cổ phần nhựa Á Đông	2.120.850.000	2.120.850.000	-	-
- Công ty TNHH Thương mại Vận tải Tiên Phong	1.331.522.500	1.331.522.500	94.850.000	94.850.000
- Công ty TNHH Sunrise Colours Việt Nam	1.073.693.755	1.073.693.755	520.742.470	520.742.470
- Công ty Cổ phần PMJ	10.600.000	10.600.000	1.238.222.998	1.238.222.998
- Công ty Cổ phần An Tiến Industries	160.650.000	160.650.000	936.525.000	936.525.000
- Các đối tượng khác	823.500.000	823.500.000	527.040.000	527.040.000
	10.441.353.018	10.441.353.018	4.061.795.801	4.061.795.801
	19.085.870.273	19.085.870.273	7.379.176.269	7.379.176.269

13. Người mua trả tiền trước

	31/12/2024	01/01/2024
Ngắn hạn		
- Công ty Cổ phần Trịnh Nghiên	1.520.260.000	-
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại nhựa Cát Tường	1.363.147.500	-
- As Pakendikeskus	612.667.358	-
- Lts Trading Services Limited	372.187.246	265.183.429
- Các đối tượng khác	2.005.488.619	525.722.685
	5.873.750.723	790.906.114

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	783.394.049	783.394.049	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	143.878	143.878	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.679.613.948	3.666.741.912	3.021.812.451	-	3.324.543.409
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	28.800.000	-	-	28.800.000
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.620.000	8.460.000	10.080.000	-	-
	-	2.681.233.948	4.487.539.839	3.815.430.378	-	3.353.343.409

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Chi phí phải trả

	31/12/2024	01/01/2024
Chi phí phải trả ngắn hạn		
- Chi phí lãi vay	54.857.014	39.581.955
- Các khoản phải trả khác	68.409.841	18.630.212
	123.266.855	58.212.167

16. Phải trả khác

	31/12/2024	01/01/2024
Ngắn hạn		
- Bảo hiểm xã hội	25.520.606	-
- Bảo hiểm y tế	38.002.897	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	17.319.674	-
- Thủ lao HĐQT và Ban kiểm soát	259.200.000	288.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	108.374.730	1.564.875
	448.417.907	289.564.875

17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	(2.190.197.163)	197.809.802.837
Lãi trong năm trước	-	12.480.972.824	12.480.972.824
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	10.290.775.661	210.290.775.661
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	10.290.775.661	210.290.775.661
Lãi trong năm nay	-	14.156.114.996	14.156.114.996
Số dư cuối năm nay	200.000.000.000	24.446.890.657	224.446.890.657

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND	Tỷ lệ %
Ông Nguyễn Văn Bình	40.000.000.000	20,00%	40.000.000.000	20,00%
Ông Nguyễn Hữu Dương	30.000.000.000	15,00%	22.500.000.000	11,25%
Ông Nguyễn Đình Tuấn	3.000.000.000	1,50%	20.000.000.000	10,00%
Cổ đông khác	127.000.000.000	63,50%	117.500.000.000	58,75%
	200.000.000.000	100%	200.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024	Năm 2023
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký hợp đồng mượn xưởng với diện tích 3500 m² tại xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên để sử dụng với mục đích làm kho lưu giữ và sản xuất hàng hóa từ ngày 22/05/2024. Đến ngày 31/12/2024, Công ty ký hợp đồng thuê nhà xưởng số 052025/HĐĐK-STVN thuê nhà xưởng với diện tích là 5.932,5 m² tại Khu Công nghiệp Tân Quang, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Thời hạn thuê là 3 năm từ ngày 01/01/2025 với số tiền thuê trả hàng tháng áp dụng cho 2 năm đầu là 543.989.000 VND, kỳ hạn thanh toán 3 tháng 1 lần.

b) Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	31/12/2024	01/01/2024
- Đô la Mỹ	USD	361.728,94	25.767,15
- Euro	EUR	288,04	278,01

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu bán hàng hóa	249.958.755.117	140.570.098.107
Doanh thu bán thành phẩm	200.234.675.199	134.772.398.791
Doanh thu gia công	488.698.336	-
Doanh thu bán phế liệu	3.602.500.000	1.205.000.000
	454.284.628.652	276.547.496.898

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2024	Năm 2023
Giảm giá hàng bán	231.635.601	-
Hàng bán bị trả lại	537.535	-
	232.173.136	-

3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024	Năm 2023
Giá vốn của hàng hóa đã bán	245.908.999.380	137.825.279.738
Giá vốn của thành phẩm đã bán	173.720.964.905	113.698.821.945
Giá vốn gia công	390.624.335	-
Giá vốn của phế liệu đã bán	4.142.987.786	1.172.764.410
	424.163.576.406	252.696.866.093

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.439.113.879	1.313.464.585
Lãi bán chứng khoán	2.684.703.289	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.483.741.329	2.531.296.468
	8.607.558.497	3.844.761.053

5. Chi phí tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
Lãi tiền vay	2.437.879.316	2.212.840.147
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.510.515.767	1.410.620.610
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	231.901.439	62.163.857
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	901.114.025	-
Lỗ bán chứng khoán	1.309.400.726	-
Chi phí tài chính khác	181.421.651	-
	7.572.232.924	3.685.624.614

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024	Năm 2023
a, Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân công	844.711.932	648.958.553
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	29.080.265
Thuế, phí, và lệ phí	-	5.640.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.807.731.517	4.108.435.420
Chi phí khác bằng tiền	71.061.008	-
	7.723.504.457	4.792.114.238
b, Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	2.954.057.404	2.169.108.459
Chi phí khấu hao tài sản cố định	562.537.689	134.843.004
Thuế, phí, và lệ phí	5.000.000	5.719.938
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.710.868.527	1.150.890.578
Chi phí khác bằng tiền	923.637.428	425.184.152
	6.156.101.048	3.885.746.131

7. Thu nhập khác

	Năm 2024	Năm 2023
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	389.145.455	-
Tiền trực in, hàng mẫu	453.562.265	302.900.424
Thu nhập khác	312.884.862	427.279.893
	1.155.592.582	730.180.317

8. Chi phí khác

	Năm 2024	Năm 2023
Các khoản bị phạt	99.529.289	34.898.407
Chi phí khác	277.805.563	310.098.561
	377.334.852	344.996.968

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	177.820.129.235	98.976.657.340
Chi phí nhân công	12.015.091.160	7.264.542.813
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.390.964.652	7.323.576.120
Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	11.359.938
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.356.672.957	13.627.530.223
Chi phí khác bằng tiền	2.532.646.297	1.710.029.067
	218.120.504.301	128.913.695.501

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024	Năm 2023
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	17.822.856.908	15.717.090.224
Các khoản điều chỉnh tăng	510.852.654	463.496.778
- Chi phí không được trừ	377.334.852	344.996.968
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm	37.517.802	22.499.810
- Thu lao của thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành	96.000.000	96.000.000
Thu nhập chịu thuế TNDN	18.333.709.562	16.180.587.002
 Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	 <u>3.666.741.912</u>	 <u>3.236.117.400</u>

VII MỤC TIÊU VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Rủi ro về lãi suất:

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Độ nhạy đối với lãi suất

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

002-6
NH
TNHH
ÁN
IN HỌ
ISC
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2024				
Vay và nợ	56.144.193.756	4.822.002.701	-	60.966.196.457
Phải trả người bán	19.085.870.273	-	-	19.085.870.273
Chi phí phải trả	123.266.855	-	-	123.266.855
Phải trả khác	189.217.907	-	-	189.217.907
	75.542.548.791	4.822.002.701	-	80.364.551.492
Tại ngày 01/01/2024				
Vay và nợ	42.581.519.150	-	-	42.581.519.150
Phải trả người bán	7.379.176.269	-	-	7.379.176.269
Chi phí phải trả	58.212.167	-	-	58.212.167
Phải trả khác	1.564.875	-	-	1.564.875
	50.020.472.461	-	-	50.020.472.461

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng một phần tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, hàng tồn kho, máy móc thiết bị, hàng hóa làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số V.11 - Vay và nợ thuê tài chính).

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính dài hạn và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2024 và 31/12/2023. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

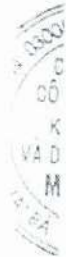
Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2024		01/01/2024		31/12/2024	01/01/2024
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Tiền và các khoản tương đương tiền	11.000.885.108	-	10.938.360.569	-	11.000.885.108	10.938.360.569
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	18.000.000.000	-	31.441.000.000	-	18.000.000.000	31.441.000.000
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	28.263.410.429	(901.114.025)	37.864.875.613	-	27.362.296.404	37.864.875.613
- Phải thu khách hàng	29.598.893.841	-	17.298.944.192	-	29.598.893.841	17.298.944.192
- Phải thu về cho vay	-	-	18.000.000.000	-	-	18.000.000.000
- Phải thu khác	4.505.337.123	-	514.923.977	-	4.505.337.123	514.923.977
TỔNG CỘNG	91.368.526.501	(901.114.025)	116.058.104.351	-	90.467.412.476	116.058.104.351
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	60.966.196.457	-	42.581.519.150	-	60.966.196.457	42.581.519.150
- Phải trả người bán	19.085.870.273	-	7.379.176.269	-	19.085.870.273	7.379.176.269
- Chi phí phải trả	123.266.855	-	58.212.167	-	123.266.855	58.212.167
- Phải trả khác	189.217.907	-	1.564.875	-	189.217.907	1.564.875
TỔNG CỘNG	80.364.551.492	-	50.020.472.461	-	80.364.551.492	50.020.472.461



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa sinh thái Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Quang	Công ty liên kết
Ông Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Thành An	Thành viên HĐQT
Ông Đào Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc - Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Hữu Dương	Tổng Giám đốc - Thành viên HĐQT
Bà Lê Thị Thùy	Phó Tổng Giám đốc

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm tài chính và số dư tại ngày đầu kỳ, kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2024	Năm 2023
Mua hàng			
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Quang	Công ty liên kết	26.024.523.637	15.517.327.250
		26.024.523.637	15.517.327.250
Góp vốn			
Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa sinh thái Việt Nam	Công ty con	50.000.000.000	-
		50.000.000.000	-

Giao dịch khác với các bên liên quan: chi tiết xem tại Thuyết minh số V.11 "Vay và nợ thuê tài chính".

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2024	01/01/2024
Trả trước cho người bán			
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Quang	Công ty liên kết	5.954.831.500	9.473.807.500
		5.954.831.500	9.473.807.500

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm:

	Chức vụ	Thu nhập	Năm 2024	Năm 2023
Ông Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Đình Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Thành An	Thành viên HĐQT	Thù lao, lương thường	121.877.978	191.100.480
Ông Đào Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc - Thành viên HĐQT	Thù lao, lương thường	239.899.310	241.710.073
Ông Nguyễn Hữu Dương	Tổng Giám đốc - thành viên HĐQT	Thù lao, lương thường	293.185.034	222.422.627
Bà Lê Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Lương thường	66.525.693	-
Bà Nguyễn Thu Hằng	Trưởng ban kiểm soát	Thù lao, lương thường	187.822.844	225.689.200
Bà Đỗ Thị Duyên	Thành viên BKS	Thù lao, lương thường	168.625.721	155.313.998
Bà Trần Ngọc Phương	Thành viên BKS	Thù lao, lương thường	170.779.419	167.482.905
			1.344.715.998	1.299.719.282

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ chứ không dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp. Do vậy, báo cáo chính yếu của Công ty là theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận chính yếu: theo khu vực địa lý

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty báo cáo hoạt động theo các khu vực địa lý: trong nước (nội địa) và ngoài nước (xuất khẩu). Công ty phân tích doanh thu và giá vốn theo khu vực địa lý như sau:

Khu vực	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Nội địa	278.509.959.582	270.830.685.455	7.679.274.127
Xuất khẩu	175.542.495.934	153.332.890.951	22.209.604.983
Cộng	454.052.455.516	424.163.576.406	29.888.879.110

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty báo cáo hoạt động theo các khu vực địa lý: trong nước (nội địa) và ngoài nước (xuất khẩu). Công ty phân tích doanh thu và giá vốn theo khu vực địa lý như sau:

Khu vực	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Nội địa	157.389.403.401	149.014.218.825	8.375.184.576
Xuất khẩu	119.158.093.497	103.682.647.268	15.475.446.229
Cộng	276.547.496.898	252.696.866.093	23.850.630.805

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09 - DN

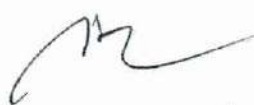
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO.

5. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.



Trần Thị Việt Hoa
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2025



Trần Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Dương
Tổng Giám đốc





MOORE AISC

BẢN SAO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

MOORE AISC Auditing and Informatics Services Company Limited
An independent member firm of Moore Global Network Limited

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	06 - 07
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	08
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	09 - 10
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 47

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trân trọng đề trình Báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam (gọi tắt là Công ty) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106798702, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 03 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 18 tháng 10 năm 2024.

Hình thức sở hữu vốn

Công ty là Công ty Cổ phần.

Hoạt động kinh doanh của Công ty

Sản xuất plastic nguyên sinh và kinh doanh hạt nhựa.

Tên tiếng anh: Vietnam Eco Plastic Technology Joint Stock Company

Tên viết tắt: ECOPLASTIC VN

Mã chứng khoán: ECO (UpCom)

Trụ sở chính: Thôn Trung Dương, Xã Kiêu Kỵ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông	Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Hữu Dương	Thành viên
Ông	Nguyễn Thành An	Thành viên
Ông	Đào Quốc Hùng	Thành viên
Ông	Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà	Nguyễn Thu Hằng	Trưởng ban
Bà	Đỗ Thị Duyên	Thành viên
Bà	Trần Ngọc Phương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Nguyễn Hữu Dương	Tổng Giám đốc
Ông	Đào Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Lê Thị Thùy	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Trần Thị Việt Hoa	Kế toán trưởng

(Bổ nhiệm ngày 17/09/2024)

(Bổ nhiệm ngày 17/09/2024)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hữu Dương

Tổng Giám đốc

4. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISIC ("MOORE AISIC") đã được bổ nhiệm là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình soạn thảo các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các số sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh đã được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hữu Dương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2025

CHỨNG THỰC BAN SƠ ĐỒ KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Ngày: 30-10-2025
Số chứng thực 6.8.8.6... Quyền số 01... SCT/BS.



CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Thị Huyền



MOORE AISC

MOORE AISC Auditing and Informatics
Services Company Limited
389A Dien Bien Phu Street, Ward 4
District 3, Ho Chi Minh City
Viet Nam

T (8428) 3832 9129
F (8428) 3834 2957
E info@aisc.com.vn

www.aisc.com.vn

Số: A1224245/MOOREAISHN-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi

**QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam được lập ngày 21 tháng 3 năm 2025, từ trang 06 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Branch in Hà Nội:
Branch in Đà Nẵng:

6th floor, 36 Hoa Binh 4 Str., Minh Khai Ward, Hai Ba Trung Dist., Hà Nội City
350 Hai Phong Str., Chinh Gian Ward, Thanh Khe Dist., Đà Nẵng City

T: (84 24) 3782 0045
T: (84 236) 374 7619

F: (84 24) 3782 0048
F: (84 236) 374 7620

E: hanoi@aisc.com.vn
E: danang@aisc.com.vn



MOORE AISC

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần với Báo cáo tài chính này theo báo cáo kiểm toán số 04NV2/2024/ASCO/BCKT ngày 15/03/2024.

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2025

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHNKT: 4945-2024-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Phan Công Văn

Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHNKT: 5298-2021-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

11/03/2025
NH
AN
IN
IS
11/11

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 01 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		256.812.755.933	207.100.563.034
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	52.430.821.051	10.938.360.569
1. Tiền	111		11.780.821.051	10.938.360.569
2. Các khoản tương đương tiền	112		40.650.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	45.362.296.404	69.305.875.613
1. Chứng khoán kinh doanh	121		28.263.410.429	37.864.875.613
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(901.114.025)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		18.000.000.000	31.441.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		87.554.604.577	84.073.995.672
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	29.598.893.841	17.298.944.192
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	52.938.606.782	47.861.800.255
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	-	18.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	5.017.103.954	913.251.225
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	68.879.476.480	40.786.291.198
1. Hàng tồn kho	141		68.879.476.480	40.786.291.198
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.585.557.421	1.996.039.982
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	332.740.840	289.750.230
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.252.816.581	1.706.289.752
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		58.388.089.432	56.971.659.399
I. Tài sản cố định	220		17.122.503.291	24.901.469.123
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	17.122.503.291	12.836.069.123
- Nguyên giá	222		89.770.500.631	79.093.101.811
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(72.647.997.340)	(66.257.032.688)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	-	12.065.400.000
- Nguyên giá	228		-	12.065.400.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	32.012.743.298	32.000.834.249
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		32.012.743.298	32.000.834.249
III. Tài sản dài hạn khác	260		9.252.842.843	69.356.027
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	9.252.842.843	69.356.027
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		315.200.845.365	264.072.222.433

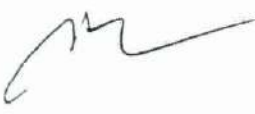
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

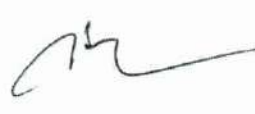
Mẫu số B 01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		90.803.045.624	53.780.612.523
I. Nợ ngắn hạn	310		85.981.042.923	53.780.612.523
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	19.087.070.273	7.379.176.269
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	5.873.750.723	790.906.114
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	3.353.343.409	2.681.233.948
4. Phải trả người lao động	314		951.000.000	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	123.266.855	58.212.167
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	448.417.907	289.564.875
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	56.144.193.756	42.581.519.150
II. Nợ dài hạn	330		4.822.002.701	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	4.822.002.701	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		224.397.799.741	210.291.609.910
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	224.397.799.741	210.291.609.910
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
<i>Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		24.399.036.425	10.291.609.910
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm</i>	421a		10.291.609.910	(2.191.579.847)
<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	421b		14.107.426.515	12.483.189.757
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(1.236.684)	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		315.200.845.365	264.072.222.433


Trần Thị Việt Hoa
Người lập biểu


Trần Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng


Nguyễn Hữu Dương
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 02 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	454.284.628.652	276.547.496.898
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	232.173.136	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		454.052.455.516	276.547.496.898
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	424.163.576.406	252.696.866.093
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29.888.879.110	23.850.630.805
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	8.653.615.971	3.844.761.053
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	7.572.232.924	3.685.624.614
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.437.879.316	2.212.840.147
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		11.909.049	2.216.933
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	7.723.504.457	4.792.114.238
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		6.263.992.736	3.885.746.131
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.994.674.013	15.334.123.808
12. Thu nhập khác	31	VI.7	1.155.592.582	730.180.317
13. Chi phí khác	32	VI.8	377.334.852	344.996.968
14. Lợi nhuận khác	40		778.257.730	385.183.349
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.772.931.743	15.719.307.157
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	3.666.741.912	3.236.117.400
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>14.106.189.831</u>	<u>12.483.189.757</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		14.107.426.515	12.483.189.757
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(1.236.684)	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	705	624
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	705	624


Trần Thị Việt Hoa
Người lập biểu


Trần Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng




Nguyễn Hữu Dương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Mẫu số B 03 - DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		17.772.931.743	15.719.307.157
2. Điều chỉnh cho các khoản			8.087.542.624	8.282.898.606
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		6.390.964.652	7.323.576.120
- Các khoản dự phòng	03		901.114.025	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		231.901.439	62.163.857
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.874.316.808)	(1.315.681.518)
- Chi phí lãi vay	06		2.437.879.316	2.212.840.147
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		25.860.474.367	24.002.205.763
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(21.837.617.926)	20.288.655.085
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(28.093.185.282)	(29.316.320.855)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		17.816.463.141	(4.522.043.502)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(9.226.477.426)	704.336.976
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		9.601.465.184	(37.864.875.613)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.422.604.257)	(2.208.628.554)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.021.812.451)	(619.259.385)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(11.323.294.650)	(29.535.930.085)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(10.677.398.820)	(12.065.400.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		12.454.545.455	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(46.630.000.000)	(111.651.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		78.071.000.000	99.710.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.243.987.792	1.156.100.201
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		34.462.134.427	(22.850.299.799)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 03 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		179.686.355.483	135.784.129.113
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(161.301.678.176)	(128.126.834.316)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		18.384.677.307	7.657.294.797
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		41.523.517.084	(44.728.935.087)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		10.938.360.569	55.665.274.987
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		(31.056.602)	2.020.669
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.01	52.430.821.051	10.938.360.569


 Trần Thị Việt Hoa
 Người lập biểu
 Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2025


 Trần Thị Việt Hoa
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Hữu Dương
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Thành lập

Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam (gọi tắt là Công ty) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106798702, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 03 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 18 tháng 10 năm 2024.

Ngày 12/07/2024, Công ty được chấp thuận là công ty đại chúng theo Công văn số 4330/UBCK-GSĐC của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 1022/QĐ-SGDHN ngày 26/09/2024.

Hình thức sở hữu vốn

Công ty là Công ty Cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty là: 200.000.000.000 đồng; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tên tiếng anh: Vietnam Eco Plastic Technology Joint Stock Company
Tên viết tắt: ECOPLASTIC VN

Mã chứng khoán: ECO (UpCom)

Trụ sở chính: Thôn Trung Dương, Xã Kiêu Kỵ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh.

3. Ngành nghề kinh doanh chính

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất các sản phẩm nhựa;
- Sản xuất plastic nguyên sinh;
- Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Kinh doanh hạt nhựa.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5. Tổng số nhân viên đến 31/12/2024: 71 nhân viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Cấu trúc doanh nghiệp

6.1. Danh sách các công ty con

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có một (01) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa sinh thái Việt Nam	Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Sản xuất bao bì nhựa, kinh doanh hạt nhựa	98%	98%	98%

6.2. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có một (01) công ty liên kết như sau:

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần nhựa Tân Quang	Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Kinh doanh hạt nhựa	45,71%	45,71%	45,71%

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 02 - Các khoản đầu tư tài chính.

6.3. Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

<i>Tên đơn vị trực thuộc</i>	<i>Địa chỉ</i>
Địa điểm kinh doanh - Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam	Thôn Chí Trung, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Chi nhánh Nhà máy sản xuất - Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam	Khu công nghiệp Tân Quang, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

Đây là năm đầu tiên Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ban hành ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty con ("Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày "Công ty" thực sự nắm quyền kiểm soát các Công ty con, và chấm dứt vào ngày "Công ty" thực sự chấm dứt quyền kiểm soát các Công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty con được lập cùng kỳ kế toán với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư giữa các đơn vị trong cùng "Công ty" và các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ "Công ty", kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ "Công ty" đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản cũng được loại bỏ trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của Công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của "Công ty" trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc kế toán đối với chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời).

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập đối với phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm/kỳ và ghi giảm giá trị đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản vốn góp ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn trong tài sản thuần của Công ty liên kết, liên doanh sau khi mua. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty liên kết, liên doanh sau khi mua thành một chỉ tiêu riêng biệt.

Báo cáo tài chính của Công ty liên kết, liên doanh được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo chi phí nguyên vật liệu chính.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc

08 năm

Máy móc, thiết bị

05 - 08 năm

Phương tiện vận tải, truyền dẫn

08 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm chi phí lãi tiền vay; chi phí phải trả về tiền lương tháng 13 và các chi phí khác đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận cụ thể.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; Lãi chuyển nhượng vốn)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

16. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

17. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

18. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

19. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty có quy mô trên toàn quốc nên trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh, còn báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

20. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: Áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: Áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: Áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và phân bổ dần vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính khi doanh nghiệp đi vào hoạt động. Số phân bổ khoản lỗ tỷ giá tối thiểu trong từng kỳ không nhỏ hơn mức lợi nhuận trước thuế trước khi phân bổ khoản lỗ tỷ giá (sau khi phân bổ lỗ tỷ giá, lợi nhuận trước thuế của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng không).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền	31/12/2024	01/01/2024
Tiền mặt	1.837.409.640	1.486.093.068
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.943.411.411	9.452.267.501
Các khoản tương đương tiền		
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	40.650.000.000	-
Cộng	52.430.821.051	10.938.360.569

(*) Tiền gửi có kỳ hạn 1 - 2 tháng được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất dao động từ 1,6% đến 4,2%/năm.

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn	18.000.000.000	-	31.441.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	18.000.000.000	-	31.441.000.000	-
Cộng	18.000.000.000	-	31.441.000.000	-

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi vào các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ sáu (06) tháng đến bảy (07) tháng với lãi suất dao động từ 3,7%/năm đến 5,4%/năm. Trong đó, khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam trị giá 8.650.000.000 VND đang được dùng làm tài sản đảm bảo cầm cố cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng này; khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam trị giá 3 tỷ đồng đang được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

2. Các khoản đầu tư tài chính

b) Chứng khoán kinh doanh

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mã chứng khoán	31/12/2024				01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu Tổng công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn	8.367.934.575	8.021.250.000	346.684.575	-	-	-
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long	8.157.217.500	8.895.000.000	-	8.157.217.500	8.475.000.000	-
Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	-	-	-	5.507.658.113	5.505.000.000	-
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội	-	-	-	18.800.000.000	18.900.000.000	-
Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	-	-	-	5.400.000.000	5.400.000.000	-
Cổ phiếu của các công ty khác	11.738.258.354	11.806.190.000	554.429.450	-	-	-
Cộng	28.263.410.429	28.722.440.000	901.114.025	37.864.875.613	38.280.000.000	-

Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa của các chứng khoán này trên sàn Upcom, HNX và HOSE tại ngày 29/12/2023 và 31/12/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN/HN

c) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	31/12/2024				01/01/2024			
	Giá gốc	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào công ty liên kết								
- Công ty Cổ phần Nhựa Tân Quang	32.000.000.000	45,71%	45,71%	32.012.743.298	32.000.000.000	45,71%	45,71%	32.000.834.249
Cộng	<u>32.000.000.000</u>			<u>32.012.743.298</u>	<u>32.000.000.000</u>			<u>32.000.834.249</u>

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên doanh, liên kết trong năm: Xem thuyết minh IX.2 - Giao dịch với các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
- SST LDA - Portugal	4.940.006.251	-	2.756.990.101	-
- Công ty Cổ phần Thuận Đức	4.357.800.000	-	-	-
- SD LTD - Belgium	2.347.940.942	-	2.819.929.326	-
- EVP Sas	2.375.872.733	-	-	-
- CEK - Estonia	2.105.127.646	-	580.790.389	-
- Công ty TNHH Nhựa Sáng Nghĩa	1.512.000.000	-	783.000.000	-
- Công ty Cổ phần Leepak	1.405.000.000	-	1.610.178.701	-
- Công ty TNHH Phúc Khang Art	-	-	1.126.250.000	-
- Các đối tượng khác	10.555.146.269	-	7.621.805.675	-
Cộng	29.598.893.841	-	17.298.944.192	-

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
- Công ty Cổ phần Kinh doanh và Thương mại Nam Cường	37.496.788.516	-	20.183.603.416	-
- Công ty Cổ phần Nhựa Tân Quang	5.954.831.500	-	9.473.807.500	-
- Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu 5T	5.158.267.550	-	6.624.698.550	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Dịch vụ Minh Thành Triết	-	-	3.200.000.000	-
- Chi nhánh Công ty TNHH Công nghệ nhựa Và Môi trường NK - Nhà máy Nhựa Công nghệ cao	-	-	3.000.000.000	-
- Các đối tượng khác	4.328.719.216	-	5.379.690.789	-
Cộng	52.938.606.782	-	47.861.800.255	-
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	5.954.831.500	-	9.473.807.500	-

(Chi tiết xem tại thuyết minh số VIII.2 Giao dịch với bên liên quan)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Phải thu về cho vay

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
- Ông Nguyễn Tuấn Tú	-	-	18.000.000.000	-
Cộng	-	-	18.000.000.000	-

6. Phải thu khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
- Phải thu về thuế GTGT để nghị hoàn	4.200.000.000	-	-	-
- Tạm ứng	467.350.393	-	398.327.248	-
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	241.183.561	-	305.983.565	-
- Phải thu khác	108.570.000	-	208.940.412	-
Cộng	5.017.103.954	-	913.251.225	-

7. Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	6.439.917.566	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	50.021.499.799	-	26.128.622.511	-
- Thành phẩm	10.117.586.166	-	5.446.811.899	-
- Hàng hóa	2.300.472.949	-	9.210.856.788	-
Cộng	68.879.476.480	-	40.786.291.198	-

Toàn bộ giá trị hàng tồn kho tại ngày 31/12/2024 được dùng để thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại được Công ty xác định là không suy giảm giá trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

8 . Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Số dư đầu năm				
- Mua trong năm	5.391.685.473	71.876.718.884	1.824.697.454	79.093.101.811
Số dư cuối năm	-	9.124.231.008	1.553.167.812	10.677.398.820
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm				
- Khấu hao trong năm	4.287.575.382	60.667.329.291	1.302.128.015	66.257.032.688
Số dư cuối năm	320.067.612	5.893.487.823	177.409.217	6.390.964.652
Giá trị còn lại	4.607.642.994	66.560.817.114	1.479.537.232	72.647.997.340
Tại ngày đầu năm				
Tại ngày cuối năm	1.104.110.091	11.209.389.593	522.569.439	12.836.069.123
- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:	784.042.479	14.440.132.778	1.898.328.034	17.122.503.291
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:				14.835.118.092 33.058.570.407

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	12.065.400.000	12.065.400.000
- Thanh lý, nhượng bán	(12.065.400.000)	(12.065.400.000)
Số dư cuối năm		
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	-	-
Số dư cuối năm		
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	12.065.400.000	12.065.400.000

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 1410/2024/NQ-HĐQT ngày 14/10/2024, thông qua việc chuyển nhượng tài sản là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 60, tờ bản đồ số: 7, có địa chỉ tại: Phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 544124, số vào sổ cấp giấy GCN: CS-NTL: 07432 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 21/07/2017. Ngày 29/06/2023, văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội xác nhận: Chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam theo hồ sơ số 000683.CN.005. Nghị quyết thông qua giá trị chuyển nhượng tài sản là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là tổng đơn giá chuyển nhượng không thấp hơn 206.000.000 đồng/m².

Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 3493 ngày 14/10/2024, Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam và bà Nguyễn Thị Huyền thống nhất giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên là 12,5 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Chi phí trả trước

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
a) Ngắn hạn		
- Thuê nhà xưởng	-	172.769.280
- Bảo hiểm cháy nổ	27.751.283	-
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	297.947.890	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	7.041.667	116.980.950
Cộng	<u>332.740.840</u>	<u>289.750.230</u>
b) Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.573.763.370	-
- Tiền thuê cơ sở hạ tầng (*)	7.670.964.224	-
- Chi phí mua bảo hiểm	-	47.985.466
- Chi phí trả trước dài hạn khác	8.115.249	21.370.561
Cộng	<u>9.252.842.843</u>	<u>69.356.027</u>

(*) Theo Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng số 175/HĐTLĐ/KCN-PNA ngày 20/12/2024, Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa sinh thái Việt Nam thuê lại quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng của Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Phát Hưng Yên với diện tích lô đất là 11.732 m² tại thửa đất số 874 tờ bản đồ số 10 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DN 154388 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên cấp ngày 04/06/2024. Thời hạn thuê lại đất tính từ ngày bàn giao lô đất đến ngày 15/01/2054. Mục đích sử dụng là xây dựng Nhà máy sản xuất bao bì nhựa. Đơn giá tiền thuê cơ sở hạ tầng là 3.253.900 đồng/m² tương đương 130 USD/m², tổng số tiền thuê đã bao gồm thuế GTGT là 42.148.925.218 đồng tương đương 1.677.676 USD. Thời hạn thanh toán làm 3 đợt: đợt 1: 8.555.140.994 VND, đợt 2: 20.996.115.140 VND, đợt 3: 12.597.669.084 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

11. Vay và nợ thuê tài chính Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN	54.734.671.428	54.734.671.428	172.750.069.290	160.596.917.012	42.581.519.150	42.581.519.150
Đông Hà Nội (1)	34.517.847.990	34.517.847.990	97.440.121.482	97.126.169.811	34.203.896.319	34.203.896.319
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thăng Long (2)	18.879.178.419	18.879.178.419	57.229.051.939	44.527.496.351	6.177.622.831	6.177.622.831
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Thăng Long (3)	300.202.116	300.202.116	300.202.116	-	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (4)	1.037.442.903	1.037.442.903	17.744.638.197	16.707.195.294	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	-	-	36.055.556	2.236.055.556	2.200.000.000	2.200.000.000
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thăng Long (5)	1.409.522.328	1.409.522.328	1.409.522.328	-	-	-
	1.409.522.328	1.409.522.328	1.409.522.328	-	-	-
Cộng	56.144.193.756	56.144.193.756	174.159.591.618	160.596.917.012	42.581.519.150	42.581.519.150
b) Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thăng Long (5)	4.822.002.701	4.822.002.701	6.936.286.193	2.114.283.492	-	-
Cộng	4.822.002.701	4.822.002.701	6.936.286.193	2.114.283.492	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

Dơn vị tính: Đồng Việt Nam

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Hợp đồng cho vay hạn mức số 328-04/2024/HĐCVHM/NHCT131-NST ký ngày 04/11/2024 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội với hạn mức là 40 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức là 1 năm, thời hạn vay của từng khoản giải ngân là 06 tháng với mức lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ cụ thể (lãi suất cho vay từ 5,5% đến 7%). Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh.

Khoản vay được thế chấp bằng các số dư tiền gửi của Công ty; tài sản cố định là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và hàng hóa của Công ty theo các hợp đồng thế chấp:

- Hợp đồng thế chấp động sản số 213-04/2022/HĐBĐ/NHCT131-NST ngày 12/09/2022;
- Hợp đồng thế chấp động sản số 214-04/2022/HĐBĐ/NHCT131-NST ngày 12/09/2022;
- Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 215/04/2022/HĐBĐ/NHCT131-NST ngày 14/09/2022.

- Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 304-04/2024/HĐBĐ/NHCT131-NST ký ngày 07/10/2024 với tài sản cầm cố là Số dư tiền gửi có kỳ hạn kênh Efast của Công ty với số tiền là 650 triệu đồng có thời hạn 3 tháng, lãi suất 1,6%/năm;

- Hợp đồng cầm cố hợp đồng tiền gửi số 319-04/2024/HĐBĐ/NHCT131-NST ký ngày 23/10/2024 với tài sản cầm cố là Số dư tiền gửi theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng số tiền 8 tỷ đồng với lãi suất 4,6%/năm;

- Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 283-04/2024/HĐBĐ/NHCT131-NST ký ngày 18/09/2024 với sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DM 478149; Số vào sổ cấp GCN: VP 00077 do Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội cấp ngày 05/05/2023, mang tên ông Nguyễn Đình Tuấn và bà Nguyễn Thị Thuý Dương.

(2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/17910577/HĐTD ngày 26/04/2024 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thăng Long với hạn mức vay là 25 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng, thời hạn vay của từng khoản giải ngân là từ 05 tháng, lãi suất vay được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, bảo lãnh, mở L/C.

Khoản vay được thế chấp bằng các tài sản cố định và hàng hóa của Công ty theo các hợp đồng thế chấp:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2023.17910577/HĐBĐ ngày 31/03/2023;
- Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ/các khoản phải thu số 02/2023/17910577/HĐBĐ ngày 31/03/2023;
- Hợp đồng thế chấp tài sản là 2 xe ô tô ký ngày 07/12/2024.

Ngoài ra, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cầm cố là toàn bộ quyền sử dụng đất sử dụng riêng và quyền sở hữu nhà ở của ông Nguyễn Văn Bình và bà Nguyễn Thị Lương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV479941 cấp ngày 08/09/2020 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản ngày 11/04/2023. Giá trị tài sản được định giá theo báo cáo thẩm định giá trị tài sản ngày 30/03/2023 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam là 10.881.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

- (3) Hợp đồng cấp tín dụng số 219033.24.058.3901046.TD ngày 24/09/2024 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long với hạn mức 50 tỷ đồng, thời hạn vay đến ngày 24/05/2025, lãi suất vay được xác định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Mục đích vay là phục vụ sản xuất kinh doanh.
- (4) Là khoản giao dịch ký quỹ chứng khoán với Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam), có lãi suất là 13%/năm.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (5) Hợp đồng tín dụng số 02/2024/17910577/HDTD ngày 12/07/2024 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thăng Long với hạn mức là 276.866,39 USD với thời hạn 60 tháng, lãi vay năm thứ nhất cố định 6,3%/năm, các năm tiếp theo bằng lãi suất cơ sở + biên độ 3,0%/năm, mục đích vay thanh toán tiền mua máy móc thiết bị.

Khoản vay được thế chấp bằng các tài sản cố định của Công ty theo các hợp đồng thế chấp:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2023.17910577/HDBĐ ngày 31/03/2023;
- Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2024/17910577/HDBĐTL ngày 15/07/2024;
- Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2024/17910577/HDBĐ ngày 05/11/2024.

Số dư khoản vay dài hạn tại thời điểm 31/12/2024 là 6.231.525.029 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Phải trả người bán

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
- Công ty Cổ phần Haplast Chi nhánh Công ty TNHH Công nghệ nhựa và Môi trường NK - Nhà máy nhựa công nghệ cao	3.123.701.000	3.123.701.000	-	-
- Công ty Cổ phần nhựa Á Đông	2.120.850.000	2.120.850.000	-	-
- Công ty TNHH Thương mại Vận tải Tiên Phong	1.331.522.500	1.331.522.500	94.850.000	94.850.000
- Công ty TNHH Sunrise Colours Việt Nam	1.073.693.755	1.073.693.755	520.742.470	520.742.470
- Công ty Cổ phần PMJ	10.600.000	10.600.000	1.238.222.998	1.238.222.998
- Công ty Cổ phần An Tiến Industries	160.650.000	160.650.000	936.525.000	936.525.000
- Các đối tượng khác	823.500.000	823.500.000	527.040.000	527.040.000
	10.442.553.018	10.442.553.018	4.061.795.801	4.061.795.801
Cộng	19.087.070.273	19.087.070.273	7.379.176.269	7.379.176.269

13. Người mua trả tiền trước

	31/12/2024	01/01/2024
Ngắn hạn		
- Công ty Cổ phần Trịnh Nghiên	1.520.260.000	-
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại nhựa Cát Tường	1.363.147.500	-
- As Pakendikeskus	612.667.358	-
- Lts Trading Services Limited	372.187.246	265.183.429
- Các đối tượng khác	2.005.488.619	525.722.685
Cộng	5.873.750.723	790.906.114

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	-	-	783.394.049	783.394.049	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	143.878	143.878	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.679.613.948	3.666.741.912	3.021.812.451	-	3.324.543.409
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	28.800.000	-	-	28.800.000
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.620.000	8.460.000	10.080.000	-	-
Cộng	-	2.681.233.948	4.487.539.839	3.815.430.378	-	3.353.343.409

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Chi phí phải trả

	31/12/2024	01/01/2024
Ngắn hạn		
- Chi phí lãi vay	54.857.014	39.581.955
- Các khoản phải trả khác	68.409.841	18.630.212
Cộng	123.266.855	58.212.167

16. Phải trả khác

	31/12/2024	01/01/2024
Ngắn hạn		
- Bảo hiểm xã hội	25.520.606	-
- Bảo hiểm y tế	38.002.897	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	17.319.674	-
- Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	259.200.000	288.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	108.374.730	1.564.875
Cộng	448.417.907	289.564.875

17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	(2.191.579.847)	-	197.808.420.153
Lãi trong năm trước	-	12.483.189.757	-	12.483.189.757
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	10.291.609.910	-	210.291.609.910
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	10.291.609.910	-	210.291.609.910
Lãi trong năm nay	-	14.107.426.515	(1.236.684)	14.106.189.831
Số dư cuối năm nay	200.000.000.000	24.399.036.425	(1.236.684)	224.397.799.741

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND	Tỷ lệ %
Ông Nguyễn Văn Bình	40.000.000.000	20,00	40.000.000.000	20,00
Ông Nguyễn Hữu Dương	30.000.000.000	15,00	22.500.000.000	11,25
Ông Nguyễn Đình Tuấn	3.000.000.000	1,50	20.000.000.000	10,00
Cổ đông khác	127.000.000.000	63,50	117.500.000.000	58,75
Cộng	200.000.000.000	100	200.000.000.000	100

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024	Năm 2023
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán và cam kết thuê hoạt động

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký hợp đồng mượn xưởng với diện tích 3500 m² tại xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên để sử dụng với mục đích làm kho lưu giữ và sản xuất hàng hóa từ ngày 22/05/2024. Đến ngày 31/12/2024, Công ty ký hợp đồng thuê nhà xưởng số 052025/HĐĐK-STVN thuê nhà xưởng với diện tích là 5.932,5 m² tại Khu Công nghiệp Tân Quang, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Thời hạn thuê là 3 năm từ ngày 01/01/2025 với số tiền thuê trả hàng tháng áp dụng cho 2 năm đầu là 543.989.000 VND, kỳ hạn thanh toán 3 tháng 1 lần.

b) Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	31/12/2024	01/01/2024
- Đô la Mỹ	USD	361.728,94	25.767,15
- Euro	EUR	288,04	278,01

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu bán hàng hóa	249.958.755.117	140.570.098.107
Doanh thu bán thành phẩm	200.234.675.199	134.772.398.791
Doanh thu gia công	488.698.336	-
Doanh thu bán phế liệu	3.602.500.000	1.205.000.000
Cộng	454.284.628.652	276.547.496.898

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2024	Năm 2023
Giảm giá hàng bán	231.635.601	-
Hàng bán bị trả lại	537.535	-
Cộng	232.173.136	-

3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024	Năm 2023
Giá vốn của hàng hóa đã bán	245.908.999.380	137.825.279.738
Giá vốn của thành phẩm đã bán	173.720.964.905	113.698.821.945
Giá vốn gia công	390.624.335	-
Giá vốn của phế liệu đã bán	4.142.987.786	1.172.764.410
Cộng	424.163.576.406	252.696.866.093

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.485.171.353	1.313.464.585
Lãi bán chứng khoán	2.684.703.289	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.483.741.329	2.531.296.468
Cộng	8.653.615.971	3.844.761.053

5. Chi phí tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
Lãi tiền vay	2.437.879.316	2.212.840.147
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.510.515.767	1.410.620.610
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	231.901.439	62.163.857
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	901.114.025	-
Lỗ bán chứng khoán	1.309.400.726	-
Chi phí tài chính khác	181.421.651	-
Cộng	7.572.232.924	3.685.624.614

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024	Năm 2023
a) Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân công	844.711.932	648.958.553
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	29.080.265
Thuế, phí, và lệ phí	-	5.640.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.807.731.517	4.108.435.420
Chi phí khác bằng tiền	71.061.008	-
Cộng	7.723.504.457	4.792.114.238
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	2.359.057.404	2.169.108.459
Chi phí khấu hao tài sản cố định	562.537.689	134.843.004
Thuế, phí, và lệ phí	5.925.994	5.719.938
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.428.325.227	1.150.890.578
Chi phí khác bằng tiền	1.908.146.422	425.184.152
Cộng	6.263.992.736	3.885.746.131

7. Thu nhập khác

	Năm 2024	Năm 2023
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	389.145.455	-
Tiền trực in, hàng mẫu	453.562.265	302.900.424
Thu nhập khác	312.884.862	427.279.893
Cộng	1.155.592.582	730.180.317

8. Chi phí khác

	Năm 2024	Năm 2023
Các khoản bị phạt	99.529.289	34.898.407
Chi phí khác	277.805.563	310.098.561
Cộng	377.334.852	344.996.968

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	177.820.129.235	98.976.657.340
Chi phí nhân công	12.015.091.160	7.264.542.813
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.390.964.652	7.323.576.120
Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	11.359.938
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.464.564.645	13.627.530.223
Chi phí khác bằng tiền	2.532.646.297	1.710.029.067
Cộng	218.228.395.989	128.913.695.501

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024	Năm 2023
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	17.772.931.743	15.719.307.157
Các khoản điều chỉnh tăng	572.686.868	463.496.778
- Chi phí không được trừ	377.334.852	344.996.968
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm	37.517.802	22.499.810
- Thù lao của thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành	96.000.000	96.000.000
- Loại trừ lỗ tại công ty con	61.834.214	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(11.909.049)	-
- Điều chỉnh hợp nhất	(11.909.049)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	18.333.709.562	16.182.803.935
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	3.666.741.912	3.236.560.787

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận thuần sau thuế	14.107.426.515	12.483.189.757
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	14.107.426.515	12.483.189.757
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	705	624

12. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận thuần sau thuế	14.107.426.515	12.483.189.757
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	14.107.426.515	12.483.189.757
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	20.000.000	20.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	705	624

VII. MỤC TIÊU VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Độ nhạy đối với lãi suất

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2024				
Vay và nợ	56.144.193.756	4.822.002.701	-	60.966.196.457
Phải trả người bán	19.087.070.273	-	-	19.087.070.273
Chi phí phải trả	123.266.855	-	-	123.266.855
Phải trả khác	189.217.907	-	-	189.217.907
Cộng	75.543.748.791	4.822.002.701	-	80.365.751.492
Tại ngày 01/01/2024				
Vay và nợ	42.581.519.150	-	-	42.581.519.150
Phải trả người bán	7.379.176.269	-	-	7.379.176.269
Chi phí phải trả	58.212.167	-	-	58.212.167
Phải trả khác	1.564.875	-	-	1.564.875
Cộng	50.020.472.461	-	-	50.020.472.461

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng một phần tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, hàng tồn kho, máy móc thiết bị, hàng hóa làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số V.11 - Vay và nợ thuê tài chính).

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý.

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh

khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính dài hạn và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2024 và 31/12/2023. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2024		01/01/2024		31/12/2024	01/01/2024
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Tiền và các khoản tương đương tiền	52.430.821.051	-	10.938.360.569	-	52.430.821.051	10.938.360.569
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	18.000.000.000	-	31.441.000.000	-	18.000.000.000	31.441.000.000
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	28.263.410.429	(901.114.025)	37.864.875.613	-	27.362.296.404	37.864.875.613
- Phải thu khách hàng	29.598.893.841	-	17.298.944.192	-	29.598.893.841	17.298.944.192
- Phải thu về cho vay	-	-	18.000.000.000	-	-	18.000.000.000
- Phải thu khác	4.549.753.561	-	514.923.977	-	4.549.753.561	514.923.977
TỔNG CỘNG	132.842.878.882	(901.114.025)	116.058.104.351	-	131.941.764.857	116.058.104.351
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	60.966.196.457	-	42.581.519.150	-	60.966.196.457	42.581.519.150
- Phải trả người bán	19.087.070.273	-	7.379.176.269	-	19.087.070.273	7.379.176.269
- Chi phí phải trả	123.266.855	-	58.212.167	-	123.266.855	58.212.167
- Phải trả khác	189.217.907	-	1.564.875	-	189.217.907	1.564.875
TỔNG CỘNG	80.365.751.492	-	50.020.472.461	-	80.365.751.492	50.020.472.461

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Quang	Công ty liên kết
Ông Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Thành An	Thành viên HĐQT
Ông Đào Quốc Hùng	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Dương	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày đầu kỳ, kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2024	Năm 2023
Mua hàng			
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Quang	Công ty liên kết	26.024.523.637	15.517.327.250

Giao dịch khác với các bên liên quan: chi tiết xem tại Thuyết minh số 11 "Vay và nợ thuê tài chính".

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2024	01/01/2024
Trả trước cho người bán			
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Quang	Công ty liên kết	5.954.831.500	9.473.807.500

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm:

	Chức vụ	Thu nhập	Năm 2024	Năm 2023
Ông Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên HĐQT	Thù lao	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Thành An	Thành viên HĐQT	Thù lao, lương thưởng	121.877.978	191.100.480
Ông Đào Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc - Thành viên HĐQT	Thù lao, lương thưởng	239.899.310	241.710.073
Ông Nguyễn Hữu Dương	Tổng Giám đốc - Thành viên HĐQT	Thù lao, lương thưởng	293.185.034	222.422.627
Bà Lê Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Lương thưởng	66.525.693	-
Bà Nguyễn Thu Hằng	Trưởng ban kiểm soát	Thù lao, lương thưởng	187.822.844	225.689.200
Bà Đỗ Thị Duyên	Thành viên BKS	Thù lao, lương thưởng	168.625.721	155.313.998
Bà Trần Ngọc Phương	Thành viên BKS	Thù lao, lương thưởng	170.779.419	167.482.905
Cộng			1.344.715.998	1.299.719.282

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ chứ không dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp. Do vậy, báo cáo chính yếu của Công ty là theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty báo cáo hoạt động theo các khu vực địa lý: trong nước (nội địa) và ngoài nước (xuất khẩu). Công ty phân tích doanh thu và giá vốn theo khu vực địa lý như sau:

Khu vực	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Nội địa	278.509.959.582	270.830.685.455	7.679.274.127
Xuất khẩu	175.542.495.934	153.332.890.951	22.209.604.983
Cộng	454.052.455.516	424.163.576.406	29.888.879.110

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty báo cáo hoạt động theo các khu vực địa lý: trong nước (nội địa) và ngoài nước (xuất khẩu). Công ty phân tích doanh thu và giá vốn theo khu vực địa lý như sau:

Khu vực	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Nội địa	157.389.403.401	149.014.218.825	8.375.184.576
Xuất khẩu	119.158.093.497	103.682.647.268	15.475.446.229
Cộng	276.547.496.898	252.696.866.093	23.850.630.805

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO.

5. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.


 Trần Thị Việt Hoa
 Người lập biểu

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2025


 Trần Thị Việt Hoa
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Hữu Dương
 Tổng Giám đốc



SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 31 tháng 10 năm 2025



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đình Tuấn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

Kỳ kế toán Quý III năm 2025



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Bảng cân đối kế toán riêng	04-05
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	06-07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10-33

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

Thôn Trung Dương, Xã Gia Lâm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán Quý III năm 2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0106798702 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 03 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 23 tháng 07 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Thôn Trung Dương, Xã Gia Lâm, TP Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hữu Dương	Thành viên	Từ nhiệm từ ngày 15/07/2025
Ông Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên	
Ông Đào Quốc Hùng	Thành viên	
Ông Nguyễn Tôn Việt	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 25/04/2025
Ông Nguyễn Thành An	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/04/2025

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đình Tuấn	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 15/07/2025
Ông Nguyễn Hữu Dương	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15/07/2025
Ông Đào Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Lê Thị Thuý	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thu Hằng	Trưởng ban
Bà Trần Ngọc Phương	Thành viên
Bà Đỗ Thị Duyên	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này như sau.

Ông Nguyễn Đình Tuấn	Từ ngày 23/07/2025
Ông Nguyễn Hữu Dương	Đến ngày 22/07/2025

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

Thôn Trung Dương, Xã Gia Lâm, TP Hà Nội, Việt Nam

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán Quý III năm 2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Đình Tuấn

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		220.943.370.439	214.544.354.371
110	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	9.629.949.280	11.000.885.108
111	1. Tiền		8.971.222.433	10.350.885.108
112	2. Các khoản tương đương tiền		658.726.847	650.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	32.908.296.154	45.362.296.404
121	1. Chứng khoán kinh doanh		16.712.401.254	28.263.410.429
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.242.644.826)	(901.114.025)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		17.438.539.726	18.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		93.199.625.197	87.493.988.139
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	35.679.903.276	29.598.893.841
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	56.499.230.756	52.922.406.782
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.020.491.165	4.972.687.516
140	IV. Hàng tồn kho	8	82.454.492.117	68.879.476.480
141	1. Hàng tồn kho		82.454.492.117	68.879.476.480
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.751.007.691	1.807.708.240
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	239.762.730	332.740.840
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.511.244.961	1.474.967.400
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		142.962.311.362	100.704.381.910
220	II. Tài sản cố định		11.577.915.028	17.122.503.291
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	11.577.915.028	17.122.503.291
222	- Nguyên giá		89.735.388.968	89.770.500.631
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(78.157.473.940)	(72.647.997.340)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	130.000.000.000	82.000.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		98.000.000.000	50.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		32.000.000.000	32.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.384.396.334	1.581.878.619
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	1.384.396.334	1.581.878.619
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>363.905.681.801</u>	<u>315.248.736.281</u>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/09/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		127.036.283.970	90.801.845.624
310	I. Nợ ngắn hạn		122.214.281.269	85.979.842.923
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	9.559.562.493	19.085.870.273
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	2.986.656.723	5.873.750.723
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	3.131.716.946	3.353.343.409
314	4. Phải trả người lao động		-	951.000.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	1.199.376.890	123.266.855
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	221.562.830	448.417.907
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	105.115.405.387	56.144.193.756
330	II. Nợ dài hạn		4.822.002.701	4.822.002.701
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	4.822.002.701	4.822.002.701
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		236.869.397.831	224.446.890.657
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	236.869.397.831	224.446.890.657
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		36.869.397.831	24.446.890.657
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		24.446.890.657	10.290.775.661
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		12.422.507.174	14.156.114.996
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		363.905.681.801	315.248.736.281

Trần Thị Việt Hoa
Người lập

Trần Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Tuấn
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Quý III năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	116.232.448.672	112.610.193.848	357.396.740.141	320.743.940.556
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	-	1.077.949	-	232.173.136
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		116.232.448.672	112.609.115.899	357.396.740.141	320.511.767.420
11	4. Giá vốn hàng bán	20	103.244.841.521	107.810.354.331	325.709.917.478	303.238.021.209
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		12.987.607.151	4.798.761.568	31.686.822.663	17.273.746.211
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.668.653.694	2.457.772.639	6.339.435.360	6.060.893.079
22	7. Chi phí tài chính	22	3.910.742.447	418.357.622	11.146.790.574	4.764.586.877
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.665.252.459	585.965.812	4.627.355.100	1.662.242.874
25	8. Chi phí bán hàng	23	2.587.702.099	1.652.779.195	8.098.697.378	5.162.486.822
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	1.538.440.154	1.193.617.696	3.932.398.803	3.191.769.527
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.619.376.145	3.991.779.694	14.848.371.268	10.215.696.064
31	11. Thu nhập khác	25	631.270.967	82.549.874	1.850.332.788	209.677.583
32	12. Chi phí khác	26	160.582.579	26.759.522	1.104.655.026	255.747.766
40	13. Lợi nhuận khác		470.688.388	55.790.352	745.677.762	(46.070.183)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Quý III năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
			VND	VND	VND	VND
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.090.064.533	4.047.570.046	15.594.049.030	10.169.625.881
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	1.450.129.423	748.674.081	3.171.541.856	2.033.925.176
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		5.639.935.110	3.298.895.965	12.422.507.174	8.135.700.705

Trần Thị Việt Hoa
Người lập

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2025

Trần Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Tuấn
TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Từ ngày 01/01/2025 đến 30/09/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay VND	Năm trước VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		15.594.049.030	10.169.625.881
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		5.801.144.539	4.463.109.906
03	- Các khoản dự phòng		341.530.801	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(66.039.033)	68.750.195
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(434.236.054)	-
06	- Chi phí lãi vay		4.627.355.100	1.662.242.874
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		25.863.804.383	16.363.728.856
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(6.799.430.577)	(46.361.921.595)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(13.575.015.637)	(10.055.363.549)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(13.389.333.167)	15.772.736.065
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		290.460.395	(1.838.942.586)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		11.551.009.175	8.884.767.980
14	- Tiền lãi vay đã trả		(3.794.140.617)	(1.701.824.829)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.466.741.912)	(2.679.613.947)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(3.319.387.957)	(21.616.433.605)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.393.026.519)	(8.161.882.406)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.270.000.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(6.438.539.726)	(35.630.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		7.000.000.000	57.941.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(48.000.000.000)	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		472.767.710	45.649.318
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(47.088.798.535)	14.194.766.912
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		234.406.221.373	145.644.456.380
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(185.435.009.742)	(139.083.527.661)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		48.971.211.631	6.560.928.719

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

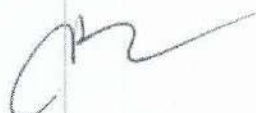
Từ ngày 01/01/2025 đến 30/09/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay VND	Năm trước VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(1.436.974.861)	(860.737.974)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		11.000.885.108	10.938.360.569
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		66.039.033	(68.750.195)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>9.629.949.280</u>	<u>10.008.872.400</u>



Trần Thị Việt Hoa
Người lập



Trần Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III năm 2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0106798702 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 03 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 23 tháng 07 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Thôn Trung Dương, Xã Gia Lâm, TP Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 200.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 09 năm 2025 là 200.000.000.000 đồng; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất các sản phẩm nhựa;
- Sản xuất plastic nguyên sinh;
- Kinh doanh hạt nhựa.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Địa điểm kinh doanh - Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam

Chi nhánh Nhà máy sản xuất - Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam

Địa chỉ

Xã Như Quỳnh,
Tỉnh Hưng Yên

Khu công nghiệp
Tân Quang, Xã
Như Quỳnh, Hưng
Yên

Hoạt động kinh doanh chính

Sản xuất và kinh doanh sản phẩm nhựa, hạt nhựa.

Sản xuất và kinh doanh sản phẩm nhựa, hạt nhựa.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	8 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 năm

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.11 . Vay và nợ phải trả

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

2.12 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.15 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính có liên quan.

2.16 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	448.623.235	438.459.640
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.522.599.198	9.912.425.468
Các khoản tương đương tiền	658.726.847	650.000.000
	9.629.949.280	11.000.885.108

Tại ngày 30/09/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội với lãi suất 1,6%/năm, đồng thời được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
Thôn Trung Dương, Xã Gia Lâm, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán Quý III năm 2025

4 - CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	17.438.539.726	-	18.000.000.000	-
	17.438.539.726	-	18.000.000.000	-

(*) Tại ngày 30/09/2025, tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,7%/năm đến 4,9%/năm và được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Đông Hà Nội và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long.

b) Chứng khoán kinh doanh

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Chứng khoán kinh doanh	16.712.401.254	(1.242.644.826)	28.263.410.429	(901.114.025)
	16.712.401.254	(1.242.644.826)	28.263.410.429	(901.114.025)

c) Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	98.000.000.000	-	50.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa sinh thái Việt Nam	98.000.000.000	-	50.000.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	32.000.000.000	-	32.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Nhựa Tân Quang	32.000.000.000	-	32.000.000.000	-
	130.000.000.000	-	82.000.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/09/2025 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa sinh thái Việt Nam	Xã Lạc Đạo, Tỉnh Hưng Yên	98,00%	98,00%	Sản xuất bao bì nhựa, kinh doanh hạt nhựa

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/09/2025 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Quang	Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên	45,71%	45,71%	Kinh doanh hạt nhựa

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
S.S LDA - Portugal	4.883.815.262	-	4.940.006.251	-
EP, SA - Spain	1.915.342.945	-	-	-
SD LTD - Belgium	6.714.976.207	-	2.347.940.942	-
E.I LTD - England	2.113.903.498	-	474.297.318	-
CEK - Estonia	62.946.185	-	2.105.127.646	-
EVP Sas	-	-	2.375.872.733	-
Công ty Cổ phần Thuận Đức	-	-	4.357.800.000	-
Công ty Cổ phần Leepak	-	-	1.405.000.000	-
Công ty TNHH SX và TM Nhựa Cát Tường	1.739.836.000	-	-	-
Công ty TNHH Nhựa Hoà Bình	1.577.800.000	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	16.671.283.179	-	11.592.848.951	-
	35.679.903.276	-	29.598.893.841	-

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP KD và TM Nam Cường	37.530.144.566	-	37.496.788.516	-
Công ty CP nhựa Tân Quang	7.353.221.500	-	5.954.831.500	-
Công ty Cổ phần XNK 5T	4.286.495.000	-	5.158.267.550	-
IVICT (Singapore) Pte. Ltd	3.612.243.198	-	-	-
Các đối tượng khác	3.717.126.492	-	4.312.519.216	-
	56.499.230.756	-	52.922.406.782	-

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	139.251.165	-	196.767.123	-
Tạm ứng	881.240.000	-	467.350.393	-
Thuế GTGT để nghị hoàn	-	-	4.200.000.000	-
Phải thu khác	-	-	108.570.000	-
	1.020.491.165	-	4.972.687.516	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	6.439.917.566	-
Nguyên liệu, vật liệu	70.767.403.807	-	50.021.499.799	-
Công cụ, dụng cụ	32.417.566	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	516.364.434	-	-	-
Thành phẩm	9.281.399.866	-	10.117.586.166	-
Hàng hoá	1.856.906.444	-	2.300.472.949	-
	82.454.492.117	-	68.879.476.480	-

Một phần giá trị hàng tồn kho tại ngày 30/09/2025 của công ty được dùng thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

Báo cáo tài chính riêng

Thôn Trung Dương, Xã Gia Lâm, TP Hà Nội, Việt Nam

Cho kỳ kế toán Quý III năm 2025

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	5.391.685.473	81.000.949.892	3.377.865.266	89.770.500.631
- Mua trong kỳ	-	38.518.519	1.354.508.000	1.393.026.519
- Thanh lý, nhượng bán	-	(129.600.000)	(1.298.538.182)	(1.428.138.182)
Số dư cuối kỳ	5.391.685.473	80.909.868.411	3.433.835.084	89.735.388.968
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	4.607.642.994	66.560.817.114	1.479.537.232	72.647.997.340
- Khấu hao trong kỳ	240.050.709	5.287.908.884	273.184.946	5.801.144.539
- Thanh lý, nhượng bán	-	(129.600.000)	(162.067.939)	(291.667.939)
Số dư cuối kỳ	4.847.693.703	71.719.125.998	1.590.654.239	78.157.473.940
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu kỳ	784.042.479	14.440.132.778	1.898.328.034	17.122.503.291
Tại ngày cuối kỳ	543.991.770	9.190.742.413	1.843.180.845	11.577.915.028

Trong đó:

- Tài sản cố định hữu hình là có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 75.622.288.549 đồng và 10.888.545.605 đồng đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 47.682.333.846 đồng.

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ	124.184.970	297.947.890
Chi phí bảo hiểm	47.245.929	27.751.283
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	68.331.831	7.041.667
	239.762.730	332.740.840
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ, vật tư phụ tùng thay thế	1.384.396.334	1.573.763.370
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	8.115.249
	1.384.396.334	1.581.878.619

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Chi nhánh Công ty TNHH Công nghệ nhựa và Môi trường NK - Nhà máy nhựa công nghệ cao Công ty Cổ phần Haplast Công ty CP Nhựa Á Đông Công ty TNHH TM Vận tải Tiên Phong Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Phú Lâm Phải trả nhà cung cấp khác	- 70.725.000 1.114.641.000 1.141.056.626 2.698.815.240 4.534.324.627 9.559.562.493	- 70.725.000 1.114.641.000 1.141.056.626 2.698.815.240 4.534.324.627 9.559.562.493	2.120.850.000 3.123.701.000 1.331.522.500 1.073.693.755 1.819.359.000 9.616.744.018 19.085.870.273	2.120.850.000 3.123.701.000 1.331.522.500 1.073.693.755 1.819.359.000 9.616.744.018 19.085.870.273

12 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>30/09/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Trịnh Nghiêu	-	1.520.260.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Nhựa Cát Tường	-	1.363.147.500
JYD, INC	345.157.200	-
SCL	516.112.522	168.568.524
LPP	203.060.736	4.903.275
Lts Trading Services Limited	-	372.187.246
As Pakendikeskus	-	612.667.358
Các đối tượng khác	1.922.326.265	1.832.016.820
	<u><u>2.986.656.723</u></u>	<u><u>5.873.750.723</u></u>

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	2.907.026	2.907.026	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	3.324.343.409	3.171.541.856	3.466.741.912	-	3.029.343.353
Thuế Thu nhập cá nhân	-	28.800.000	73.573.593	-	-	102.373.593
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
	-	3.353.343.409	3.253.022.475	3.474.648.938	-	3.131.716.946

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	888.071.497	54.857.014
- Chi phí điện	311.305.393	-
- Chi phí phải trả khác	-	68.409.841
	1.199.376.890	123.266.855

14 . PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Bảo hiểm xã hội	21.641.355	25.520.606
- Bảo hiểm y tế	38.201.197	38.002.897
- Bảo hiểm thất nghiệp	17.720.278	17.319.674
- Thù lao HĐQT và BKS	144.000.000	259.200.000
- Phải trả khác	-	108.374.730
	221.562.830	448.417.907

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
Thôn Trung Dương, Xã Gia Lâm, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán Quý III năm 2025

15 . VAY VÀ NỢ

	01/01/2025		Trong kỳ		30/09/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (1)	56.144.193.756	56.144.193.756	234.406.221.373	185.435.009.742	105.115.405.387	105.115.405.387
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (2)	34.517.847.990	34.517.847.990	57.570.397.608	52.178.603.142	39.909.642.456	39.909.642.456
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long (3)	18.879.178.419	18.879.178.419	35.224.023.388	40.264.277.554	13.838.924.253	13.838.924.253
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) - giao dịch ký quỹ	300.202.116	300.202.116	-	300.202.116	-	-
- Bà Ngô Thị Tuyết Minh	1.037.442.903	1.037.442.903	21.390.800.377	22.184.785.184	243.458.096	243.458.096
- Ông Lê Văn Hoan (4)	-	-	20.200.000.000	20.200.000.000	-	-
- Ông Nguyễn Tuấn Dũng (5)	-	-	52.401.000.000	26.400.000.000	26.001.000.000	26.001.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	47.620.000.000	22.850.000.000	24.770.000.000	24.770.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (6)	1.409.522.328	1.409.522.328	-	1.057.141.746	352.380.582	352.380.582
	56.144.193.756	56.144.193.756	234.406.221.373	185.435.009.742	105.115.405.387	105.115.405.387
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (6)	4.822.002.701	4.822.002.701	-	-	4.822.002.701	4.822.002.701
	4.822.002.701	4.822.002.701	-	-	4.822.002.701	4.822.002.701

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Hợp đồng cho vay hạn mức số 328-04/2024-HĐCVHM/NHCT131-NST ngày 04/11/2024 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với hạn mức vay là 40 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức là 1 năm, thời hạn vay của từng khoản giải ngân là 06 tháng, lãi suất vay được ghi trên từng giấy nhận nợ. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

Khoản vay được thế chấp bằng các tài sản cố định và hàng hóa của Công ty theo các hợp đồng thế chấp:

- Hợp đồng thế chấp động sản số 213-04/2022/HĐBĐ/NHCT131-NST ngày 12/09/2022;
- Hợp đồng thế chấp động sản số 214-04/2022/HĐBĐ/NHCT131-NST ngày 12/09/2022;
- Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 215/04/2022/HĐBĐ/NHCT131-NST ngày 14/09/2022;
- Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 304-04/2024/HĐBDD/NHCT131-NST ký ngày 07/10/2024 với tài sản cầm cố là Sổ dư tiền gửi có kỳ hạn kênh Efast của Công ty với số tiền là 650 triệu đồng có thời hạn 2 tháng, lãi suất 1,6%/năm.
- Hợp đồng cầm cố hợp đồng tiền gửi số 319-04/2024/HĐBĐ/NHCT131-NST ký ngày 23/10/2024 với tài sản cầm cố là Sổ dư tiền gửi theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng số tiền 8 tỷ đồng với lãi suất 4,6%/năm.
- Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 283-04/2024/HĐBĐ/NHCT131-NST ký ngày 18/09/2024 với sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DM 478149; Sổ vào sổ cấp GCN: VP 00077 do Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội cấp ngày 05/05/2023, mang tên ông Nguyễn Đình Tuấn và bà Nguyễn Thị Thủy Dương.
- Hợp đồng cầm cố hợp đồng tiền gửi số 137-04/2025-HĐTC/NHCT13130-NST ngày 17/09/2025 với tài sản thế chấp là Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 131/2025/30470 tại Vietinbank trị giá 2.200.000.000 đồng.
- Hợp đồng thế chấp tài sản số 132-04/2025/HĐBĐ/NHCT131-NST ngày 10/09/2025 với tài sản thế chấp là Xe ô tô Ford Everest biển kiểm soát 30L - 735.79.

Tại thời điểm 30/09/2025, Ông Nguyễn Đình Tuấn là Thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

(2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/17910577/HĐTD ngày 08/05/2025 giữa Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long với hạn mức 40.000.000.000 đồng. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C. Thời hạn: 12 tháng kể từ ngày 07/05/2025. Thời hạn cho vay/thời hạn bảo lãnh/thời hạn L/C, lãi suất, phí được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành.

Khoản vay được thế chấp bằng các tài sản theo các Hợp đồng thế chấp sau:

Khoản vay được thế chấp bằng các tài sản cố định và hàng hóa của Công ty theo các hợp đồng thế chấp:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2023.17910577/HĐBĐ ngày 31/03/2023;
- Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ/các khoản phải thu số 02/2023/17910577/HĐBĐ ngày 31/03/2023;
- Hợp đồng thế chấp bất động sản được lập ngày 11/04/2023 là Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 479941 cấp ngày 08/09/2020 thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Văn Bình và Bà Nguyễn Thị Lương. Thông tin tài sản như sau: Thửa đất số 279, tờ bản đồ số: 29, địa chỉ: Tổ dân phố Cáo Đình 3 - Phường Xuân Đình - Quận Bắc Từ Liêm - TP Hà Nội, diện tích: 83,7m², mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng: lâu dài.
- Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2024/17915077/HĐBĐ ngày 05/11/2024, giá trị 3 tỷ đồng.
- Hợp đồng thế chấp tài sản ký ngày 07/12/2024 là xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Triton biển kiểm soát 29H-653.81 theo chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29001565 do Công an Huyện Gia Lâm cấp.

Tại thời điểm 30/09/2025, Ông Nguyễn Văn Bình là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

(3) Hợp đồng cấp tín dụng số 219033.24.058.3901046.TD ngày 24/09/2024 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Quân đội với hạn mức 50 tỷ đồng, thời hạn vay đến ngày 24/05/2025, lãi suất vay được xác định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Mục đích vay là phục vụ sản xuất kinh doanh.

(4) Hợp đồng vay tiền số 04/2025/HĐVT/ECO-LVH ngày 02/06/2025 giữa Công ty Cổ phần Nhựa Sinh thái Việt Nam (Bên vay) và Ông Lê Văn Hoan (Bên cho vay) với hạn mức vay: 30.000.000.000 đồng. Lãi suất: 6,8%/năm, Thời hạn vay: 6 tháng. Mục đích vay: Bổ sung vốn động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

(5) Hợp đồng vay tiền số 02.2025/ECO-NTD ngày 09/06/2025 giữa Công ty Cổ phần Nhựa Sinh thái Việt Nam (Bên vay) và Ông Nguyễn Tuấn Dũng (Bên cho vay) với hạn mức vay: 27.000.000.000 đồng, Lãi suất: 7,2%/năm, Thời hạn vay: 6 tháng. Mục đích vay: Bổ sung vốn động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(6) Hợp đồng tín dụng số 02/2024/17910577/HĐTD ngày 12/07/2024 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thăng Long với hạn mức là 276.866,39 USD với thời hạn 60 tháng, lãi vay năm thứ nhất cố định 6,3%/năm, các năm tiếp theo bằng lãi suất cơ sở + biên độ 3,0%/năm, mục đích vay thanh toán tiền mua máy móc thiết bị.

Khoản vay được thế chấp bằng các tài sản cố định của Công ty theo các hợp đồng thế chấp:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2023.17910577/HĐBĐ ngày 31/03/2023;

- Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2024/17910577/HĐBĐTL ngày 15/07/2024.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Năm 2024			
Tại ngày 01/01/2024	200.000.000.000	10.290.775.661	210.290.775.661
Lãi/lỗ trong năm 2024	-	14.156.114.996	14.156.114.996
Tại ngày 31/12/2024	200.000.000.000	24.446.890.657	224.446.890.657
Từ ngày 01/01/2025 đến 30/09/2025			
Tại ngày 01/01/2025	200.000.000.000	24.446.890.657	224.446.890.657
Lãi/lỗ trong kỳ	-	12.422.507.174	12.422.507.174
Tại ngày 30/09/2025	200.000.000.000	36.869.397.831	236.869.397.831

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Ông Nguyễn Đình Tuấn	1,50%	3.000.000.000	1,50%	3.000.000.000
Ông Nguyễn Văn Bình	20,00%	40.000.000.000	20,00%	40.000.000.000
Ông Nguyễn Hữu Dương	0,00%	-	15,00%	30.000.000.000
Các cổ đông khác	78,50%	157.000.000.000	63,50%	127.000.000.000
	100%	200.000.000.000	100%	200.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ ngày 01/01/2025 đến 30/09/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến 30/09/2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/09/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Ngoại tệ các loại

	30/09/2025	01/01/2025
- Đồng đô la Mỹ (USD)	231.748,97	361.728,94
- Đồng Euro (EUR)	3.566,14	288,04

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý III năm 2025	Quý III năm 2024	Từ ngày 01/01/2025 đến 30/09/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến 30/09/2024
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	65.503.969.602	47.378.561.232	200.677.773.302	136.153.895.876
Doanh thu bán hàng hoá	50.728.479.070	64.531.632.616	154.758.966.839	183.298.846.344
Doanh thu bán phế	-	700.000.000	1.960.000.000	802.500.000
Doanh thu gia công	-	-	-	488.698.336
	<u>116.232.448.672</u>	<u>112.610.193.848</u>	<u>357.396.740.141</u>	<u>320.743.940.556</u>

19 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Quý III năm 2025	Quý III năm 2024	Từ ngày 01/01/2025 đến 30/09/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến 30/09/2024
	VND	VND	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	-	537.535	-	537.535
Giảm giá hàng bán	-	540.414	-	231.635.601
	<u>-</u>	<u>1.077.949</u>	<u>-</u>	<u>232.173.136</u>

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý III năm 2025	Quý III năm 2024	Từ ngày 01/01/2025 đến 30/09/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến 30/09/2024
	VND	VND	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	53.543.077.284	43.371.968.877	171.676.092.714	121.835.624.151
Giá vốn của hàng hóa đã bán	49.701.764.237	63.645.462.954	151.795.780.424	180.058.131.637
Giá vốn bán phế	-	792.922.500	2.238.044.340	953.641.086
Giá vốn gia công	-	-	-	390.624.335
	<u>103.244.841.521</u>	<u>107.810.354.331</u>	<u>325.709.917.478</u>	<u>303.238.021.209</u>

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý III năm 2025	Quý III năm 2024	Từ ngày 01/01/2025 đến 30/09/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến 30/09/2024
	VND	VND	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.209.671	349.758.385	415.251.752	1.041.802.059
Lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán	106.585.000	1.425.892.316	1.472.996.065	1.899.314.703
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.560.859.023	682.121.938	4.385.148.510	3.119.776.317
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	-	66.039.033	-
	<u>1.668.653.694</u>	<u>2.457.772.639</u>	<u>6.339.435.360</u>	<u>6.060.893.079</u>

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH (*)

	Quý III năm 2025	Quý III năm 2024	Từ ngày 01/01/2025 đến 30/09/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến 30/09/2024
	VND	VND	VND	VND
Lãi tiền vay	1.665.252.459	585.965.812	4.627.355.100	1.662.242.874
Lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán	2.061.561.276	323.024.660	5.233.237.860	1.284.069.320
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong	418.414.540	223.284.677	885.264.838	1.466.576.992
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	-	-	257.426.893
Hoàn nhập dự phòng chứng kinh doanh	(249.846.586)	(753.658.422)	-	-
Trích lập dự phòng chứng kinh doanh	-	-	341.530.801	-
Chi phí tài chính khác	15.360.758	39.740.895	59.401.975	94.370.798
	<u>3.910.742.447</u>	<u>418.357.622</u>	<u>11.146.790.574</u>	<u>4.764.686.877</u>

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Quý III năm 2025	Quý III năm 2024	Từ ngày 01/01/2025 đến 30/09/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến 30/09/2024
	VND	VND	VND	VND
Chi phí nhân viên	296.944.546	279.270.624	827.161.167	579.905.608
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.793.793.110	1.020.805.444	5.562.908.317	3.283.759.448
Chi phí khác bằng tiền	496.964.443	352.703.127	1.708.627.894	1.298.821.766
	<u>2.587.702.099</u>	<u>1.652.779.195</u>	<u>8.098.697.378</u>	<u>5.162.486.822</u>

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý III năm 2025	Quý III năm 2024	Từ ngày 01/01/2025 đến 30/09/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến 30/09/2024
	VND	VND	VND	VND
Chi phí nhân viên	407.686.995	385.135.260	1.247.890.276	1.337.409.187
Chi phí khấu hao tài sản cố định	94.031.729	121.480.281	254.205.959	203.325.885
Thuế, phí, lệ phí	-	-	5.000.000	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	542.749.856	423.821.905	1.296.251.976	818.743.271
Chi phí khác bằng tiền	493.971.574	263.180.250	1.129.050.592	827.291.184
	<u>1.538.440.154</u>	<u>1.193.617.696</u>	<u>3.932.398.803</u>	<u>3.191.769.527</u>

25 . THU NHẬP KHÁC

	Quý III năm 2025	Quý III năm 2024	Từ ngày 01/01/2025 đến 30/09/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến 30/09/2024
	VND	VND	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	8.984.302	-	18.984.302	-
Tiền trực in, hàng mẫu	208.810.860	-	824.539.430	-
Xử lý công nợ	151.850.605	82.549.874	182.441.611	209.677.583
Thu nhập khác	261.625.200	-	824.367.445	-
	<u>631.270.967</u>	<u>82.549.874</u>	<u>1.850.332.788</u>	<u>209.677.583</u>

26 . CHI PHÍ KHÁC

	Quý III năm 2025	Quý III năm 2024	Từ ngày 01/01/2025 đến 30/09/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến 30/09/2024
	VND	VND	VND	VND
Xử lý hàng tồn kho	-	-	829.224.014	-
Xử lý công nợ	176.988	436.276	102.971.853	228.728.497
Các khoản bị phạt, truy thu, chậm nộp thuế, BHXH	110.065.291	26.323.246	110.168.041	27.019.269
Chi phí khác	50.340.300	-	62.291.118	-
	<u>160.582.579</u>	<u>26.759.522</u>	<u>1.104.655.026</u>	<u>255.747.766</u>

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2025 đến 30/09/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến 30/09/2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.594.049.030	10.169.625.881
Các khoản điều chỉnh tăng	342.453.625	-
- Chi phí không hợp lệ	275.431.012	-
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	12.422.613	-
- Thù lao Thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành	54.600.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(78.793.376)	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(16.992.500)	-
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ	(61.800.876)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	15.857.709.279	10.169.625.881
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	3.171.541.856	2.033.925.176

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu trên báo cáo tài chính hợp nhất, do đó Công ty không trình bày chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính tổng hợp này.

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YÊU TỐ

	Từ ngày 01/01/2025 đến 30/09/2025 VND	Từ ngày 01/01/2024 đến 30/09/2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	147.103.079.825	102.455.626.406
Chi phí nhân công	6.841.691.013	6.945.718.363
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.801.144.539	4.463.109.906
Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.859.160.293	11.058.872.624
Chi phí khác bằng tiền	2.842.678.486	3.145.912.521
	169.452.754.156	128.069.239.820

30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

31 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ chứ không dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp. Do vậy, báo cáo chính yếu của Công ty là theo khu vực địa lý.

	Nội địa	Xuất khẩu	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	159.616.179.141	197.780.561.000	357.396.740.141
Giá vốn	156.542.165.809	169.167.751.669	325.709.917.478
Lợi nhuận gộp	3.074.013.332	28.612.809.331	31.686.822.663
Doanh thu hoạt động tài chính			6.339.435.360
Chi phí tài chính			11.146.790.574
Chi phí bán hàng			8.098.697.378
Chi phí quản lý doanh nghiệp			3.932.398.803
Thu nhập khác			1.850.332.788
Chi phí khác			1.104.655.026
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế			15.594.049.030

32 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Quang	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa sinh thái Việt Nam	Công ty con
Các thành viên Hội đồng quản trị	
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc	
Thành viên Ban kiểm soát	

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày đầu kỳ, kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

Tên đối tượng	Từ ngày 01/01/2025 đến 30/09/2025 VND	Từ ngày 01/01/2024 đến 30/09/2024 VND
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Quang	12.760.260.000	27.223.651.000
Mua hàng hoá, dịch vụ	12.760.260.000	27.223.651.000

Tại ngày 30/09/2025, tài sản cá nhân của Ông Nguyễn Văn Bình - Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ông Nguyễn Đình Tuấn - Thành viên HĐQT được dùng làm tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay tại các Ngân hàng, chi tiết tại thuyết minh số 15.

Số dư tại ngày đầu kỳ và kết thúc kỳ kế toán:

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Quang	7.353.221.500	5.954.831.500
Trả trước tiền hàng	7.353.221.500	5.954.831.500

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Từ ngày 01/01/2025 đến 30/09/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến 30/09/2024
	VND	VND
Thu nhập và thù lao của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Văn Bình	30.000.000	45.000.000
Ông Nguyễn Hữu Dương	183.196.761	180.283.111
Ông Nguyễn Đình Tuấn	68.000.000	27.000.000
Ông Đào Quốc Hùng	166.188.735	144.152.495
Ông Nguyễn Thành An	133.062.556	45.690.865
Ông Nguyễn Tôn Việt	6.600.000	-
Bà Lê Thị Thủy	152.383.028	145.637.354
Thu nhập và thù lao của Ban kiểm soát		
Bà Nguyễn Thu Hằng	137.569.700	105.667.004
Bà Đỗ Thị Duyên	131.190.773	102.088.866
Bà Trần Ngọc Phương	116.808.209	103.090.137
	1.124.999.762	898.609.832

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu trên Bảng cân đối kế toán riêng và các thuyết minh tương ứng là số liệu Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng của Quý 3/2024 và lũy kế từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024 là số liệu do công ty lập.


Trần Thị Việt Hoa
Người lập


Trần Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2025

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 31 tháng 10 năm 2025



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đình Tuấn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
Cho kỳ kế toán Quý III năm 2025



11-11-2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

Thôn Trung Dương, Xã Gia Lâm, TP Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo tài chính hợp nhất	04-39
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	04-05
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	06-07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10-39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán Quý III năm 2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0106798702 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 03 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 23 tháng 07 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Thôn Trung Dương, Xã Gia Lâm, TP Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hữu Dương	Thành viên	Từ nhiệm từ ngày 15/07/2025
Ông Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên	
Ông Đào Quốc Hùng	Thành viên	
Ông Nguyễn Tôn Việt	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 25/04/2025
Ông Nguyễn Thành An	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/04/2025

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đình Tuấn	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 15/07/2025
Ông Nguyễn Hữu Dương	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15/07/2025
Ông Đào Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Lê Thị Thuỷ	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thu Hằng	Trưởng ban
Bà Trần Ngọc Phương	Thành viên
Bà Đỗ Thị Duyên	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này như sau.

Ông Nguyễn Đình Tuấn	Từ ngày 23/07/2025
Ông Nguyễn Hữu Dương	Đến ngày 22/07/2025

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

Thôn Trung Dương, Xã Gia Lâm, TP Hà Nội, Việt Nam

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/09/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán Quý III năm 2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Đình Tuấn

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		314.978.301.803	256.812.755.933
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	11.746.517.957	52.430.821.051
111	1. Tiền		11.087.791.110	11.780.821.051
112	2. Các khoản tương đương tiền		658.726.847	40.650.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	32.908.296.154	45.362.296.404
121	1. Chứng khoán kinh doanh		16.712.401.254	28.263.410.429
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.242.644.826)	(901.114.025)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		17.438.539.726	18.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		180.278.523.733	87.554.604.577
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	35.679.903.276	29.598.893.841
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	71.507.829.292	52.938.606.782
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	73.090.791.165	5.017.103.954
140	IV. Hàng tồn kho	8	82.454.492.117	68.879.476.480
141	1. Hàng tồn kho		82.454.492.117	68.879.476.480
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.590.471.842	2.585.557.421
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	389.914.881	332.740.840
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		7.200.556.961	2.252.816.581
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		92.501.585.272	58.388.089.432
220	II. Tài sản cố định		11.577.915.028	17.122.503.291
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	11.577.915.028	17.122.503.291
222	- Nguyên giá		89.735.388.968	89.770.500.631
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(78.157.473.940)	(72.647.997.340)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	9.576.123.956	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		9.576.123.956	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	32.121.548.629	32.012.743.298
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		32.121.548.629	32.012.743.298
260	VI. Tài sản dài hạn khác		39.225.997.659	9.252.842.843
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	39.225.997.659	9.252.842.843
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		407.479.887.075	315.200.845.365

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/09/2025 VND	01/01/2025 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		170.563.426.898	90.803.045.624
310	I. Nợ ngắn hạn		122.642.590.108	85.981.042.923
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	9.982.382.493	19.087.070.273
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	2.986.656.723	5.873.750.723
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	3.131.716.946	3.353.343.409
314	4. Phải trả người lao động		-	951.000.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	1.204.865.729	123.266.855
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	221.562.830	448.417.907
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	105.115.405.387	56.144.193.756
330	II. Nợ dài hạn		47.920.836.790	4.822.002.701
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	47.920.836.790	4.822.002.701
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		236.916.460.177	224.397.799.741
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	236.916.460.177	224.397.799.741
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		34.957.949.902	24.399.036.425
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		24.399.036.425	10.291.609.910
421b	LNST chưa phân phối năm nay		10.558.913.477	14.107.426.515
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		1.958.510.275	(1.236.684)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		407.479.887.075	315.200.845.365

Trần Thị Việt Hoa
Người lập

Trần Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý III năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	116.232.448.672	112.610.193.848	357.396.740.141	320.743.940.556
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	-	1.077.949	-	232.173.136
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		116.232.448.672	112.609.115.899	357.396.740.141	320.511.767.420
11	4. Giá vốn hàng bán	22	103.244.841.521	107.810.354.331	325.709.917.478	303.238.021.209
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		12.987.607.151	4.798.761.568	31.686.822.663	17.273.746.211
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	2.124.153.685	2.457.772.639	7.016.069.003	6.060.893.079
22	7. Chi phí tài chính	24	4.395.264.851	418.357.622	12.513.244.778	4.764.686.877
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-	108.805.331	-
25	9. Chi phí bán hàng	25	2.587.702.099	1.652.779.195	8.098.697.378	5.162.486.822
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	2.005.801.840	1.193.617.696	5.242.580.311	3.191.769.527
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.122.992.046	3.991.779.694	12.957.174.530	10.215.696.064
31	12. Thu nhập khác	27	631.270.967	82.549.874	1.850.332.788	209.677.583
32	13. Chi phí khác	28	173.232.579	26.759.522	1.117.305.026	255.747.766
40	14. Lợi nhuận khác		458.038.388	55.790.352	733.027.762	(46.070.183)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý III năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.581.030.434	4.047.570.046	13.690.202.292	10.169.625.881
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	1.450.129.423	748.674.081	3.171.541.856	2.033.925.176
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-	-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		5.130.901.011	3.298.895.965	10.518.660.436	8.135.700.705
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		5.141.081.693	3.298.895.965	10.558.913.477	8.135.700.705
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		(10.180.682)	-	(40.253.041)	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	257	165	528	407

Trần Thị Việt Hoa

Người lập

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2025

Trần Thị Việt Hoa

Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Tuấn

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

XÃ GIA LÂM

MSĐ.N: 0106796702-01

CP

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		13.690.202.292	10.169.625.881
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		5.801.144.539	4.463.109.906
03	- Các khoản dự phòng		341.530.801	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(66.039.033)	68.750.195
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.219.675.028)	-
06	- Chi phí lãi vay		5.993.809.304	1.662.242.874
07	- Các khoản điều chỉnh khác		2.000.000.000	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		26.540.972.875	16.363.728.856
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(97.773.591.932)	(46.361.921.595)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(13.575.015.637)	(10.055.363.549)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(12.962.224.328)	15.772.736.065
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(30.030.328.857)	(1.838.942.586)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		11.551.009.175	8.884.767.980
14	- Tiền lãi vay đã trả		(5.160.594.821)	(1.701.824.829)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.466.741.912)	(2.679.613.947)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(124.876.515.437)	(21.616.433.605)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(10.969.150.475)	(8.161.882.406)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.270.000.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(6.438.539.726)	(35.630.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		7.000.000.000	57.941.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.193.817.791	45.649.318
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(7.943.872.410)	14.194.766.912
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		277.505.055.462	145.644.456.380
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(185.435.009.742)	(139.083.527.661)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		92.070.045.720	6.560.928.719

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay VND	Năm trước VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(40.750.342.127)	(860.737.974)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		52.430.821.051	10.938.360.569
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		66.039.033	(68.750.195)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	11.746.517.957	10.008.872.400



Trần Thị Việt Hoa
Người lập

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2025



Trần Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Tuấn
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý III năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0106798702 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 03 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 23 tháng 07 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Thôn Trung Dương, Xã Gia Lâm, TP Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 200.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 09 năm 2025 là 200.000.000.000 đồng; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất các sản phẩm nhựa;
- Sản xuất plastic nguyên sinh;
- Kinh doanh hạt nhựa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Trong vòng 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Địa điểm kinh doanh - Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam

Chi nhánh Nhà máy sản xuất - Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam

Địa chỉ

Xã Như Quỳnh,
Tỉnh Hưng Yên

Khu công nghiệp
Tân Quang, Xã
Như Quỳnh, Tỉnh
Hưng Yên

Hoạt động kinh doanh chính

Sản xuất và kinh doanh sản phẩm bao bì nhựa, hạt nhựa.

Sản xuất và kinh doanh sản phẩm bao bì nhựa, hạt nhựa.

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con trực tiếp được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/09/2025 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa sinh thái Việt Nam	Xã Lạc Đạo, Tỉnh Hưng Yên	98,00%	98,00%	Sản xuất bao bì nhựa, kinh doanh hạt nhựa

- Danh sách các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Quang	Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên	45,71%	45,71%	Kinh doanh hạt nhựa

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Các phương pháp kế toán khác khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 08 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 08 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 08 năm |

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.12 . Vay và nợ phải trả

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

2.16 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

2.17 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;

- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.21 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	2.543.287.580	1.837.409.640
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.544.503.530	9.943.411.411
Các khoản tương đương tiền	658.726.847	40.650.000.000
	<u>11.746.517.957</u>	<u>52.430.821.051</u>

Tại ngày 30/09/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội với lãi suất 1,6%/năm, đồng thời được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng này.

4 - CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	17.438.539.726	-	18.000.000.000	-
	<u>17.438.539.726</u>	<u>-</u>	<u>18.000.000.000</u>	<u>-</u>

(*) Tại ngày 30/09/2025, tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,7%/năm đến 4,9%/năm và được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Đông Hà Nội và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long.

b) Chứng khoán kinh doanh

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
- Chứng khoán kinh doanh	16.712.401.254	28.368.680.000	28.263.410.429	28.722.440.000
	<u>16.712.401.254</u>	<u>28.368.680.000</u>	<u>28.263.410.429</u>	<u>28.722.440.000</u>

c) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên doanh, liên kết

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá trị Ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Dự phòng VND	Giá trị Ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Nhựa Tân Quang	32.121.548.629	-	32.012.743.298	-
	<u>32.121.548.629</u>	<u>-</u>	<u>32.012.743.298</u>	<u>-</u>

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
CEK - Estonia	62.946.185	-	2.105.127.646	-
Công ty Cổ phần Leepak	-	-	1.405.000.000	-
SD LTD - Belgium	6.714.976.207	-	2.347.940.942	-
S.S LDA - Portugal	4.883.815.262	-	4.940.006.251	-
Công ty Cổ phần Thuận Đức	-	-	4.357.800.000	-
E.I LTD - England	2.113.903.498	-	474.297.318	-
EVP Sas	-	-	2.375.872.733	-
EP, SA - Spain	1.915.342.945	-	-	-
Công ty TNHH SX và TM Nhựa Cát Tường	1.739.836.000	-	-	-
Công ty TNHH Nhựa Hoà Bình	1.577.800.000	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	16.671.283.179	-	11.592.848.951	-
	35.679.903.276	-	29.598.893.841	-

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty CP KD và TM Nam Cường	37.530.144.566	-	37.496.788.516	-
Công ty CP nhựa Tân Quang	7.353.221.500	-	5.954.831.500	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu 5T	4.286.495.000	-	5.158.267.550	-
Công ty Cổ phần Indcon (*)	13.420.448.536	-	-	-
IVICT (Singapore) Pte. Ltd	3.612.243.198	-	-	-
Đối tượng khác	5.305.276.492	-	4.328.719.216	-
	71.507.829.292	-	52.938.606.782	-
Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan	7.353.221.500	-	5.954.831.500	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

(*) Khoản trả trước theo Hợp đồng thi công xây dựng số 01/2025/HĐXD/ECO-IDC ngày 23/06/2025 giữa Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Sinh thái Việt Nam và Công ty Cổ phần Indcon về việc Thi công xây dựng Nhà máy sản xuất bao bì tại KCN Phố Nối A mở rộng diện tích 92,5ha, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên (nay là Xã Lạc Đạo, Tỉnh Hưng Yên).

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	139.251.165	-	241.183.561	-
Tạm ứng	881.240.000	-	467.350.393	-
Phải thu khác	72.070.300.000	-	-	-
Thuế GTGT đề nghị hoàn	-	-	4.200.000.000	-
Phải thu khác	-	-	108.570.000	-
	73.090.791.165	-	5.017.103.954	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	6.439.917.566	-
Nguyên liệu, vật liệu	70.767.403.807	-	50.021.499.799	-
Công cụ, dụng cụ	32.417.566	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	516.364.434	-	-	-
Thành phẩm	9.281.399.866	-	10.117.586.166	-
Hàng hoá	1.856.906.444	-	2.300.472.949	-
	82.454.492.117	-	68.879.476.480	-

Một phần giá trị hàng tồn kho tại ngày 30/09/2025 của công ty được dùng thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long.

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Dự án Nhà máy sản xuất bao bì nhựa (*)	9.576.123.956	-
	9.576.123.956	-

(*) Dự án Nhà máy sản xuất bao bì nhựa tại Lô CN1, Đường G6, KCN Phố Nối A mở rộng diện tích 92,5ha, Xã Minh Hải, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên (nay là Xã Lạc Đạo, Tỉnh Hưng Yên). Chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Sinh thái Việt Nam, quy mô diện tích 11.732m2.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
Thôn Trung Dương, Xã Gia Lâm, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý III năm 2025

10 - TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Cộng	
	VND		VND		VND		VND	
Nguyên giá								
Số dư đầu kỳ	5.391.685.473		81.000.949.892		3.377.865.266		89.770.500.631	
- Mua trong kỳ	-		38.518.519		1.354.508.000		1.393.026.519	
- Thanh lý, nhượng bán	-		(129.600.000)		(1.298.538.182)		(1.428.138.182)	
Số dư cuối kỳ	5.391.685.473		80.909.868.411		3.433.835.084		89.735.388.968	
Giá trị hao mòn lũy kế								
Số dư đầu kỳ	4.607.642.994		66.560.817.114		1.479.537.232		72.647.997.340	
- Khấu hao trong kỳ	240.050.709		5.287.908.884		273.184.946		5.801.144.539	
- Thanh lý, nhượng bán	-		(129.600.000)		(162.067.939)		(291.667.939)	
Số dư cuối kỳ	4.847.693.703		71.719.125.998		1.590.654.239		78.157.473.940	
Giá trị còn lại								
Tại ngày đầu kỳ	784.042.479		14.440.132.778		1.898.328.034		17.122.503.291	
Tại ngày cuối kỳ	543.991.770		9.190.742.413		1.843.180.845		11.577.915.028	

Trong đó:

- Tài sản cố định hữu hình là có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 75.622.288.549 đồng và 10.888.545.605 đồng đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 47.682.333.846 đồng.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ	124.184.970	297.947.890
Chi phí bảo hiểm	147.149.666	27.751.283
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	118.580.245	7.041.667
	389.914.881	332.740.840
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ, vật tư phụ tùng thay thế	1.384.396.334	1.573.763.370
Tiền thuê cơ sở hạ tầng (*)	37.841.601.325	7.670.964.224
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	8.115.249
	39.225.997.659	9.252.842.843

(*) Giá trị quyền thuê đất theo Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng số 175/HĐTLĐ/KCN-PNA ngày 20/12/2024 của Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa sinh thái Việt Nam thuê lại quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng của Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Phát Hưng Yên với diện tích lô đất là 11.732 m² tại thửa đất số 874 tờ bản đồ số 10 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DN 154388 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên cấp ngày 04/06/2024. Thời hạn thuê lại đất tính từ ngày bàn giao lô đất đến ngày 15/01/2054. Mục đích sử dụng là xây dựng Nhà máy sản xuất bao bì nhựa.

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Chi nhánh Công ty TNHH Công nghệ nhựa và Môi trường NK - Nhà máy nhựa công nghệ cao Công ty Cổ phần Haplast	-	-	2.120.850.000	2.120.850.000
Công ty Cổ phần Nhựa Á Đông	70.725.000	70.725.000	3.123.701.000	3.123.701.000
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Tiên Phong	1.114.641.000	1.114.641.000	1.331.522.500	1.331.522.500
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Phú Lâm	1.141.056.626	1.141.056.626	1.073.693.755	1.073.693.755
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Phú Lâm	2.698.815.240	2.698.815.240	1.819.359.000	1.819.359.000
Đối tượng khác	4.957.144.627	4.957.144.627	9.617.944.018	9.617.944.018
	9.982.382.493	9.982.382.493	19.087.070.273	19.087.070.273

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>30/09/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Trịnh Nghiê	-	1.520.260.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Nhựa Cát Tường	-	1.363.147.500
Lts Trading Services Limited	-	372.187.246
JYD, INC	345.157.200	-
SCL	516.112.522	-
LPP	203.060.736	-
As Pakendikeskus	-	612.667.358
Các đối tượng khác	1.922.326.265	2.005.488.619
	<u><u>2.986.656.723</u></u>	<u><u>5.873.750.723</u></u>

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		-		2.907.026		2.907.026		-		-	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		3.324.543.409		3.171.541.856		3.466.741.912		-		3.029.343.353	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		28.800.000		73.573.593		-		-		102.373.593	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		-		8.000.000		8.000.000		-		-	
	-		3.353.343.409		3.256.022.475		3.477.648.938		-		3.131.716.946	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	888.071.497	54.857.014
- Chi phí điện	316.794.232	-
- Chi phí phải trả khác	-	68.409.841
	1.204.865.729	123.266.855

16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Bảo hiểm xã hội	21.641.355	25.520.606
- Bảo hiểm y tế	38.201.197	38.002.897
- Bảo hiểm thất nghiệp	17.720.278	17.319.674
- Thù lao HĐQT và BKS	144.000.000	259.200.000
- Phải trả khác	-	108.374.730
	221.562.830	448.417.907

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
Thôn Trung Dương, Xã Gia Lâm, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý III năm 2025

17 - VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2025		Trong kỳ		30/09/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (1)	56.144.193.756 34.517.847.990	56.144.193.756 34.517.847.990	234.406.221.373 57.570.397.608	185.435.009.742 52.178.603.142	105.115.405.387 39.909.642.456	105.115.405.387 39.909.642.456
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (2)	18.879.178.419	18.879.178.419	35.224.023.388	40.264.277.554	13.838.924.253	13.838.924.253
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long (3)	300.202.116	300.202.116	-	300.202.116	-	-
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) - giao dịch ký quỹ	1.037.442.903	1.037.442.903	21.390.800.377	22.184.785.184	243.458.096	243.458.096
- Bà Ngô Thị Tuyết Minh	-	-	20.200.000.000	20.200.000.000	-	-
- Ông Lê Văn Hoan (4)	-	-	52.401.000.000	26.400.000.000	26.001.000.000	26.001.000.000
- Ông Nguyễn Tuấn Dũng (5)	-	-	47.620.000.000	22.850.000.000	24.770.000.000	24.770.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (6)	1.409.522.328	1.409.522.328	-	1.057.141.746	352.380.582	352.380.582
	56.144.193.756	56.144.193.756	234.406.221.373	185.435.009.742	105.115.405.387	105.115.405.387
b) Vay dài hạn và nợ thuế tài chính						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (6)	4.822.002.701	4.822.002.701	-	-	4.822.002.701	4.822.002.701
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thăng Long (7)	-	-	43.098.834.089	-	43.098.834.089	43.098.834.089
	4.822.002.701	4.822.002.701	43.098.834.089	-	47.920.836.790	47.920.836.790

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn và dài hạn:

(1) Hợp đồng cho vay hạn mức số 328-04/2024-HĐCVHM/NHCT131-NST ngày 04/11/2024 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với hạn mức vay là 40 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức là 1 năm, thời hạn vay của từng khoản giải ngân là 06 tháng, lãi suất vay được ghi trên từng giấy nhận nợ. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

Khoản vay được thế chấp bằng các tài sản cố định và hàng hóa của Công ty theo các hợp đồng thế chấp:

- Hợp đồng thế chấp động sản số 213-04/2022/HĐBĐ/NHCT131-NST ngày 12/09/2022: thế chấp máy móc thiết bị;

- Hợp đồng thế chấp động sản số 214-04/2022/HĐBĐ/NHCT131-NST ngày 12/09/2022: thế chấp phương tiện vận tải;

- Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 215/04/2022/HĐBĐ/NHCT131-NST ngày 14/09/2022;

- Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 304-04/2024/HĐBDD/NHCT131-NST ký ngày 07/10/2024 với tài sản cầm cố là Sổ dư tiền gửi có kỳ hạn kênh Efast của Công ty với số tiền là 650 triệu đồng có thời hạn 3 tháng, lãi suất 1,6%/ năm.

- Hợp đồng cầm cố hợp đồng tiền gửi số 319-04/2024/HĐBĐ/NHCT131- NST ký ngày 23/10/2024 với tài sản cầm cố là Sổ dư tiền gửi theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng số tiền 8 tỷ đồng với lãi suất

- Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 283-04/2024/HĐBĐ/NHCT131-NST ký ngày 18/09/2024 với sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DM 478149; Sổ vào sổ cấp GCN: VP 00077 do Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội cấp ngày 05/05/2023, mang tên ông Nguyễn Đình Tuấn và bà Nguyễn Thị Thuý Dương.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 132-04/2025/HĐBĐ/NHCT131-NST ngày 10/09/2025 với tài sản thế chấp là Xe ô tô Ford Everest biển kiểm soát 30L - 735.79.

- Hợp đồng cầm cố hợp đồng tiền gửi số 137-04/2025-HĐTC/NHCT13130-NST ngày 17/09/2025 với tài sản thế chấp là Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 131/2025/30470 tại Vietinbank trị giá 2.200.000.000 đồng.

Tại thời điểm 30/09/2025, Ông Nguyễn Đình Tuấn là Thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

(2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/17910577/HĐTD ngày 08/05/2025 giữa Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long với hạn mức 40.000.000.000 đồng. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C. Thời hạn: 12 tháng kể từ ngày 07/05/2025. Thời hạn cho vay/thời hạn bảo lãnh/thời hạn L/C, lãi suất, phí được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành.

Khoản vay được thế chấp bằng các tài sản theo các Hợp đồng thế chấp sau:

Khoản vay được thế chấp bằng các tài sản cố định và hàng hóa của Công ty theo các hợp đồng thế chấp:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2023.17910577/HĐBĐ ngày 31/03/2023;

- Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ/các khoản phải thu số 02/2023/17910577/HĐBĐ ngày 31/03/2023;

- Hợp đồng thế chấp bất động sản được lập ngày 11/04/2023 là Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 479941 cấp ngày 08/09/2020 thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Văn Bình và Bà Nguyễn Thị Lương. Thông tin tài sản như sau: Thửa đất số 279, tờ bản đồ số: 29, địa chỉ: Tổ dân phố Cáo Đình 3 - Phường Xuân Đình - Quận Bắc Từ Liêm - TP Hà Nội, diện tích: 83,7m2, mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng: lâu dài.

- Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2024/17915077/HĐBĐ ngày 05/11/2024, giá trị 3 tỷ đồng.

- - Hợp đồng thế chấp tài sản ký ngày 07/12/2024 là 2 xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Triton biển kiểm soát 29H-653.81 theo chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29001565 do Công an Huyện Gia Lâm cấp.

Tại thời điểm 30/09/2025, Ông Nguyễn Văn Bình là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

(3) Hợp đồng cấp tín dụng số 219033.24.058.3901046.TD ngày 24/09/2024 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Quân đội với hạn mức 50 tỷ đồng, thời hạn vay đến ngày 24/05/2025, lãi suất vay được xác định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Mục đích vay là phục vụ sản xuất kinh doanh.

(4) Hợp đồng vay tiền số 04/2025/HĐVT/ECO-LVH ngày 02/06/2025 giữa Công ty Cổ phần Nhựa Sinh thái Việt Nam (Bên vay) và Ông Lê Văn Hoan (Bên cho vay) với hạn mức vay: 30.000.000.000 đồng. Lãi suất: 6,8%/năm, Thời hạn vay: 6 tháng. Mục đích vay: Bổ sung vốn động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

(5) Hợp đồng vay tiền số 02.2025/ECO-NTD ngày 09/06/2025 giữa Công ty Cổ phần Nhựa Sinh thái Việt Nam (Bên vay) và Ông Nguyễn Tuấn Dũng (Bên cho vay) với hạn mức vay: 27.000.000.000 đồng. Lãi suất: 7,2%/năm, Thời hạn vay: 6 tháng. Mục đích vay: Bổ sung vốn động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(6) Hợp đồng tín dụng số 02/2024/17910577/HĐTD ngày 12/07/2024 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thăng Long với hạn mức là 276.866,39 USD với thời hạn 60 tháng, lãi vay năm thứ nhất cố định 6,3%/năm, các năm tiếp theo bằng lãi suất cơ sở + biên độ 3,0%/năm, mục đích vay thanh toán tiền mua máy móc thiết bị.

Khoản vay được thế chấp bằng các tài sản cố định của Công ty theo các hợp đồng thế chấp:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2023.17910577/HĐBĐ ngày 31/03/2023;

- Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2024/17910577/HĐBĐTL ngày 15/07/2024.

(7) Hợp đồng cấp tín dụng số 276487.25.058.36136968.TD ngày 16/01/2025 giữa Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Sinh thái Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long với các nội dung như sau:

- Số tiền cấp tín dụng: 115.000.000.000 đồng.
- Mục đích sử dụng vốn: Tài trợ để thực hiện dự án đầu tư Nhà máy sản xuất nhựa bao bì tại Lô CN1, Đường G6, KCN Phố Nối A mở rộng, Xã Minh Hải, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam do Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Sinh thái Việt Nam làm chủ đầu tư.
- Thời hạn cho vay: 120 tháng.
- Thời hạn ân hạn gốc: 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
- Lãi suất: chi tiết tại từng lần giải ngân, nhận nợ và thoả thuận chung.
- Khoản vay được bảo đảm theo các hồ sơ sau:
 - + Hợp đồng thế chấp số 276534.25.058.36136968.BD ngày 16/01/2025 giữa Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Sinh thái Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long: tài sản thế chấp là Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất gắn liền với kết cấu hạ tầng số 175/HĐTLD/KCN-PNA ngày 20/12/2024 giao kết giữa Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa sinh thái Việt Nam và Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng khu công nghiệp Hoà Phát Hưng Yên và các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung kèm theo (nếu có) và các văn bản, tài liệu liên quan về việc thuê lô đất diện tích 11.732 m² tại địa chỉ Lô CN1, Đường G6, KCN Phố Nối A mở rộng diện tích 92,5ha, Xã Minh Hải, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
 - + Hợp đồng thế chấp số 276517.25.058.36136968.BD ngày 16/01/2025 giữa Công ty Cổ phần Nhựa Sinh thái Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long: tài sản thế chấp là toàn bộ 9.800.000 cổ phần Công ty Cổ phần Nhựa Sinh thái Việt Nam nắm giữ tại Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Sinh thái Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
Thôn Trung Dương, Xã Gia Lâm, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý III năm 2025

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng	
	VND		VND		VND		VND	
Năm 2024								
Tại ngày 01/01/2024	200.000.000.000		10.291.609.910		-		210.291.609.910	
Lãi/lỗ trong năm 2024	-		14.107.426.515		(1.236.684)		14.106.189.831	
Tại ngày 31/12/2024	200.000.000.000		24.399.036.425		(1.236.684)		224.397.799.741	
Tại ngày 01/01/2025	200.000.000.000		24.399.036.425		(1.236.684)		224.397.799.741	
Lãi/lỗ trong kỳ này	-		10.558.913.477		(40.253.041)		10.518.660.436	
Giá trị của cổ đông không kiểm soát góp vốn vào công ty con trong kỳ	-		-		2.000.000.000		2.000.000.000	
Tại ngày 30/09/2025	200.000.000.000		34.957.949.902		1.958.510.275		236.916.460.177	

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Ông Nguyễn Đình Tuấn	1,50%	3.000.000.000	1,50%	3.000.000.000
Ông Nguyễn Văn Bình	20,00%	40.000.000.000	20,00%	40.000.000.000
Ông Nguyễn Hữu Dương	0,00%	-	15,00%	30.000.000.000
Các cổ đông khác	78,50%	157.000.000.000	63,50%	127.000.000.000
	100%	200.000.000.000	100%	200.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025 VND	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/09/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngoại tệ các loại

	30/09/2025	01/01/2025
- Đồng đô la Mỹ (USD)	231.748,97	361.728,94
- Đồng Euro (EUR)	3.566,14	288,04

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý III năm 2025	Quý III năm 2024	Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến 30/09/2025	Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến 30/09/2024
Doanh thu bán thành phẩm	65.503.969.602	47.378.561.232	200.677.773.302	136.153.895.876
Doanh thu bán hàng hoá	50.728.479.070	64.531.632.616	154.758.966.839	183.298.846.344
Doanh thu bán phế	-	700.000.000	1.960.000.000	802.500.000
Doanh thu gia công	-	-	-	488.698.336
	116.232.448.672	112.610.193.848	357.396.740.141	320.743.940.556

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Quý III năm 2025	Quý III năm 2024	Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến 30/09/2025	Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến 30/09/2024
Hàng bán bị trả lại	-	537.535	-	537.535
Giảm giá hàng bán	-	540.414	-	231.635.601
	<u>-</u>	<u>1.077.949</u>	<u>-</u>	<u>232.173.136</u>

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý III năm 2025	Quý III năm 2024	Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến 30/09/2025	Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến 30/09/2024
Giá vốn của thành phẩm đã bán	53.543.077.284	43.371.968.877	171.676.092.714	121.835.624.151
Giá vốn của hàng hóa đã bán	49.701.764.237	63.645.462.954	151.795.780.424	180.058.131.637
Giá vốn bán phế	-	792.922.500	2.238.044.340	953.641.086
Giá vốn gia công	-	-	-	390.624.335
	<u>103.244.841.521</u>	<u>107.810.354.331</u>	<u>325.709.917.478</u>	<u>303.238.021.209</u>

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý III năm 2025	Quý III năm 2024	Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến 30/09/2025	Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến 30/09/2024
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	456.709.662	349.758.385	1.091.885.395	1.041.802.059
Lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán	106.585.000	1.425.892.316	1.472.996.065	1.899.314.703
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong	1.560.859.023	682.121.938	4.385.148.510	3.119.776.317
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	-	66.039.033	-
	<u>2.124.153.685</u>	<u>2.457.772.639</u>	<u>7.016.069.003</u>	<u>6.060.893.079</u>

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý III năm 2025	Quý III năm 2024	Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến 30/09/2025	Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến 30/09/2024
Lãi tiền vay	2.149.774.863	585.965.812	5.993.809.304	1.662.242.874
Lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán	2.061.561.276	323.024.660	5.233.237.860	1.284.069.320
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	418.414.540	223.284.677	885.264.838	1.466.576.992
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	-	-	257.426.893
Hoàn nhập dự phòng chứng kinh	(249.846.586)	(753.658.422)	-	-
Trích lập dự phòng chứng kinh doanh	-	-	341.530.801	-
Chi phí tài chính khác	15.360.758	39.740.895	59.401.975	94.370.798
	<u>4.395.264.851</u>	<u>418.357.622</u>	<u>12.513.244.778</u>	<u>4.764.686.877</u>

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Quý III năm 2025	Quý III năm 2024	Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến 30/09/2025	Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến 30/09/2024
Chi phí nhân viên	296.944.546	279.270.624	827.161.167	579.905.608
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.793.793.110	1.020.805.444	5.562.908.317	3.283.759.448
Chi phí khác bằng tiền	496.964.443	352.703.127	1.708.627.894	1.298.821.766
	<u>2.587.702.099</u>	<u>1.652.779.195</u>	<u>8.098.697.378</u>	<u>5.162.486.822</u>

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý III năm 2025	Quý III năm 2024	Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến 30/09/2025	Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến 30/09/2024
Chi phí nhân viên	407.686.995	385.135.260	1.247.890.276	1.337.409.187
Chi phí khấu hao tài sản cố định	94.031.729	121.480.281	254.205.959	203.325.885
Thuế, phí, lệ phí	-	-	8.000.000	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.005.001.294	423.821.905	2.590.965.936	818.743.271
Chi phí khác bằng tiền	499.081.822	263.180.250	1.141.518.140	827.291.184
	<u>2.005.801.840</u>	<u>1.193.617.696</u>	<u>5.242.580.311</u>	<u>3.191.769.527</u>

27 . THU NHẬP KHÁC

	Quý III năm 2025	Quý III năm 2024	Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến 30/09/2025	Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến 30/09/2024
*Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	8.984.302	-	18.984.302	-
Tiền trực in, hàng mẫu	208.810.860	-	824.539.430	-
Xử lý công nợ	151.850.605	82.549.874	182.441.611	209.677.583
Thu nhập khác	261.625.200	-	824.367.445	-
	<u>631.270.967</u>	<u>82.549.874</u>	<u>1.850.332.788</u>	<u>209.677.583</u>

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Quý III năm 2025	Quý III năm 2024	Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến 30/09/2025	Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến 30/09/2024
Xử lý hàng tồn kho	176.988	436.276	829.224.014	228.728.497
Xử lý công nợ	110.065.291	26.323.246	102.971.853	27.019.269
Các khoản bị phạt, truy thu, chậm nộp thuế, BHXH	12.650.000	-	122.818.041	-
Chi phí khác	50.340.300	-	62.291.118	-
	<u>173.232.579</u>	<u>26.759.522</u>	<u>1.117.305.026</u>	<u>255.747.766</u>

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025 VND	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.690.202.292	10.169.625.881
Các khoản điều chỉnh tăng	2.355.105.694	-
- Chi phí không hợp lệ	275.431.012	-
- Lợi trừ lỗ của công ty con	2.012.652.069	-
- Thù lao Thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành	54.600.000	-
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	12.422.613	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(187.598.707)	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(16.992.500)	-
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ	(61.800.876)	-
- Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	(108.805.331)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	15.857.709.279	10.169.625.881
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (20%)	<u>3.171.541.856</u>	<u>2.033.925.176</u>

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	10.558.913.477	8.135.700.705
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	10.558.913.477	8.135.700.705
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	528	407

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	147.103.079.825	102.455.626.406
Chi phí nhân công	6.841.691.013	6.945.718.363
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.801.144.539	4.463.109.906
Thuế, phí, lệ phí	8.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.187.175.498	11.058.872.624
Chi phí khác bằng tiền	2.855.146.034	3.145.912.521
	170.796.236.909	128.069.239.820

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

		Giá trị sổ kế toán	
		30/09/2025	01/01/2025
		Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.746.517.957	-	52.430.821.051
Phải thu khách hàng, phải thu khác	108.770.694.441	-	34.615.997.795
Đầu tư ngắn hạn	34.150.940.980	(1.242.644.826)	46.263.410.429
	154.668.153.378	(1.242.644.826)	133.310.229.275
			(901.114.025)

	Giá trị số kế toán	
	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	153.036.242.177	60.966.196.457
Phải trả người bán, phải trả khác	20.203.945.323	19.535.488.180
Chi phí phải trả	1.204.865.729	123.266.855
	164.445.053.229	80.624.951.492

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/09/2025				
Đầu tư ngắn hạn	32.908.296.154	-	-	32.908.296.154
	32.908.296.154	-	-	32.908.296.154
Tại ngày 01/01/2025				
Đầu tư ngắn hạn	45.362.296.404	-	-	45.362.296.404
	45.362.296.404	-	-	45.362.296.404

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/09/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.746.517.957	-	-	11.746.517.957
Phải thu khách hàng, phải thu khác	108.770.694.441	-	-	108.770.694.441
	<u>120.517.212.398</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>120.517.212.398</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.430.821.051	-	-	52.430.821.051
Phải thu khách hàng, phải thu khác	34.615.997.795	-	-	34.615.997.795
	<u>87.046.818.846</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>87.046.818.846</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
Thôn Trung Dương, Xã Gia Lâm, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý III năm 2025

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/09/2025				
Vay và nợ	105.115.405.387	47.920.836.790	-	153.036.242.177
Phải trả người bán, phải trả khác	10.203.945.323	-	-	10.203.945.323
Chi phí phải trả	1.204.865.729	-	-	1.204.865.729
	116.524.216.439	47.920.836.790	-	164.445.053.229
Tại ngày 01/01/2025				
Vay và nợ	56.144.193.756	4.822.002.701	-	60.966.196.457
Phải trả người bán, phải trả khác	19.535.488.180	-	-	19.535.488.180
Chi phí phải trả	123.266.855	-	-	123.266.855
	75.802.948.791	4.822.002.701	-	80.624.951.492

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo khu vực địa lý

	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần	159.616.179.141	197.780.561.000	357.396.740.141
Giá vốn	156.542.165.809	169.167.751.669	325.709.917.478
Lợi nhuận gộp	3.074.013.332	28.612.809.331	31.686.822.663
Doanh thu hoạt động tài chính			7.016.069.003
Chi phí tài chính			12.513.244.778
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết			108.805.331
Chi phí bán hàng			8.098.697.378
Chi phí quản lý doanh nghiệp			5.242.580.311
Thu nhập khác			1.850.332.788
Chi phí khác			1.117.305.026
Lợi nhuận khác			733.027.762
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế hợp nhất			13.690.202.292

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Quang	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa sinh thái Việt Nam	Công ty con
Các thành viên Hội đồng quản trị	
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc	
Thành viên Ban kiểm soát	

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	<u>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025</u>	<u>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Quang	12.760.260.000	27.223.651.000
Mua hàng hoá, dịch vụ (bao gồm thuế GTGT)	12.760.260.000	27.223.651.000

Tại ngày 30/09/2025, tài sản cá nhân của Ông Nguyễn Văn Bình - Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ông Nguyễn Đình Tuấn - Thành viên HĐQT được dùng làm tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay tại các Ngân hàng, chi tiết tại thuyết minh số 17.

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>30/09/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Quang	7.353.221.500	5.954.831.500
Trả trước tiền hàng	7.353.221.500	5.954.831.500

Giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025</u>	<u>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024</u>
	VND	VND
Thu nhập và thù lao của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Văn Bình	30.000.000	45.000.000
Ông Nguyễn Hữu Dương	183.196.761	180.283.111
Ông Nguyễn Đình Tuấn	68.000.000	27.000.000
Ông Đào Quốc Hùng	166.188.735	144.152.495
Ông Nguyễn Thành An	133.062.556	45.690.865
Ông Nguyễn Tôn Việt	6.600.000	-
Bà Lê Thị Thuý	152.383.028	145.637.354
Thu nhập và thù lao của Ban kiểm soát		
Bà Nguyễn Thu Hằng	137.569.700	105.667.004
Bà Đỗ Thị Duyên	131.190.773	102.088.866
Bà Trần Ngọc Phương	116.808.209	103.090.137
	<u>1.124.999.762</u>	<u>898.609.832</u>

36 . SỞ LIỆU SO SÁNH

Số liệu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng của Quý 3 năm 2024 và lũy kế từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024 là số liệu do công ty lập.



Trần Thị Việt Hoa
Người lập

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2025



Trần Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Tuấn
Tổng Giám đốc



SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 31 tháng 10 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN
NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

-----o0o-----

Số: 01/2025/CKHĐQT/ECO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

Hà Nội, ngày 16 tháng 06 năm 2025



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đình Tuấn

**CAM KẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM**

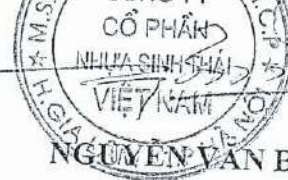
V/v: Triển khai đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Hiện nay, Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam đang thực hiện nộp hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng. Bằng Công văn này, Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam xin cam kết với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc triển khai đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán này.

Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam hoàn toàn chịu trách nhiệm về những vấn đề phát sinh nếu không thực hiện đúng cam kết này.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



NGUYỄN VĂN BÌNH

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 31 tháng 10 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN
NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

-----o0o-----

Số: 01/2025/CKUBCKNN/ECO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đình Tuấn

CAM KẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

(V/v: Đáp ứng các quy định tại Điểm e, Khoản 1, Điều 15 Luật Chứng khoán 2019)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam (Công ty) xin gửi đến Quý Ủy ban lời chào trân trọng và cảm ơn sự hợp tác, giúp đỡ mà Quý Ủy ban đã dành cho Công ty.

Hiện nay, Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam đang thực hiện nộp hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng. Bằng Công văn này, Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam xin cam kết với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 như sau:

Điểm e: “*Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích*”.

Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam hoàn toàn chịu trách nhiệm về những vấn đề phát sinh nếu không thực hiện đúng cam kết này.

Xin trân trọng cảm ơn!

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HỮU DƯƠNG



NH TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN
VIETBANK – PGD MỸ ĐÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 09072025

V/v: Xác nhận phong tỏa tài khoản của Ngân
hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Hà Nội, ngày 09 tháng 07 năm 2025



Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín – PGD Mỹ Đình (VietBank Mỹ Đình) xin trân trọng cảm
ơn sự hợp tác tốt đẹp của Quý khách hàng trong thời gian qua.

Chúng tôi - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín – PGD Mỹ Đình xin thông báo Quý khách hàng về việc phong
tỏa tài khoản của Quý khách hàng tại Ngân hàng chúng tôi như sau:

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đình Tuấn

Tên tài khoản	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM
Số tài khoản	000003628747
Loại tài khoản	Tài khoản thanh toán
Loại tiền	VNĐ
Ngày mở	09/11/2023
Ngày phong tỏa	09/07/2025
Lý do phong tỏa	Phong tỏa tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu chào bán ra công chúng của Công ty cổ phần Nhựa Sinh Thái Việt Nam.
Số tiền phong tỏa	Phong tỏa toàn bộ số dư tài khoản.
Nội dung quản lý tài khoản	VietBank Mỹ Đình sẽ thực hiện giải tỏa tài khoản khi nhận được đầy đủ các hồ sơ sau: (i) Văn bản thông báo của Ủy ban Chứng khoán nhà nước hoặc thông tin được đăng ký trên website của Ủy ban Chứng khoán nhà nước về báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty cổ phần Nhựa Sinh Thái Việt Nam. (ii) Đề nghị giải tỏa tài khoản của Công ty cổ phần Nhựa Sinh Thái Việt Nam.

Trong mọi trường hợp, khi Quý khách hàng thay đổi bất kỳ những thông tin liên quan đến tài khoản
phong tỏa trên, vui lòng thông báo và gửi ngay cho chúng tôi những giấy tờ hợp lệ chứng minh sự thay đổi
đó.

Trân trọng cảm ơn!

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG
TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN



Đông Quách Hùng

